



Số/No.: 03 /2026/TPB.HĐQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2026  
Hanoi, January 28, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP. HCM**  
**DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE STATE SECURITIES  
COMMISSION'S PORTAL AND HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S PORTAL**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh  
To: - State Securities Commission  
- Hochiminh Stock Exchange

- Tên tổ chức/ Organization name: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong/ Tien Phong Commercial Joint Stock Bank
- Mã chứng khoán/ Securities Symbol: TPB
- Địa chỉ trụ sở chính/ Address: Tòa nhà TPBank, Số 57, Phố Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội/ TPBank Building, No. 57, Ly Thuong Kiet Street, Cua Nam Ward, Hanoi City
- Điện thoại/ Telephone: 024. 3768 8998
- Fax: 024. 3768 8979
- Người thực hiện công bố thông tin/ Submitted by: Ông Lê Quang Tiến/ Mr. Le Quang Tien  
Chức vụ/ Position: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị/ Vice Chairman of the Board of Directors

Loại thông tin công bố: ☒ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu

Information disclosure type: ☒ Periodic ☐ Irregular ☐ 24 hours ☐ On demand

**Nội dung thông tin công bố/ Content of Information disclosure:**

Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025/ 2025 Corporate governance report.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng vào ngày 28/01/2026 tại đường dẫn: <https://tpb.vn/nha-dau-tu/thong-bao-co-dong/> This information was disclosed on Bank's Portal on January 28, 2026 available at: <https://tpb.vn/eng/nha-dau-tu/thong-bao-co-dong>



Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation./*

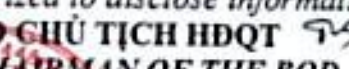
**Nơi nhận/ Recipients:**

- Như Kính gửi/ *As above;*
- SGDCK Việt Nam/ *Vietnam Exchange;*
- Lưu: VP. HĐQT/ *Archived by BOD Office.*

**Tài liệu đính kèm/ Attachment:**

- Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025/  
*2025 Corporate governance report*

**Đại diện tổ chức**  
**Organization representative**  
Người UQ CBTT  
*Party authorized to disclose information*

**PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT**   
**VICE CHAIRMAN OF THE BOD**



Số/No.: 08 /2026/TPB.HDQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2026  
Hanoi, January 28, 2026

**BÁO CÁO**  
**Tình hình quản trị công ty**  
**(năm 2025)**  
**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**  
**(2025)**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh  
To: - State Securities Commission  
- Hochiminh Stock Exchange

- Tên công ty/ Name of company: **Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Tiên Phong (TPBank)/ Tien Phong Commercial Joint Stock Bank (TPBank)**
- Địa chỉ trụ sở chính/ Address of headoffice: **Tòa nhà TPBank, Số 57, Phố Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội/ TPBank Building, No. 57, Ly Thuong Kiet Street, Cua Nam Ward, Hanoi City**
- Điện thoại/ Telephone: 024. 3768 8998 Fax: 024. 3768 8979 Email: [cbtt@tpb.com.vn](mailto:cbtt@tpb.com.vn)
- Vốn điều lệ/ Charter capital: **27.740.468.730.000 đồng/ VND 27,740,468,730,000**
- Mã chứng khoán/ Stock code: **TPB**
- Mô hình quản trị công ty/ Governance model: **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD), Hội đồng Quản trị (HDQT), Ban Kiểm soát (BKS) và Tổng Giám đốc (TGD)/ General Shareholders Meeting (GSM), the Board of Directors (BOD), the Supervisory Board (BOS) and the Chief Executive Officer (CEO)**
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ / The implementation of internal audit: **Đã thực hiện / Implemented**

**I. Hoạt động của ĐHĐCD/ Activities of the GSM:**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCD (bao gồm cả các Nghị quyết của ĐHĐCD được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/ Information on meetings, resolutions and decisions of the GSM (including the resolutions of the GSM approved in the form of written comments):

| STT<br>No. | Số Nghị quyết<br>Resolution No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|------------|---------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 01/2025/NQ-TPB.DHĐCĐ            | 24/04/2025   | <p>Thông qua các nội dung sau đây/ <i>Approve the following contents:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo của HĐQT, bao gồm/ <i>Reports of the BOD, including:</i> <ol style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo hoạt động năm 2024 và Kế hoạch năm 2025 của HĐQT/ <i>The report on 2024 operations and 2025 targets of the BOD.</i></li> <li>Báo cáo hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập và đánh giá của Thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT năm 2024/ <i>The report on activities of the independent BOD's member and the evaluation of the independent BOD's member on BOD's operations in 2024.</i></li> <li>Báo cáo sử dụng ngân sách năm 2024 và Kế hoạch ngân sách năm 2025 của HĐQT/ <i>The report on 2024 budget implementation and 2025 budget plan of the BOD.</i></li> </ol> </li> <li>Báo cáo kết quả hoạt động, chỉ tiêu kinh doanh năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Ban Điều hành (BDH)/ <i>The report of 2024 business performance and 2025 business plan of the Board of Management (BOM).</i></li> <li>Báo cáo của BKS, bao gồm/ <i>Reports of the BOS, including:</i> <ol style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 và công tác trọng tâm năm 2025 của BKS/ <i>The report on 2024 operations and 2025 targets of the BOS.</i></li> <li>Báo cáo sử dụng ngân sách năm 2024, kế hoạch ngân sách năm 2025 của BKS/ <i>The report on 2024 budget implementation, 2025 budget plan of the BOS.</i></li> </ol> </li> <li>Một số nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT theo Tờ trình số 02/2025/TTr-TPB.HĐQT ngày 18/04/2025 của HĐQT/ <i>Some contents under the authority of the GSM according to Proposal No. 02/2025/TTr-TPB.HĐQT dated April 18, 2025 of the BOD:</i> <ol style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của TPBank/ <i>TPBank's 2024 audited financial statements.</i></li> <li>Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo quy định năm 2024/ <i>2024 profit distribution plan.</i></li> <li>Lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2026/ <i>Select an independent auditing organization for 2026 fiscal year.</i></li> <li>Một số nội dung khác theo quy định của pháp luật/ <i>Other contents as prescribed by law.</i></li> </ol> </li> <li>Phương án chi trả cổ tức bằng tiền mặt và Phương án tăng vốn điều lệ năm 2025 theo Tờ trình số</li> </ol> |

| STT<br>No. | Số Nghị quyết<br>Resolution No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|------------|---------------------------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                 |              | <p>03/2025/TTr-TPB.HĐQT ngày 18/04/2025 của HĐQT/ <i>The cash dividend payment plan and the plan to increase charter capital in 2025 according to Proposal No. 03/2025/TTr-TPB.HĐQT dated April 18, 2025 of the BOD.</i></p> <p>6. Miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028 theo Tờ trình số 05/2025/TTr-TPB.HĐQT ngày 21/04/2025 của HĐQT/ <i>Dismissal of the BOD's member for the term 2023 – 2028 according to Proposal No. 05/2025/TTr-TPB.HĐQT dated April 21, 2025 of the BOD.</i></p> <p>7. Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm theo Tờ trình số 04/2025/TTr-TPB.HĐQT ngày 18/04/2025 của HĐQT/ <i>The proposed remedial plan in the event of early intervention according to Proposal No. 04/2025/TTr-TPB.HĐQT dated April 18, 2025 of the BOD.</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 2          | 02/2025/NQ-TPB.ĐHĐCĐ            | 11/09/2025   | <p>Thông qua các nội dung sau đây/ <i>Approve the following contents:</i></p> <p>1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ TPBank theo Tờ trình số 07/2025/TTr-TPB.HĐQT ngày 25/08/2025 của HĐQT/ <i>The amendment and supplement to TPBank's Charter according to Proposal No. 07/2025/TTr-TPB.HĐQT dated August 25, 2025 of the BOD.</i></p> <p>2. Thành lập Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Tiên Phong (TPBank AMC) theo Tờ trình số 08/2025/TTr-TPB.HĐQT ngày 25/08/2025 của HĐQT/ <i>The establishment of TPBank Assets Management Company Limited (TPBank AMC) according to Proposal No. 08/2025/TTr-TPB.HĐQT dated August 25, 2025 of the BOD.</i></p> <p>3. Góp vốn, mua cổ phần để Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong (TPS) trở thành Công ty con của TPBank theo Tờ trình số 09/2025/TTr-TPB.HĐQT ngày 25/08/2025 của HĐQT/ <i>Capital contribution and share purchase to make Tien Phong Securities Corporation (TPS) become a subsidiary of TPBank according to Proposal No. 09/2025/TTr-TPB.HĐQT dated August 25, 2025 of the BOD.</i></p> |

## II. Hội đồng Quản trị/ *The Board of Directors:*

### 1. Thông tin về thành viên HĐQT/ *Information about BOD's members:*

| STT<br>No. | Thành viên HĐQT<br><i>BOD's members</i> | Chức vụ<br><i>Position</i>                       | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên<br>HĐQT/ HĐQT độc lập<br><i>The date becoming/ceasing to be the<br/>member of the BOD</i> |                                                |
|------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
|            |                                         |                                                  | Ngày bổ nhiệm<br><i>Date of appointment</i>                                                                                    | Ngày miễn<br>nhiệm<br><i>Date of dismissal</i> |
| 1          | Ông/ Mr. Đỗ Minh Phú                    | Chủ tịch/ <i>Chairman</i>                        | 26/04/2023                                                                                                                     |                                                |
| 2          | Ông/ Mr. Lê Quang Tiến                  | Phó Chủ tịch/ <i>Vice<br/>Chairman</i>           | 26/04/2023                                                                                                                     |                                                |
| 3          | Ông/ Mr. Đỗ Anh Tú                      | Phó Chủ tịch/ <i>Vice<br/>Chairman</i>           | 26/04/2023                                                                                                                     | 24/04/2025                                     |
| 4          | Ông/ Mr. Shuzo Shikata                  | Phó Chủ tịch/ <i>Vice<br/>Chairman</i>           | 26/04/2023                                                                                                                     |                                                |
| 5          | Bà/ Ms. Nguyễn Thị Mai<br>Sương         | Thành viên/ <i>Member</i>                        | 26/04/2023                                                                                                                     |                                                |
| 6          | Bà/ Ms. Võ Bích Hà                      | Thành viên độc lập/<br><i>Independent member</i> | 26/04/2023                                                                                                                     |                                                |

### 2. Các cuộc họp HĐQT/ *Meetings of the BOD:*

| STT<br>No. | Thành viên HĐQT<br><i>BOD's members</i> | Số buổi họp HĐQT<br>tham dự/lấy ý kiến<br><i>Number of meetings<br/>attended by the BOD/<br/>collect opinions</i> | Tỷ lệ tham<br>dự họp<br><i>Attendance rate</i> | Lý do không<br>tham dự họp<br><i>Reasons for<br/>absence</i>                                                                                                                                                |
|------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Ông/ Mr. Đỗ Minh Phú                    | 91/91                                                                                                             | 100%                                           |                                                                                                                                                                                                             |
| 2          | Ông/ Mr. Lê Quang Tiến                  | 91/91                                                                                                             | 100%                                           |                                                                                                                                                                                                             |
| 3          | Ông/ Mr. Đỗ Anh Tú                      | 13/91                                                                                                             | 14,29%                                         | Do ủy quyền và<br>Từ nhiệm từ ngày<br>18/03/2025,<br>Miễn nhiệm từ<br>ngày 24/04/2025<br><i>Due to<br/>Authorization and<br/>Resignation from<br/>March 18, 2025,<br/>Dismissal from<br/>April 24, 2025</i> |
| 4          | Ông/ Mr. Shuzo Shikata                  | 91/91                                                                                                             | 100%                                           |                                                                                                                                                                                                             |
| 5          | Bà/ Ms. Nguyễn Thị Mai<br>Sương         | 50/91                                                                                                             | 55,95%                                         | Lý do cá nhân<br><i>Personal grounds</i>                                                                                                                                                                    |
| 6          | Bà/ Ms. Võ Bích Hà                      | 91/91                                                                                                             | 100%                                           |                                                                                                                                                                                                             |

### 3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với BDH (TGD)/ *Supervising the BOM (CEO) by the BOD:*

HĐQT đã chỉ đạo, giám sát cấp cao hoạt động của TGD, BDH và các đơn vị của Ngân hàng, tập trung triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT để thực hiện hiệu quả kế hoạch

kinh doanh 2025 và đảm bảo an toàn hệ thống. HĐQT còn tham dự họp giao ban hàng tháng cùng BDH để lắng nghe báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và có ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại các cuộc họp này.

*The BOD has provided senior guidance and supervision to the activities of the CEO, the BOM, and the Bank's units, focusing on implementing the GSM's Resolutions and the BOD's Resolutions to effectively execute the 2025 business plan and ensure system safety. The BOD also attends monthly meetings with the BOD to listen to reports on business performance and provide direct guidance at these meetings.*

#### **4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT/ Activities of the BOD's committees:**

- Ủy ban Quản trị cấp cao (EXCO): Tham mưu cho HĐQT triển khai kế hoạch hoạt động của HĐQT, thực hiện vai trò giám sát cấp cao và định hướng kịp thời cho TGD, BDH đưa ra các quyết sách đúng đắn, giải pháp thiết thực, hiệu quả để hoạch định kế hoạch kinh doanh hợp lý, có các giải pháp điều hành linh hoạt, kiểm soát nâng cao chất lượng tài sản và đảm bảo an toàn cho cả hệ thống.

*The Executive Committee (EXCO): Advise the BOD on implementing the BOD's operational plan, perform the senior supervisory role, and provide timely guidance to the CEO and the BOM to make sound decisions and implement practical and effective solutions to formulate a rational business plan, develop flexible operational solutions, improve asset quality, and ensure the safety of the entire system.*

- Ủy ban Nhân sự (UBNS): Tham mưu cho HĐQT phê duyệt các văn bản về cơ cấu tổ chức và hoạt động của các Khối; Rà soát, cắt giảm chặt định biên nhân sự, đảm bảo sử dụng tối ưu nguồn nhân lực, thúc đẩy tăng năng suất lao động; Tiếp tục tuyển dụng nhân sự bên ngoài cũng như phát triển cán bộ từ nguồn nội bộ; Chỉ đạo triển khai chương trình Phát triển Văn hóa doanh nghiệp; Tăng cường hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trên cả 2 hình thức: Đào tạo e-Learning và đào tạo trực tiếp linh hoạt, đẩy mạnh công tác đào tạo nội bộ; Xử lý các cán bộ yếu kém, vi phạm kỷ luật, không đạt năng suất lao động.

*The Human Resources Committee (HR Committee): Advise the BOD on approving documents regarding the organizational structure and operations of Divisions; Review and drastically reduce staffing levels to ensure optimal utilization of human resources and boost labor productivity; Continue to recruit external personnel as well as developing staff from internal sources; Direct the implementation of the Corporate Culture Development program; Strengthen training and human resource development activities in both forms: e-Learning and flexible in-person training, promoting internal training; Address underperforming staff, those violating discipline or failing to meet labor productivity targets.*

- Ủy ban Quản lý rủi ro (UB QLRR): Tham mưu cho HĐQT phê duyệt các văn bản, đề xuất liên quan đến công tác quản lý rủi ro thuộc thẩm quyền; Giám sát chặt chẽ rủi ro công nghệ thông tin, rủi ro không gian mạng, rủi ro gian lận và rủi ro kỹ thuật số để đảm bảo mục tiêu phát triển ngân hàng số bền vững và an toàn; Cho ý kiến đối với đề xuất về các phương án kinh doanh, các khoản đầu tư, các giao dịch có liên quan, phương án xử lý rủi ro; Giám sát công tác quản trị rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất trên Sở Ngân hàng chặt chẽ theo quy định pháp

luật; Tham mưu cho HĐQT đối với Phương án thành lập Công ty con là TPBank AMC, Phương án góp vốn, mua cổ phần để TPS trở thành Công ty con của TPBank; Xây dựng và triển khai áp dụng các tiêu chuẩn/chuẩn mực về quản trị rủi ro tiên tiến như Basel III.

***The Risk Management Committee (RM Committee):** Advise the BOD on the approval of documents and proposals related to risk management within the authority; Closely monitor information technology risks, cybersecurity risks, fraud risks, and digital risks to ensure the sustainable and secure development of digital banking; Provide opinions on proposals regarding business plans, investments, related transactions, and risk management plans; Closely monitor liquidity risk and interest rate risk management on the Bankbook in accordance with the legal; Advise the BOD on the plan to establish a subsidiary, TPBank AMC, and the plan to contribute capital and purchase shares to make TPS a subsidiary of TPBank; Develop and implement advanced risk management standards such as Basel III.*

- Ủy ban Giám sát Tài sản/Nợ phải trả (SALCO): Thực hiện hiệu quả công tác tham mưu cho HĐQT, giám sát việc quản lý và điều hành cơ cấu bảng cân đối tài sản, phù hợp với khẩu vị và chính sách quản lý rủi ro; Giám sát việc kiểm soát hoạt động kinh doanh nhằm đảm bảo tuân thủ các hạn mức rủi ro (hạn mức rủi ro thanh khoản, hạn mức rủi ro lãi suất trên Sổ Ngân hàng và tổng tài sản tính theo rủi ro lãi suất trên Sổ Ngân hàng); Giám sát việc xây dựng và phê duyệt khung lãi suất huy động – cho vay, khung giá các sản phẩm, kế hoạch huy động và sử dụng vốn, nguyên tắc định giá nội bộ và các nội dung khác liên quan đến công tác quản lý Tài sản/Nợ phải trả của TPBank.

***The Asset/Liability Supervision Committee (SALCO):** Effectively advise the BOD, supervise the management and operation of the balance sheet structure, in accordance with risk management appetite and policies; Supervise business operations to ensure compliance with risk limits (liquidity risk limit, interest rate risk limit on the Bankbook and total assets calculated based on interest rate risk on the Bankbook); Supervise the development and approval of deposit and lending interest rate frameworks, product pricing frameworks, capital mobilization and utilization plans, internal pricing principles, and other matters related to the management of TPBank's Assets/Liabilities.*

- Ủy ban Giám sát Tín dụng và Đầu tư: Tham mưu cho HĐQT thông qua các hợp đồng, giao dịch thuộc nghiệp vụ tín dụng cho các đối tượng là cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên BKS, công ty con của TPBank theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của TPBank; Các hợp đồng, giao dịch thuộc nghiệp vụ tín dụng (hợp đồng tín dụng, bảo đảm và các hợp đồng khác có liên quan đến khoản cấp tín dụng) có giá trị từ 10% Vốn điều lệ của TPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; Việc cấp tín dụng đối với các đối tượng thuộc trường hợp hạn chế cấp tín dụng theo quy định; Phê duyệt và ban hành một số văn bản liên quan đến hoạt động tín dụng, các văn bản liên quan đến tài sản bảo đảm và đầu tư mua, bán giấy tờ có giá; Giám sát chặt chẽ các hoạt động phê duyệt của Hội đồng Tín dụng đầu tư cấp cao và TGD; Giám sát việc phê duyệt của TGD liên quan đến hoạt động cấp và điều chỉnh thẩm quyền phê duyệt tín dụng của các cấp

phê duyệt tín dụng trực thuộc TGD; Giám sát TGD và các cá nhân, đơn vị trong toàn hệ thống thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động tín dụng, đầu tư mua, bán giấy tờ có giá.

***The Credit and Investment Supervision Committee:** Advise the BOD on the approval of contracts and transactions related to credit operations for major shareholders and affiliated parties of major shareholders, affiliated parties of managers, members of the Supervisory Board, and subsidiaries of TPBank in accordance with the law and TPBank's internal regulations; Contracts and transactions related to credit operations (credit contracts, guarantees, and other contracts related to credit granting) with a value of 10% or more of TPBank's charter capital as stated in the most recent audited financial statements; Grant credit to entities subject to credit restrictions as stipulated by regulations; Approve and issue several documents related to credit operations, documents related to collateral and investment in the purchase and sale of securities; Closely monitor the approval activities of the Senior Investment Credit Council and the CEO; Monitor the CEO's approvals related to granting and adjusting the credit approval authority of credit approval levels under the CEO's direct supervision; Supervise the CEO and individuals/units throughout the system in carrying out tasks related to credit activities, investment, and the buying and selling of securities.*

- Ủy ban Chiến lược: Tham mưu cho HĐQT tiếp tục triển khai “Chiến lược phát triển TPBank giai đoạn 2023 - 2028 và tầm nhìn đến 2035”, bám sát “Chiến lược phát triển kinh doanh giai đoạn 2026-2030” và kịp thời chỉ đạo điều chỉnh các chỉ tiêu kinh doanh để phù hợp với biến động của thị trường; Chỉ đạo triển khai và báo cáo Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tình hình thực hiện “Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025” theo chủ trương, định hướng của Chính phủ và NHNN; Chỉ đạo triển khai các giải pháp giữ vững vị thế trong cuộc cách mạng chuyển đổi số của ngành ngân hàng.

***The Strategy Committee:** Advise the BOD on the continued implementation of the "TPBank Development Strategy for the period 2023-2028 and vision to 2035," closely following the "Business Development Strategy for the period 2026-2030," and promptly directing adjustments to business targets to suit market fluctuations; Direct the implementation and reporting to the State Bank of Vietnam (SBV) on the progress of the "Restructuring Plan associated with handling non-performing loans for the period 2021-2025" in accordance with the policies and directions of the Government and the SBV; Direct the implementation of solutions to maintain its position in the banking digital transformation revolution.*

**5. Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/ Resolutions/Decisions of the BOD:**

Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm Báo cáo/ Please view the Appendix I for more details.

### III. Ban Kiểm soát/ *The Supervisory Board:*

#### 1. Thông tin về thành viên BKS/ *Information about BOS's members:*

| STT<br>No. | Thành viên BKS<br><i>BOS's members</i> | Chức vụ<br><i>Position</i>                                         | Ngày bắt đầu là<br>thành viên BKS<br><i>The date<br/>becoming to be<br/>BOS's member</i> | Trình độ<br>chuyên môn<br><i>Qualification</i>                                  |
|------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Bà/ Ms. Nguyễn Thị Thu Hương           | Trưởng BKS/ <i>Head of<br/>the BOS</i>                             | 26/04/2023                                                                               | Thạc sỹ Quản trị<br>Kinh doanh/<br><i>Master of Business<br/>Administration</i> |
| 2          | Ông/ Mr. Thái Duy Nghĩa                | Thành viên chuyên<br>trách/ <i>Dedicated<br/>member</i>            | 26/04/2023                                                                               | Cử nhân Tài chính<br>Tín dụng/<br><i>Bachelor of Credit<br/>Finance</i>         |
| 3          | Bà/ Ms. Nguyễn Thị Thu Nguyệt          | Thành viên không<br>chuyên trách/ <i>Non-<br/>dedicated member</i> | 26/04/2023                                                                               | Thạc sỹ Luật Quốc<br>tế/ <i>Master of<br/>International Law</i>                 |

#### 2. Cuộc họp của BKS/ *BOS's meetings:*

Trong năm 2025, BKS đã tiến hành họp 04 phiên họp toàn thể với thành phần như sau/ *In 2025, the BOS held 4 sessions with the following members:*

| STT<br>No. | Thành viên BKS<br><i>BOS's members</i> | Số buổi họp<br>tham dự<br><i>Number of<br/>meetings attended</i> | Tỷ lệ tham<br>dự họp<br><i>Attendance rate</i> | Tỷ lệ biểu<br>quyết<br><i>Voting rate</i> |
|------------|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| 1          | Bà/ Ms. Nguyễn Thị Thu Hương           | 04                                                               | 100%                                           | 100%                                      |
| 2          | Ông/ Mr. Thái Duy Nghĩa                | 04                                                               | 100%                                           | 100%                                      |
| 3          | Bà/ Ms. Nguyễn Thị Thu Nguyệt          | 04                                                               | 100%                                           | 100%                                      |

#### 3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, BDH và cổ đông/ *Supervising BOD, BOM and shareholders by the BOS:*

Trong năm 2025, BKS đã tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của TPBank. Cụ thể như sau/ *In 2025, the BOS has implemented its tasks and powers in accordance with the provisions of law, the Charter and TPBank's internal regulations. Specially as follows:*

##### a. Giám sát công tác quản trị, điều hành/ *Supervision of governance and operation:*

Qua giám sát hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng trong việc tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, quy định nội bộ và Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT cho thấy:

*Through monitoring the Bank's governance and operations in compliance with legal regulations, the Bank's Charter, internal regulations, and resolutions and decisions of the GSM and the BOD, it was found that:*

• HĐQT đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2025; chỉ đạo triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ, hoàn thành các chỉ tiêu vượt mức kế hoạch năm 2025 được ĐHĐCĐ giao.

*The BOD successfully organized the 2025 Annual General Meeting of Shareholders; directed the implementation of the GSM's resolutions, and achieved targets exceeding the 2025 plan assigned by the GSM.*

- HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế chỉ đạo của Chính phủ, NHNN và chủ động chỉ đạo, giám sát BDH trong việc triển khai việc thực hiện các giải pháp, kịch bản linh hoạt, quyết liệt để tối ưu hóa nguồn lực, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh; thông qua các công việc thuộc nhiệm vụ, thẩm quyền của HĐQT hoặc trình ĐHĐCĐ thông qua theo quy định của pháp luật và Điều lệ TPBank. Năm 2025, TPBank đã hoàn thành “Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu của TPBank giai đoạn 2021-2025”.

*The BOD consistently followed the actual situation and directives of the Government and the SBV, and proactively directed and supervised the BOM in implementing flexible and decisive solutions and scenarios to optimize resources and improve business performance; approving tasks within the BOD's duties and authority or submitting them to the GSM for approval in accordance with the law and TPBank's Charter. In 2025, TPBank completed the "Restructuring Plan associated with handling non-performing loans of TPBank for the period 2021-2025".*

- Thông qua các Ủy ban trực thuộc, HĐQT đã thực hiện các chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của từng Ủy ban. Với tư cách là thành viên của các Ủy ban trực thuộc HĐQT, các thành viên HĐQT đã tham gia các cuộc họp định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất để thực hiện chức năng quản trị và vai trò giám sát quản lý cấp cao đối với hoạt động của các Hội đồng trực thuộc TGD như Hội đồng Quản lý rủi ro, Hội đồng ALCO, Hội đồng Quản lý vốn, Hội đồng Tín dụng và đầu tư cấp cao ...

*Through its subordinate committees, the BOD has performed the functions and duties stipulated in the Statute on the organization and operation of each committee. As members of the committees under the BOD, BOD's members have participated in regular monthly or extraordinary meetings to perform governance functions and senior supervisory roles over the activities of the councils under the CEO, such as the Risk Management Council, the ALCO Council, the Capital Management Council, the Senior Credit and Investment Council, etc.*

- Trong năm 2025, HĐQT đã chỉ đạo kiện toàn nhân sự cấp cao (cấp Phó TGD) và Giám đốc Khối/Trung tâm trực thuộc TGD) để phù hợp với hoạt động thực tiễn của Ngân hàng, nâng cao hiệu quả, tối ưu hóa nguồn nhân lực.

*In 2025, the BOD directed the restructuring of senior personnel (Deputy CEO level) and Head of Divisions/Centers under the CEO) to align with the Bank's practical operations, improve efficiency, and optimize human resources.*

- HĐQT đã chỉ đạo sát sao việc rà soát, đổi mới toàn diện hoạt động của TPBank để tối ưu hóa, nâng cao hiệu quả hoạt động, vận hành và ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn hệ thống. Ngân hàng đã thành lập và triển khai Ban chỉ đạo đổi mới toàn diện hoạt động, bao gồm 04 Tiểu ban đổi mới: Đổi mới cơ cấu tổ chức, Đổi mới chiến lược kinh doanh, Đổi mới công nghệ và chuyển đổi số (ĐMCN&CĐS) và Đổi mới quy trình quy định.

*The BOD has closely supervised the comprehensive review and innovation of TPBank's operations to optimize and improve operational efficiency, and the application of information technology throughout the entire system. The Bank has established and implemented a Steering Committee for Comprehensive Operational Innovation, comprising four Innovation Subcommittees: Organizational Structure Innovation, Business Strategy Innovation, Technology Innovation and Digital Transformation (IT&DS), and Process and Regulation Innovation.*

- BDH đã chủ động triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT; truyền thông, cập nhật các thay đổi về hệ thống pháp luật, thay đổi cơ cấu tổ chức chính quyền, đánh giá các tác động đến hoạt động ngân hàng, từ đó có kế hoạch rà soát, sửa đổi, cập nhật hệ thống quy định nội bộ phù hợp với quy định pháp luật; duy trì các cuộc họp chuyên đề hàng tháng và điều hành, thực hiện kế hoạch kinh doanh, bảo đảm an toàn, hiệu quả hoạt động ngân hàng; ban hành các chỉ thị, thông báo về các nhiệm vụ cần triển khai thực hiện định kỳ hoặc theo quy định pháp luật; các nội dung chấn chỉnh, đôn đốc liên quan đến hoạt động nghiệp vụ; tuyên truyền các chương trình hỗ trợ, chính sách, sản phẩm... của Ngân hàng linh hoạt phù hợp với từng thời kỳ đến các Đơn vị, bộ phận, cá nhân liên quan; chỉ đạo các Đơn vị Hội sở, các Đơn vị kinh doanh thực hiện các giải pháp tăng trưởng mạnh cơ sở khách hàng; khai thác tối ưu khách hàng hiện hữu, cung cấp giải pháp tài chính toàn diện cho khách hàng; tăng cường các hoạt động phi tín dụng trong đó tập trung thúc đẩy sản phẩm phí, kinh doanh ngoại tệ, bảo lãnh, nguồn vốn CASA; chú trọng kiểm soát, nâng cao chất lượng tín dụng, tăng cường thu hồi, xử lý nợ xấu, nợ ngoại bảng nhằm giảm thiểu rủi ro thất thoát; tập trung tăng trưởng tín dụng...

*The BOD has proactively implemented resolutions of the GSM and the BOD; communicated and updated changes in the legal system and organizational structure of the government; assessed the impacts on banking operations; and subsequently planned to review, amend, and update internal regulations in accordance with legal regulations. It has maintained monthly thematic meetings and managed and implemented business plans, ensuring the safety and efficiency of banking operations. It has issued directives and notices regarding tasks to be implemented periodically or as required by law; and addressed corrective actions and follow-ups related to operational activities. Disseminate information about the Bank's support programs, policies, and products flexibly to relevant units, departments, and individuals, adapting them to each period; direct Head Office units and business units to implement solutions for strong customer base growth; optimize the utilization of existing customers and provide comprehensive financial solutions; strengthen non-credit activities, focusing on promoting fee-based products, foreign exchange trading, guarantees, and CASA funding; prioritize controlling and improving credit quality, strengthening the recovery and handling of bad debts and off-balance sheet debts to minimize losses; and focus on credit growth, etc.*

b. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024 và bán niên 2025, giám sát thực trạng tài chính và việc chấp hành quy định về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của Ngân hàng/  
*Appraise the 2024 Financial Statements and 2025 Interim Financial Statements, monitor the financial situation and compliance with regulations on restrictions to ensure safety in the*

*Bank's operations.*

c. Giám sát Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025; Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025; Giám sát giao dịch thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ và HĐQT/ *Monitor the Restructuring Plan associated with handling non-performing loans for the period 2021-2025; Monitor the implementation of the 2025 GSM's Resolution; Monitor transactions under the authority of the GSM and the BOD.*

d. Đánh giá việc giám sát quản lý cấp cao của HĐQT, TGD đối với Hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ mức đủ vốn/ *Evaluate the supervision of senior management by the BOD and the CEO over the Internal Control System, risk management, and internal assessment of capital adequacy.*

e. Giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên BKS, kiểm toán viên nội bộ/ *Monitor and evaluate the implementation of professional ethics standards of BOS's members and internal auditors.*

f. Chỉ đạo Trung tâm kiểm toán nội bộ (KTNB), Phòng Hỗ trợ và giúp việc BKS rà soát quy định nội bộ của BKS. BKS đã ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trung tâm KTNB, Phòng Hỗ trợ và giúp việc BKS theo định hướng chung của Ngân hàng về việc kiện toàn tổ chức, đổi mới hoạt động, tinh giản và hiệu quả/ *Direct the Internal Audit Center (IA) and the BOS Support Department to review the internal regulations of the BOS. The BOS has issued the Regulation on the organization and operation of the IA Center and the BOS Support Department in accordance with the Bank's organizational consolidation, operational innovation, streamlining and efficiency.*

g. Chỉ đạo, giám sát thực hiện KTNB/ *Direct and supervise the implementation of IA:*

BKS đã chỉ đạo, giám sát KTNB triển khai thực hiện Kế hoạch KTNB năm 2025 và các công việc theo chức năng, nhiệm vụ. Cụ thể:

*The BOS has directed and supervised the IA Center in implementing the 2025 IA Plan and other tasks according to its functions and duties. Specifically:*

- Hoàn thành kế hoạch kiểm toán năm 2025.

*Completing the 2025 audit plan.*

- Thực hiện báo cáo theo quy định pháp luật và theo các yêu cầu, kiến nghị của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

*Preparing reports in accordance with legal regulations and the requirements and recommendations of the Banking Supervision and Inspection Agency.*

- Thường xuyên theo dõi, đánh giá chất lượng, hiệu quả của KTNB và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Giám đốc TT KTNB nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động KTNB.

*Regularly monitoring and evaluating the quality and effectiveness of the IA Center and the performance of the Director of the IA Center to improve the efficiency of IA operations.*

- Xây dựng kế hoạch KTNB năm 2026.

*Developing the 2026 IA Plan.*

h. Lập, cập nhật và lưu giữ danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ (VĐL) trở lên và người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, cổ đông

sở hữu từ 01% VDL trở lên của Ngân hàng/ *Establish, update and maintain the list of founding shareholders, shareholders owning 01% or more of the charter capital and related persons of BOD's members, BOS's members, the CEO, shareholders owning 01% or more of the Bank's charter capital.*

**4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, BDH và các cán bộ quản lý khác/ *Coordination of activities between the BOS and the BOD, BOM and other managers:***

o BKS đã thực hiện cơ chế phối hợp với HĐQT, BDH trong các hoạt động giám sát, kiểm tra, kiểm soát hoạt động Ngân hàng:

*The BOS has implemented a coordination mechanism with the BOD and the BOM in the activities of monitoring, inspecting and controlling the Bank's operations:*

- Duy trì việc trao đổi, cập nhật thông tin về các hoạt động kinh doanh ngân hàng và biện pháp kiểm soát rủi ro.

*Maintain the exchange and update of information on banking business activities and risk control measures.*

- Phối hợp xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm toán, giám sát; khắc phục sau kiểm toán, giám sát.

*Coordinate the development and implementation of audit and supervision plans; post-audit and supervision remediation.*

- Trao đổi với BDH và các đơn vị liên quan về các vấn đề phát sinh trong hoạt động để cảnh báo rủi ro và kiến nghị biện pháp phòng ngừa, xử lý nhằm bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng.

*Discuss with the BOM and related units on issues arising in operations to warn of risks and recommend preventive and handling measures to ensure safety in banking operations.*

- Kết quả giám sát, kiểm toán cùng các kiến nghị, đề xuất của BKS/KTNB đã được gửi HĐQT, TGD và đã được Ban lãnh đạo xem xét, chỉ đạo các Đơn vị, cá nhân liên quan thực hiện và báo cáo kết quả định kỳ cho BKS/KTNB.

*The results of supervision and audit, together with recommendations and proposals of the BOS/LA have been sent to the BOD and the CEO and have been reviewed by the Management Board, directing related units and individuals to implement and periodically report the results to the BOS/LA.*

o BKS đã báo cáo kết quả thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ TPBank, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS trước các cổ đông tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên.

*The BOS has reported the results of performing its functions and duties in accordance with the provisions of law, TPBank's Charter, and the Regulation on the organization and operation of the BOS to shareholders at the Annual General Meeting of Shareholders.*

o Các thành viên HĐQT, BKS, TGD, Phó TGD đã thực hiện công khai lợi ích có liên quan và kê khai người có liên quan. Giao dịch giữa TPBank với công ty con của TPBank và/hoặc giao dịch giữa TPBank với thành viên HĐQT, BKS, TGD, các Phó TGD, người điều hành khác và những người có liên quan của họ đã được thực hiện theo quy định của pháp luật

và Điều lệ ngân hàng.

*BOD's members, BOS's members, the CEO, and the Deputy CEO have publicly disclosed their related interests and declared their related parties. Transactions between TPBank and its subsidiaries and/or transactions between TPBank and BOD's members, BOS's members, the CEO, Deputy CEO, other executives and their related parties have been carried out in accordance with the provisions of law and the Bank's Charter.*

**5. Hoạt động khác của BKS/ Other activities of the BOS:**

Phối hợp với Khối Quản trị nguồn nhân lực tuyển dụng, đào tạo và bổ nhiệm cán bộ, nâng cao trình độ nghiệp vụ kiểm toán; Đẩy mạnh sáng tạo, cải tiến quy trình cùng với việc đổi mới số phục vụ cho hoạt động kiểm toán, giám sát; thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác.

*Coordinate with the Human Resources Division in recruiting, training and appointing staff, improving auditing skills; Promote innovation, process improvement along with digital innovation to serve auditing and supervision activities; perform other tasks and powers.*

**IV. Ban điều hành/ The Board of Management:**

| STT<br>No. | Thành viên BDH<br>BOM's members                       | Ngày tháng<br>năm sinh<br>Date of birth | Trình độ<br>chuyên môn<br>Qualification | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm<br>thành viên BDH<br>Date of appointment/dismissal of<br>members of the BOM |                                      |
|------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
|            |                                                       |                                         |                                         | Ngày bổ<br>nhiệm/ tái bổ<br>nhiệm<br>Date of<br>appointment/<br>re-appointment                       | Ngày miễn nhiệm<br>Date of dismissal |
| 1          | Ông/ Mr. Nguyễn<br>Hung – TGD/ CEO                    | 20/11/1966                              | Thạc sỹ<br>Master                       | 02/12/2022                                                                                           |                                      |
| 2          | Ông/ Mr. Phạm Đông<br>Anh – Phó TGD/<br>Deputy CEO    | 30/09/1971                              | Cử nhân<br>Bachelor                     | 01/07/2021                                                                                           |                                      |
| 3          | Ông/ Mr. Nguyễn Việt<br>Anh – Phó TGD/<br>Deputy CEO  | 25/02/1977                              | Thạc sỹ<br>Master                       | 01/07/2021                                                                                           |                                      |
| 4          | Ông/ Mr. Nguyễn<br>Hồng Quân – Phó<br>TGD/ Deputy CEO | 21/02/1968                              | Thạc sỹ<br>Master                       | 01/07/2021                                                                                           | 26/06/2025                           |
| 5          | Ông/ Mr. Đinh Văn<br>Chiến – Phó TGD/<br>Deputy CEO   | 16/06/1973                              | Thạc sỹ<br>Master                       | 15/04/2024                                                                                           |                                      |
| 6          | Ông/ Mr. Lê Hồng<br>Nam – Phó TGD/<br>Deputy CEO      | 04/02/1966                              | Thạc sỹ<br>Master                       | 01/07/2021                                                                                           | 09/02/2025                           |
| 7          | Ông/ Mr. Khúc Văn<br>Hòa – Phó TGD/<br>Deputy CEO     | 16/01/1973                              | Thạc sỹ<br>Master                       | 26/06/2025                                                                                           |                                      |
| 8          | Bà/ Ms. Trương Thị<br>Hoàng Lan – Phó                 | 10/09/1978                              | Cử nhân<br>Bachelor                     | 28/12/2018                                                                                           | 26/06/2025                           |

| STT<br>No. | Thành viên BDH<br>BOM's members                      | Ngày tháng<br>năm sinh<br>Date of birth | Trình độ<br>chuyên môn<br>Qualification | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm<br>thành viên BDH<br>Date of appointment/dismissal of<br>members of the BOM |                                      |
|------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
|            |                                                      |                                         |                                         | Ngày bổ<br>nhiệm/ tái bổ<br>nhiệm<br>Date of<br>appointment/<br>re-appointment                       | Ngày miễn nhiệm<br>Date of dismissal |
|            | TGD/ Deputy CEO                                      |                                         |                                         |                                                                                                      |                                      |
| 9          | Ông/ Mr. Bùi Quang<br>Cương – Phó TGD/<br>Deputy CEO | 03/10/1967                              | Cử nhân<br>Bachelor                     | 10/11/2021                                                                                           |                                      |

**V. Kế toán trưởng/ Chief Accountant:**

| Họ và tên<br>Name | Ngày tháng năm sinh<br>Date of birth | Trình độ chuyên<br>môn nghiệp vụ<br>Qualification | Ngày bổ nhiệm<br>Date of appointment |
|-------------------|--------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------|
| Bà/ Ms. Lê Cẩm Tú | 27/06/1975                           | Cử nhân/ Bachelor                                 | 27/04/2013                           |

**VI. Đào tạo về quản trị công ty/ Training courses on corporate governance:**

Trong năm 2025, các thành viên HĐQT, thành viên BKS, thành viên BDH, Người phụ trách quản trị Ngân hàng và các cán bộ quản lý khác luôn tích cực tham dự các khóa đào tạo, hội thảo về quản trị công ty được tổ chức bởi cơ quan quản lý Nhà nước và các tổ chức uy tín trong và ngoài nước. Một số chương trình cụ thể như: Hội nghị “Tuần thủ pháp luật chứng khoán và lưu ý các sai sót trong lập Báo cáo tài chính”, Hội thảo Hướng dẫn công bố thông tin ESG cho ngành Tài chính, Hội thảo giới thiệu Sổ tay Công bố thông tin Trái phiếu xanh, Hội nghị phổ biến nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán và các văn bản quy định chi tiết thi hành, Chương trình đào tạo nâng cao nhận thức về Thẻ điểm Quản trị Công ty (ACGS), Hội nghị phổ biến nội dung Nghị định số 306/2025/NĐ-CP.

*In 2025, BOD's members, BOS's members, BOM's members, Corporate governance officer, and other managers actively participated in training courses and seminars on corporate governance organized by state management agencies and reputable domestic and international organizations. Some specific programs included: the Conference on "Compliance with the Law on Securities and attention to errors in Financial Statement preparation", the Seminar on ESG information disclosure for the Finance industry, the Seminar introducing the Green Bond information disclosure handbook, the Conference on disseminating the amendments and supplements to the Law on Securities and guiding documents, the Training Program to raise awareness of the Asean Corporate Governance Scorecard (ACGS), and the Conference on disseminating the Decree No. 306/2025/ND-CP.*

**VII. Danh sách về người có liên quan của TPBank và giao dịch của người có liên quan của TPBank với chính TPBank/ The list of affiliated parties of TPBank and transactions of**

**affiliated parties of TPBank:**

1. **Danh sách về người có liên quan của TPBank/ The list of affiliated parties of TPBank:**  
Chi tiết theo Phụ lục II đính kèm Báo cáo/ Please view the Appendix II for more details.
2. **Giao dịch giữa TPBank với người có liên quan của TPBank; hoặc giữa TPBank với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ Transactions between TPBank and its affiliated parties or between TPBank and its major shareholders, internal persons and affiliated parties of internal persons:**  
Chi tiết theo Phụ lục III đính kèm Báo cáo/ Please view the Appendix III for more details.
3. **Giao dịch giữa người nội bộ của TPBank, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do TPBank nắm quyền kiểm soát/ Transaction between internal persons of TPBank, affiliated parties of internal persons and TPBank's subsidiaries in which TPBank takes controlling power:**

Không có/ None.

4. **Giao dịch giữa TPBank với các đối tượng khác/ Transactions between TPBank and other objects:**

- 4.1. **Giao dịch giữa TPBank với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (TGD) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (TGD) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/ Transactions between TPBank and the company that its members of the BOD, members of the BOS, the CEO have been founding members or members of BOD, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting):**

Chi tiết theo Phụ lục IV đính kèm Báo cáo/ Please view the Appendix IV for more details.

- 4.2. **Giao dịch giữa TPBank với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (TGD) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (TGD) điều hành/ Transactions between TPBank and the company that its affiliated persons with members of the BOD, members of the BOS, the CEO and other managers as a member of the BOD, the CEO:**

Chi tiết theo Phụ lục IV đính kèm Báo cáo/ Please view the Appendix IV for more details.

- 4.3. **Các giao dịch khác của TPBank (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (TGD) và người quản lý khác/ Other transactions of TPBank (if any) may bring material or non-material benefits for members of the BOD, members of the BOS, the CEO and other managers:**

Không có/ None.

**VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ/ Share transactions of internal persons and their affiliated parties:**

1. **Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/ The list of internal persons and their affiliated parties:**

Chi tiết theo Phụ lục V đính kèm Báo cáo/ Please view the Appendix V for more details.

**2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của TPBank/  
Transactions of internal persons and affiliated parties with TPBank's shares:**

| Stt<br>No. | Người thực hiện<br>giao dịch<br>Transaction<br>executor                          | Quan hệ với<br>người nội bộ<br>Relationship with<br>Internal persons                     | Số cổ phiếu sở hữu<br>đầu kỳ<br>Number of shares<br>owned at the beginning<br>of the period |            | Số cổ phiếu sở hữu<br>cuối kỳ<br>Number of shares<br>owned at the end of<br>the period |            | Lý do tăng,<br>giảm (mua,<br>bán, chuyển<br>đổi, thưởng...)<br>Reasons for<br>increasing,<br>decreasing<br>(buying, selling,<br>converting,<br>rewarding, etc.) |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                                                  |                                                                                          | Số cổ phiếu<br>Number of<br>shares                                                          | Tỷ lệ<br>% | Số cổ<br>phiếu<br>Number of<br>shares                                                  | Tỷ lệ<br>% |                                                                                                                                                                 |
| 1          | Quỹ Đầu tư Giá<br>trị Việt (VVIF)/<br>Vietnam Value<br>Investment Fund<br>(VVIF) | Người có liên quan<br>của thành viên BDH/<br>The affiliated party of<br>the BOM's member | 4.205.764                                                                                   | 0,16%      | 0                                                                                      | 0%         | Bán cổ phiếu/<br>Selling shares                                                                                                                                 |
| 2          | Bà/ M <sup>rs</sup> . Nguyễn<br>Thị Thanh Tâm                                    | Người phụ trách quản trị<br>Ngân hàng/ Corporate<br>governance officer                   | 91.948                                                                                      | 0,003%     | 0                                                                                      | 0%         | Bán cổ phiếu/<br>Selling shares                                                                                                                                 |

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/ Other significant issues:**

Không có/ None.

**Nơi nhận/ Recipients:**

- Như Kính gửi/ As above;
- Lưu: VP, HDQT/ Archived by  
BOD Office.

**NGÂN HÀNG TMCP TIỀN PHONG**  
**TIEN PHONG COMMERCIAL JOINT STOCK BANK**  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
**LEGAL REPRESENTATIVE**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHAIRMAN OF THE BOD**



**Đỗ Minh Phú**

**Phụ lục I - Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT**  
**Appendix I – Resolutions/Decisions of the BOD**

| STT<br>No. | Số Nghị quyết/ Quyết định<br>Resolution/Decision No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                                   | Tỷ lệ thông qua<br>Approval rate                        |
|------------|------------------------------------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| 1          | 02/2025/NQ-TPB.HDQT                                  | 13/01/2025   | Thông qua việc Cấp tín dụng cho Khách hàng Bùi Quang Ngọc (người có liên quan của cổ đông lớn)/ Approve the granting of credit to customer Bui Quang Ngoc (the affiliated person of the major shareholder)                                                            | 100%                                                    |
| 2          | 03/2025/NQ-TPB.HDQT                                  | 16/01/2025   | Thông qua Phương án mua lại Trái phiếu TPBank trong năm 2025/ Approve the plan to repurchase TPBank's bond in 2025                                                                                                                                                    | 100%                                                    |
| 3          | 04/2025/QĐ-TPB.HDQT                                  | 21/01/2025   | Thay đổi địa điểm đặt trụ sở Chi nhánh Nam Định/ Change the location of Nam Dinh branch                                                                                                                                                                               | Ban hành theo Nghị quyết HĐQT/ Issued by BOD's Decision |
| 4          | 05/2025/NQ-TPB.HDQT                                  | 07/02/2025   | Phê duyệt việc Miễn nhiệm chức danh Phó TGD và Chấp thuận đề nghị chấm dứt Hợp đồng lao động đối với Ông Lê Hồng Nam/ Dismiss the position of Deputy CEO and Approve the proposal for employment contract termination of Mr. Le Hong Nam                              | 100%                                                    |
| 5          | 06/2025/QĐ-TPB.HDQT                                  | 11/02/2025   | Thành lập Chi nhánh Hà Tĩnh/ The establishment of Ha Tinh branch                                                                                                                                                                                                      | Ban hành theo Nghị quyết HĐQT/ Issued by BOD's Decision |
| 6          | 10/2025/QĐ-TPB.HDQT                                  | 25/02/2025   | Thành lập Chi nhánh Gia Lai/ The establishment of Gia Lai branch                                                                                                                                                                                                      | Ban hành theo Nghị quyết HĐQT/ Issued by BOD's Decision |
| 7          | 11/2025/QĐ-TPB.HDQT                                  | 25/02/2025   | Thành lập Chi nhánh Bình Thuận/ The establishment of Binh Thuan branch                                                                                                                                                                                                | Ban hành theo Nghị quyết HĐQT/ Issued by BOD's Decision |
| 8          | 08/2025/NQ-TPB.HDQT                                  | 27/02/2025   | Thông qua các nội dung, ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu và thời gian dự kiến tổ chức DHDCTD thường niên năm 2025/ Approve the contents, the record date and the expected time to organize the 2025 Annual General Meeting of Shareholders | 100%                                                    |
| 9          | 14/2025/QĐ-TPB.HDQT                                  | 05/03/2025   | Thành lập Chi nhánh Hưng Yên/ The establishment of Hung Yen branch                                                                                                                                                                                                    | Ban hành theo Nghị quyết HĐQT/ Issued by BOD's Decision |
| 10         | 11/2025/NQ-TPB.HDQT                                  | 19/03/2025   | Thông qua việc Cấp hạn mức thấu chi cho Khách hàng Nguyễn Tuyết Mai (người có liên quan của cổ đông lớn)/ Approve the granting of overdraft limit to customer Nguyen Tuyen Mai (the affiliated person of the major shareholder)                                       | 100%                                                    |
| 11         | 12/2025/NQ-TPB.HDQT                                  | 20/03/2025   | Chấp thuận Đơn từ nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028 của Ông Đỗ Anh Tú – Phó Chủ tịch HĐQT/ Approve the resignation letter of Mr. Do Anh Tu - Vice Chairman of the BOD for the 2023 - 2028 term                                                               | 100%                                                    |
| 12         | 15/2025/NQ-TPB.HDQT                                  | 09/04/2025   | Thông qua hợp đồng, giao dịch thuê diện tích văn phòng giữa TPBank và Công ty Cổ phần Tập đoàn Vàng bạc Đá quý DOJI (cổ đông lớn)/ Approve the contract and transaction to lease office space between TPBank and DOJI Gold and Gems Group (the major shareholder)     | 100%                                                    |

| STT<br>No. | Số Nghị quyết/ Quyết định<br>Resolution/Decision No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Tỷ lệ thông qua<br>Approval rate                        |
|------------|------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| 13         | 25/2025/QĐ-TPB.HDQT                                  | 11/04/2025   | Thành lập Chi nhánh Đan Phượng/ The establishment of Dan Phuong branch                                                                                                                                                                                                                                                                            | Ban hành theo Nghị quyết HDQT/ Issued by BOD's Decision |
| 14         | 16/2025/NQ-TPB.HDQT                                  | 16/04/2025   | Thông qua việc Cấp hạn mức tín dụng cho Khách hàng là Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT (người có liên quan của cổ đông lớn)/ Approve the granting of a credit limit to the Customer, FPT Securities Joint Stock Company (the affiliated party of the major shareholder)                                                                            | 100%                                                    |
| 15         | 26/2025/QĐ-TPB.HDQT                                  | 18/04/2025   | Thay đổi địa điểm đặt trụ sở Chi nhánh Hóc Môn/ Change the location of Hoc Mon branch                                                                                                                                                                                                                                                             | Ban hành theo Nghị quyết HDQT/ Issued by BOD's Decision |
| 16         | 19/2025/NQ-TPB.HDQT                                  | 25/04/2025   | Thông qua Phương án phát hành Trái phiếu riêng lẻ của TPBank năm 2025/ Approve TPBank's Private Bond placement plan in 2025                                                                                                                                                                                                                       | 100%                                                    |
| 17         | 20/2025/NQ-TPB.HDQT                                  | 25/04/2025   | Thông qua việc Gia hạn Hạn mức tín dụng cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong (người có liên quan của thành viên HDQT và thành viên BDH)/ Approve the Credit limit extension for Tien Phong Securities Joint Stock Company (the affiliated party of the BOD's member and the BOM's member)                                                   | 100%                                                    |
| 18         | 21/2025/NQ-TPB.HDQT                                  | 26/04/2025   | Thông qua việc triển khai Phương án chi trả cổ tức bằng tiền mặt trong năm 2025/ Approve the implementation of the cash dividend payment plan in 2025                                                                                                                                                                                             | 100%                                                    |
| 19         | 23/2025/NQ-TPB.HDQT                                  | 22/05/2025   | Thông qua việc Cấp tín dụng cho Khách hàng Bùi Quang Ngọc (người có liên quan của cổ đông lớn)/ Approve the granting of credit to customer Bui Quang Ngoc (the affiliated person of the major shareholder)                                                                                                                                        | 100%                                                    |
| 20         | 24/2025/NQ-TPB.HDQT                                  | 06/06/2025   | Thông qua hợp đồng, giao dịch với Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát (công ty con của TPBank)/ Approve contracts and transactions with Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company (TPBank's subsidiary)                                                                                                                                | 100%                                                    |
| 21         | 25/2025/NQ-TPB.HDQT                                  | 17/06/2025   | Thông qua hợp đồng, giao dịch nghiệp vụ phi tín dụng thuộc thẩm quyền của HDQT/ Endorse non-credit contracts and transactions under authority of the BOD                                                                                                                                                                                          | 100%                                                    |
| 22         | 27/2025/NQ-TPB.HDQT                                  | 26/06/2025   | Phê duyệt việc Miễn nhiệm chức danh Phó TGD đối với Bà Trương Thị Hoàng Lan/ Dismiss the position of Deputy CEO of Ms. Trương Thị Hoàng Lan                                                                                                                                                                                                       | 100%                                                    |
| 23         | 28/2025/NQ-TPB.HDQT                                  | 26/06/2025   | Phê duyệt việc Miễn nhiệm chức danh Phó TGD đối với Ông Nguyễn Hồng Quân/ Dismiss the position of Deputy CEO of Mr. Nguyen Hong Quan                                                                                                                                                                                                              | 100%                                                    |
| 24         | 29/2025/NQ-TPB.HDQT                                  | 26/06/2025   | Thông qua việc tái cấp và giữ nguyên hạn mức tín dụng cho Khách hàng là Công ty TNHH MTV Viễn thông quốc tế FPT (người có liên quan của cổ đông lớn)/ Approve the re-issuance and maintain of the credit limit for the customer, FPT Telecom International Company Limited (the affiliated party of the major shareholder)                        | 100%                                                    |
| 25         | 31/2025/NQ-TPB.HDQT                                  | 01/07/2025   | Thông qua hợp đồng, giao dịch nghiệp vụ cấp tín dụng thuộc thẩm quyền của HDQT/ Endorse credit contracts and transactions under authority of the BOD                                                                                                                                                                                              | 100%                                                    |
| 26         | 32/2025/NQ-TPB.HDQT                                  | 14/07/2025   | Thông qua hợp đồng/giao dịch điều chỉnh nội dung khoản cấp tín dụng cho Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Dragon (người có liên quan của cổ đông lớn)/ Approve the contract/transaction adjusting the content of the credit facility for Dragon Real Estate Development Joint Stock Company (the affiliated party of the major shareholder) | 100%                                                    |
| 27         | 33/2025/NQ-TPB.HDQT                                  | 17/07/2025   | Thông qua hợp đồng/giao dịch điều chỉnh nội dung khoản cấp tín dụng cho Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (người có liên quan của cổ đông lớn)/ Approve the contract/transaction adjusting the content of the credit facility for FPT Telecom Joint Stock Company (the affiliated party of the major shareholder)                                    | 100%                                                    |

| STT<br>No. | Số Nghị quyết/ Quyết định<br>Resolution/Decision No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Tỷ lệ thông qua<br>Approval rate                        |
|------------|------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| 28         | 34/2025/NQ-TPB.HDQT                                  | 07/08/2025   | Thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản/<br>Approve the record date to exercise the rights to collect shareholders' opinions in writing                                                                                                                                                                                          | 100%                                                    |
| 29         | 35/2025/NQ-TPB.HDQT                                  | 15/08/2025   | Thông qua việc tái cấp hạn mức tín dụng cho Công ty TNHH phần mềm FPT (người có liên quan của cổ đông lớn)/<br>Approve the re-issuance of credit limit for FPT Software Company Limited (the affiliated party of the major shareholder)                                                                                                                                                           | 100%                                                    |
| 30         | 37/2025/NQ-TPB.HDQT                                  | 19/08/2025   | Thông qua Phương án mua lại trước hạn một phần mã Trái phiếu TPB12520 của TPBank (PAML-TP022025)/<br>Approve the Plan for the partial redemption of the TPB12520 bond of TPBank (PAML-TP022025)                                                                                                                                                                                                   | 100%                                                    |
| 31         | 38/2025/NQ-TPB.HDQT                                  | 21/08/2025   | Thông qua việc triển khai Phương án tăng vốn điều lệ năm 2025 của TPBank dưới hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 phê duyệt/ Approve the implementation of TPBank's charter capital increase plan in 2025 through issuing shares to pay dividends approved by the 2025 Annual General Meeting of Shareholders                                           | 100%                                                    |
| 32         | 39/2025/NQ-TPB.HDQT                                  | 03/09/2025   | Thông qua việc Tái cấp Hạn mức tín dụng cho Công ty TNHH FPT IS (người có liên quan của cổ đông lớn)/<br>Approve the re-issuance of credit limit for FPT IS Company Limited (the affiliated party of the major shareholder)                                                                                                                                                                       | 100%                                                    |
| 33         | 40/2025/NQ-TPB.HDQT                                  | 08/09/2025   | Thông qua việc điều chỉnh lại để làm rõ thông tin tại "Phương án tăng vốn điều lệ năm 2025 dưới hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức" đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua/ Approve the adjustment to clarify the information in "the Plan to increase charter capital in 2025 through issuing shares to pay dividends approved by the 2025 Annual General Meeting of Shareholders" | Ban hành theo Nghị quyết HĐQT/ Issued by BOD's Decision |
| 34         | 46/2025/NQ-TPB.HDQT                                  | 30/09/2025   | Thông qua hợp đồng/giao dịch Tái cấp hạn mức tín dụng cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Vàng bạc Đá quý DOJI (cổ đông lớn)/ Endorse contracts/transactions re-issuing credit limit for DOJI Gold & Gems Group (the major shareholder)                                                                                                                                                                  | 100%                                                    |
| 35         | 48/2025/NQ-TPB.HDQT                                  | 17/10/2025   | Phê duyệt các Phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ của TPBank lần 2 năm 2025/ Approve TPBank's 2 <sup>nd</sup> Private Bond placement plan in 2025                                                                                                                                                                                                                                             | 100%                                                    |
| 36         | 49/2025/NQ-TPB.HDQT                                  | 20/10/2025   | Thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để trả cổ tức bằng cổ phiếu/ Approve the record date to pay stock dividends                                                                                                                                                                                                                                                 | Ban hành theo Nghị quyết HĐQT/ Issued by BOD's Decision |
| 37         | 52/2025/NQ-TPB.HDQT                                  | 05/11/2025   | Thông qua kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức/ Approve results of the share issuance to pay dividends                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Ban hành theo Nghị quyết HĐQT/ Issued by BOD's Decision |
| 38         | 53/2025/NQ-TPB.HDQT                                  | 13/11/2025   | Thông qua hợp đồng, giao dịch nghiệp vụ cấp tín dụng thuộc thẩm quyền của HĐQT/ Endorse credit contracts and transactions under authority of the BOD                                                                                                                                                                                                                                              | 100%                                                    |
| 39         | 56/2025/NQ-TPB.HDQT                                  | 14/11/2025   | Thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để ứng cử, đề cử nhân sự dự kiến bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028/ Approve the record date to exercise the rights to elect, nominate candidates to supplement BOD's members for the 2023 – 2028 term                                                                                                        | 100%                                                    |
| 40         | 57/2025/NQ-TPB.HDQT                                  | 25/11/2025   | Thông qua hợp đồng/giao dịch cấp mới Hạn mức tín dụng cho khách hàng là Công ty Cổ phần Đô thị FPT Đà Nẵng (người có liên quan của thành viên HĐQT)/ Approve the contract/transaction to grant Credit Limit to the customer FPT City Danang Joint Stock Company (the affiliated party of the BOD's member)                                                                                        | 100%                                                    |
| 41         | 58/2025/NQ-TPB.HDQT                                  | 28/11/2025   | Thông qua hợp đồng/giao dịch Cấp tín dụng trung hạn cho khách hàng là Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Dragon (người có liên quan của cổ đông lớn)/ Approve the contract/transaction to grant medium-term credit to the customer, Dragon Real Estate Development Joint Stock Company (the affiliated party of the major shareholder)                                                       | 100%                                                    |

| STT<br>No. | Số Nghị quyết/ Quyết định<br>Resolution/Decision No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                                               | Tỷ lệ thông qua<br>Approval rate |
|------------|------------------------------------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| 42         | 51/2025/QĐ-TPB.HDQT                                  | 08/12/2025   | Miễn nhiệm chức danh Người phụ trách quản trị Ngân hàng của TPBank/ <i>Dismiss the Corporate governance officer at TPBank</i>                                                                                                                                                     | 100%                             |
| 43         | 52/2025/QĐ-TPB.HDQT                                  | 08/12/2025   | Bổ nhiệm chức danh Người phụ trách quản trị Ngân hàng của TPBank/ <i>Appoint the Corporate governance officer at TPBank</i>                                                                                                                                                       | 100%                             |
| 44         | 59/2025/NQ-TPB.HDQT                                  | 09/12/2025   | Thông qua Phương án mua lại trước hạn một số mã Trái phiếu trong tháng 12 năm 2025 của TPBank (PAML-TP032025)/ <i>Approve the early redemption plan for certain bonds of TPBank in December 2025 (PAML-TP032025)</i>                                                              | 100%                             |
| 45         | 60/2025/NQ-TPB.HDQT                                  | 16/12/2025   | Thông qua hợp đồng, giao dịch nghiệp vụ phi tín dụng thuộc thẩm quyền của HĐQT/ <i>Endorse non-credit contracts and transactions under authority of the BOD</i>                                                                                                                   | 100%                             |
| 46         | 61/2025/NQ-TPB.HDQT                                  | 18/12/2025   | Thông qua Tái cấp giữ nguyên hạn mức tín dụng cho khách hàng là Công ty Cổ phần Bán lẻ kỹ thuật số FPT (người có liên quan của cổ đông lớn)/ <i>Approve the regranting credit limit to FPT Digital Retail Joint Stock Company (the affiliated party of the major shareholder)</i> | 100%                             |

**Phụ lục II - Danh sách về người có liên quan của TPBank**  
**Appendix II – The list of affiliated parties of TPBank**

| STT<br>No.                                                    | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/<br/>individual</i> | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br><i>Securities<br/>trading<br/>account<br/>(if any)</i> | Chức vụ tại Ngân<br>hàng (nếu có)<br><i>Position at the<br/>Bank (if any)</i>                                                                                   | Số Giấy NSH*, ngày cấp,<br>nơi cấp<br><i>NSH No. *, date of issue,<br/>place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>starting<br/>to be the<br/>affiliated<br/>party</i> | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>ending to<br/>be the<br/>affiliated<br/>party</i> | Lý do<br><i>Reason</i>         | Mối quan hệ liên<br>quan với TPBank<br><i>Relationship with<br/>TPBank</i> |
|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| <b>I. Người nội bộ của TPBank/ Internal persons of TPBank</b> |                                                                    |                                                                                                                |                                                                                                                                                                 |                                                                                           |                                                            |                                                                                                                        |                                                                                                                        |                                |                                                                            |
| 1                                                             | Ông/ Mr. Đỗ Minh Phú                                               |                                                                                                                | Chủ tịch HĐQT<br>kiểm Người đại diện<br>theo pháp luật/<br><i>Chairman of the<br/>BOD cum Legal<br/>Representative</i>                                          |                                                                                           |                                                            | 26/04/2023                                                                                                             |                                                                                                                        |                                |                                                                            |
| 2                                                             | Ông/ Mr. Lê Quang<br>Tiến                                          |                                                                                                                | Phó Chủ tịch HĐQT<br>kiểm Người được ủy<br>quyền công bố thông<br>tin/ <i>Vice Chairman<br/>of the BOD cum<br/>Party authorized to<br/>disclose information</i> |                                                                                           |                                                            | 26/04/2023                                                                                                             |                                                                                                                        |                                |                                                                            |
| 3                                                             | Ông/ Mr. Đỗ Anh Tú                                                 |                                                                                                                | Phó Chủ tịch<br>HĐQT/<br><i>Vice<br/>Chairman of the<br/>BOD</i>                                                                                                |                                                                                           |                                                            | 26/04/2023                                                                                                             | 24/04/2025                                                                                                             | Miễn nhiệm<br><i>Dismissal</i> |                                                                            |
| 4                                                             | Ông/ Mr. Shuzo<br>Shikata                                          |                                                                                                                | Phó Chủ tịch<br>HĐQT/<br><i>Vice<br/>Chairman of the<br/>BOD</i>                                                                                                |                                                                                           |                                                            | 26/04/2023                                                                                                             |                                                                                                                        |                                |                                                                            |
| 5                                                             | Bà/ Ms. Nguyễn Thị<br>Mai Sương                                    |                                                                                                                | Thành viên HĐQT/<br><i>BOD's member</i>                                                                                                                         |                                                                                           |                                                            | 26/04/2023                                                                                                             |                                                                                                                        |                                |                                                                            |
| 6                                                             | Bà/ Ms. Võ Bích Hà                                                 |                                                                                                                | Thành viên HĐQT<br>độc lập/ <i>Independent<br/>BOD's member</i>                                                                                                 |                                                                                           |                                                            | 26/04/2023                                                                                                             |                                                                                                                        |                                |                                                                            |
| 7                                                             | Bà/ Ms. Nguyễn Thị<br>Thu Hương                                    |                                                                                                                | Trưởng BKS/ <i>Head<br/>of the BOS</i>                                                                                                                          |                                                                                           |                                                            | 26/04/2023                                                                                                             |                                                                                                                        |                                |                                                                            |
| 8                                                             | Ông/ Mr. Thái Duy<br>Nghĩa                                         |                                                                                                                | Thành viên BKS<br>chuyên trách/                                                                                                                                 |                                                                                           |                                                            | 26/04/2023                                                                                                             |                                                                                                                        |                                |                                                                            |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/<br>individual | Tài khoản<br>giao dịch chứng<br>khoán (nếu có)<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại Ngân<br>hàng (nếu có)<br>Position at the<br>Bank (if any)                                       | Số Giấy NSH*, ngày cấp,<br>nơi cấp<br>NSH No. *, date of issue,<br>place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br>Address | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br>Time of<br>starting<br>to be the<br>affiliated<br>party                                                                                           | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br>Time of<br>ending to<br>be the<br>affiliated<br>party | Lý do<br>Reason         | Mối quan hệ liên<br>quan với TPBank<br>Relationship with<br>TPBank |
|------------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------------------------------------------|
|            |                                                            |                                                                                          | Dedicated member<br>of the BOS                                                                              |                                                                                   |                                                     |                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                             |                         |                                                                    |
| 9          | Bà/ Ms. Nguyễn Thị<br>Thu Nguyệt                           |                                                                                          | Thành viên BKS<br>không chuyên trách/<br>Non-dedicated<br>member of the BOS                                 |                                                                                   |                                                     | 26/04/2023                                                                                                                                                                                            |                                                                                                             |                         |                                                                    |
| 10         | Ông/ Mr. Nguyễn<br>Hưng                                    |                                                                                          | TGD/ CEO                                                                                                    |                                                                                   |                                                     | 02/12/2022                                                                                                                                                                                            |                                                                                                             |                         |                                                                    |
| 11         | Ông/ Mr. Phạm Đông<br>Anh                                  |                                                                                          | Phó TGD/ Deputy<br>CEO                                                                                      |                                                                                   |                                                     | 01/07/2021                                                                                                                                                                                            |                                                                                                             |                         |                                                                    |
| 12         | Ông/ Mr. Nguyễn Việt<br>Anh                                |                                                                                          | Phó TGD kiêm<br>Người phụ trách<br>quản trị Ngân hàng/<br>Deputy CEO cum<br>Corporate<br>governance officer |                                                                                   |                                                     | 01/07/2021<br>được bổ<br>nhiệm<br>Người phụ<br>trách quản<br>trị Ngân<br>hàng vào<br>ngày<br>08/12/2025<br>/<br>01/07/2021<br>and<br>appointed<br>Corporate<br>governance<br>officer on<br>08/12/2025 |                                                                                                             |                         |                                                                    |
| 13         | Ông/ Mr. Nguyễn<br>Hồng Quân                               |                                                                                          | Phó TGD/ Deputy<br>CEO                                                                                      |                                                                                   |                                                     | 01/07/2021                                                                                                                                                                                            | 26/06/2025                                                                                                  | Miễn nhiệm<br>Dismissal |                                                                    |
| 14         | Ông/ Mr. Đinh Văn<br>Chiến                                 |                                                                                          | Phó TGD/ Deputy<br>CEO                                                                                      |                                                                                   |                                                     | 15/04/2024                                                                                                                                                                                            |                                                                                                             |                         |                                                                    |
| 15         | Ông/ Mr. Lê Hồng<br>Nam                                    |                                                                                          | Phó TGD/ Deputy<br>CEO                                                                                      |                                                                                   |                                                     | 01/07/2021                                                                                                                                                                                            | 09/02/2025                                                                                                  | Miễn nhiệm<br>Dismissal |                                                                    |
| 16         | Ông/ Mr. Khắc Văn<br>Họa                                   |                                                                                          | Phó TGD/ Deputy<br>CEO                                                                                      |                                                                                   |                                                     | 26/06/2025                                                                                                                                                                                            |                                                                                                             |                         |                                                                    |
| 17         | Bà/ Ms. Trương Thị<br>Hoàng Lan                            |                                                                                          | Phó TGD/ Deputy<br>CEO                                                                                      |                                                                                   |                                                     | 28/12/2018                                                                                                                                                                                            | 26/06/2025                                                                                                  | Miễn nhiệm<br>Dismissal |                                                                    |

| STT<br>No.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/<br/>individual</i>                                    | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br><i>Securities<br/>trading<br/>account<br/>(if any)</i> | Chức vụ tại Ngân<br>hàng (nếu có)<br><i>Position at the<br/>Bank (if any)</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp,<br>nơi cấp<br><i>NSH No. *, date of issue,<br/>place of issue</i>     | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>                                                                                                                                            | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>starting<br/>to be the<br/>affiliated<br/>party</i> | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>ending to<br/>be the<br/>affiliated<br/>party</i> | Lý do<br><i>Reason</i>  | Mối quan hệ liên<br>quan với TPBank<br><i>Relationship with<br/>TPBank</i>                                                                        |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 18                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Ông/ Mr. Bùi Quang<br>Cương                                                                           |                                                                                                                | Phó TGD/ Deputy<br>CEO                                                        |                                                                                               |                                                                                                                                                                                                       | 10/11/2021                                                                                                             |                                                                                                                        |                         |                                                                                                                                                   |
| 19                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Bà/ Ms. Lê Cẩm Tú                                                                                     |                                                                                                                | Kế toán trưởng/<br>Chief Accountant                                           |                                                                                               |                                                                                                                                                                                                       | 27/04/2013                                                                                                             |                                                                                                                        |                         |                                                                                                                                                   |
| 20                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Bà/ Ms. Nguyễn Thị<br>Thanh Tâm                                                                       |                                                                                                                | Người phụ trách<br>quản trị Ngân hàng/<br>Corporate<br>governance officer     |                                                                                               |                                                                                                                                                                                                       | 26/10/2019                                                                                                             | 08/12/2025                                                                                                             | Miễn nhiệm<br>Dismissal |                                                                                                                                                   |
| <b>II. Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát (Công ty con của Công ty mẹ)/ Organizations and individuals that, in relation to other organizations and individuals, directly or indirectly control or are controlled by that organization or individual, or are under the same control with that organization or individual (Subsidiaries of the Parent Company)</b> |                                                                                                       |                                                                                                                |                                                                               |                                                                                               |                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                        |                                                                                                                        |                         |                                                                                                                                                   |
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Công ty Cổ phần Quản<br>lý quỹ Việt Cát/<br>Vietnam Fortune Fund<br>Management Joint<br>Stock Company |                                                                                                                |                                                                               | - 28/UBCK-GP<br>- 25/01/2008<br>- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ State<br>Securities Commission | Tầng 11, Tòa nhà DOJ<br>Tower, số 5 Lê Duẩn,<br>phường Ba Đình, Thành phố<br>Hà Nội/ 11 <sup>th</sup> Floor, DOJ<br>Tower Building, No. 5 Le<br>Duan, Dien Bien Ward, Ba<br>Dinh District, Hanoi City | 28/03/2024                                                                                                             |                                                                                                                        |                         | Công ty con/<br>Subsidiary                                                                                                                        |
| 1.01                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Ông/ Mr. Nguyễn Việt<br>Anh                                                                           |                                                                                                                | Phó TGD/ Deputy<br>CEO                                                        |                                                                                               |                                                                                                                                                                                                       | 01/07/2021                                                                                                             |                                                                                                                        |                         | Chủ tịch HĐQT<br>kiểm Người đại<br>diện theo pháp luật<br>của Công ty con/<br>Chairman of the<br>BOD cum Legal<br>Representative of<br>Subsidiary |
| 1.02                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Bà/ Ms. Nguyễn Thị<br>Phương Thủy                                                                     |                                                                                                                |                                                                               |                                                                                               |                                                                                                                                                                                                       | 04/08/2025                                                                                                             |                                                                                                                        |                         | Thành viên HĐQT<br>của Công ty con/<br>The BOD's<br>member of<br>Subsidiary                                                                       |
| 1.03                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Bà/ Ms. Võ Anh Tú                                                                                     |                                                                                                                |                                                                               |                                                                                               |                                                                                                                                                                                                       | 16/04/2024                                                                                                             |                                                                                                                        |                         | Thành viên HĐQT<br>kiểm TGD của<br>Công ty con/ The<br>BOD's member<br>cum CEO of<br>Subsidiary                                                   |

| STT<br>No.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/<br/>individual</i>                         | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br><i>Securities<br/>trading<br/>account<br/>(if any)</i> | Chức vụ tại Ngân<br>hàng (nếu có)<br><i>Position at the<br/>Bank (if any)</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp,<br>nơi cấp<br><i>NSH No. *, date of issue,<br/>place of issue</i>                                                        | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>                                                                                                                                                 | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>starting<br/>to be the<br/>affiliated<br/>party</i> | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>ending to<br/>be the<br/>affiliated<br/>party</i> | Lý do<br><i>Reason</i> | Mối quan hệ liên<br>quan với TPBank<br><i>Relationship with<br/>TPBank</i>                                                     |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Công ty Cổ phần<br>Chứng khoán Tiên<br>Phong/ <i>Tien Phong<br/>Securities Corporation</i> |                                                                                                                |                                                                               | - 0304814339<br>- 29/12/2006<br>- Sở Kế hoạch và đầu tư TP. Hồ Chí<br>Minh/ <i>Department of Planning and<br/>Investment of Ho Chi Minh City</i> | Tầng 7, Tòa nhà DOJL, số<br>81-83-85 Hàm Nghi,<br>Phường Sài Gòn, Thành phố<br>Hồ Chí Minh/ <i>7<sup>th</sup> Floor,<br/>DOJI Building, No. 81-83-<br/>85 Ham Nghi, Sai Gon<br/>Ward, Ho Chi Minh City</i> | 31/12/2025                                                                                                             |                                                                                                                        |                        | Công ty con/<br><i>Subsidiary</i>                                                                                              |
| 2.01                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Ông/ <i>Mr.</i> Nguyễn<br>Hồng Quân                                                        |                                                                                                                |                                                                               |                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                            | 31/12/2025                                                                                                             |                                                                                                                        |                        | Chủ tịch HĐQT<br>của Công ty con/<br><i>Chairman of the<br/>BOD of Subsidiary</i>                                              |
| 2.02                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Bà/ <i>Mrs.</i> Phạm Thị<br>Huyền Trang                                                    |                                                                                                                |                                                                               |                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                            | 31/12/2025                                                                                                             |                                                                                                                        |                        | Phó Chủ tịch<br>HĐQT của Công ty<br>con/ <i>Vice<br/>Chairman of the<br/>BOD of Subsidiary</i>                                 |
| 2.03                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Bà/ <i>Mrs.</i> Đặng Thị Bích<br>Thủy                                                      |                                                                                                                |                                                                               |                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                            | 31/12/2025                                                                                                             |                                                                                                                        |                        | Thành viên HĐQT<br>của Công ty con/<br><i>The BOD's<br/>member of<br/>Subsidiary</i>                                           |
| 2.04                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Ông/ <i>Mr.</i> Trần Quang<br>Huy                                                          |                                                                                                                |                                                                               |                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                            | 31/12/2025                                                                                                             |                                                                                                                        |                        | Thành viên HĐQT<br>độc lập của Công ty<br>con/ <i>Independent<br/>BOD's member of<br/>Subsidiary</i>                           |
| 2.05                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Bà/ <i>Mrs.</i> Đặng Sĩ Thủy<br>Tâm                                                        |                                                                                                                |                                                                               |                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                            | 31/12/2025                                                                                                             |                                                                                                                        |                        | TGD kiêm Người<br>đại diện theo pháp<br>luật của Công ty<br>con/ <i>CEO cum<br/>Legal<br/>Representative of<br/>Subsidiary</i> |
| <b>III.</b> Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên của TPBank/ <i>Wife, husband, biological father, biological mother, adoptive father, adoptive mother, father-in-law, mother-in-law, biological child, adopted child, son-in-law, daughter-in-law, brother, sister, sibling, brother-in-law, sister-in-law of the company manager, legal representative, Controller of TPBank</i> : Chi tiết Người liên quan của những người này theo Phụ lục V đính kèm Báo cáo/ <i>Details of affiliated persons of these persons are as per Appendix V.</i> |                                                                                            |                                                                                                                |                                                                               |                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                        |                                                                                                                        |                        |                                                                                                                                |

Ghi chú: số Giấy NSH\*: số Căn cước/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)

Note: NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organisations)

**Phụ lục III - Giao dịch giữa TPBank với người có liên quan của TPBank; hoặc giữa TPBank với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ**

**Appendix III - Transactions between TPBank and its affiliated parties or between TPBank and its major shareholders, internal persons and affiliated parties of internal persons**

| STT<br>No. | Tên tổ chức/<br>cá nhân<br>Name of<br>organization/<br>individual                                        | Mối quan hệ<br>liên quan với<br>công ty<br>Relationship<br>with the<br>company                    | Số Giấy NSH, ngày cấp,<br>nơi cấp<br>NSH No., date of issue,<br>place of issue                                                   | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br>Address                                                                                     | Thời điểm<br>giao dịch<br>với công ty<br>Time of<br>transaction<br>with the<br>company | Số Nghị quyết/ Quyết<br>định của HĐQT/<br>HĐQT... thông qua<br>(nếu có, nêu rõ ngày<br>ban hành)<br>Resolution No. or<br>Decision No. approved<br>by GSM/ BOD (if any,<br>specifying date of<br>issue) | Nội dung, số<br>lượng, tổng giá<br>trị giao dịch<br>Content, quantity,<br>total value of<br>transaction                                                                                                                                        | Ghi chú<br>Note |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1          | Ông/ Mr. Bùi Quang<br>Ngọc                                                                               | Người có liên<br>quan của cổ đông<br>lớn/ The<br>affiliated person<br>of the major<br>shareholder |                                                                                                                                  |                                                                                                                                         |                                                                                        | 02/2025/NQ-<br>TPB.HĐQT ngày/ dated<br>13/01/2025;<br>23/2025/NQ-<br>TPB.HĐQT ngày/ dated<br>22/05/2025                                                                                                | Cấp tín dụng/<br>Credit granting                                                                                                                                                                                                               |                 |
| 2          | Bà/ Ms. Nguyễn<br>Tuyết Mai                                                                              | Người có liên<br>quan của cổ đông<br>lớn/ The<br>affiliated person<br>of the major<br>shareholder |                                                                                                                                  |                                                                                                                                         |                                                                                        | 11/2025/NQ-<br>TPB.HĐQT ngày/ dated<br>19/03/2025                                                                                                                                                      | Cấp hạn mức thấu<br>chi/ Overdraft<br>limit granting                                                                                                                                                                                           |                 |
| 3          | Công ty Cổ phần Tập<br>đoàn Vàng bạc Đá<br>quý DOJ/ DOJ<br>Gold and Gems<br>Group Joint Stock<br>Company | Cổ đông lớn/ The<br>major<br>shareholder                                                          | - 0100365621<br>- 11/04/2007<br>- Sở Kế hoạch và đầu tư TP.<br>Hà Nội/ Department of<br>Planning and Investment of<br>Hanoi City | Tòa nhà DOJ Tower, số<br>5 Lê Duẩn, Phường Ba<br>Đinh, TP. Hà Nội/ DOJ<br>Tower Building, No. 5 Le<br>Duan, Ba Dinh Ward,<br>Hanoi City |                                                                                        | 15/2025/NQ-<br>TPB.HĐQT ngày/ dated<br>09/04/2025<br><br>46/2025/NQ-<br>TPB.HĐQT ngày/ dated<br>30/09/2025                                                                                             | Hợp đồng, giao<br>dịch thuê diện tích<br>văn phòng giữa<br>TPBank và Công<br>ty/ Contract and<br>transaction to<br>lease office space<br>between TPBank<br>and the Company<br>Hợp đồng/giao<br>dịch Tài cấp hạn<br>mức tín dụng/<br>Contracts/ |                 |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/<br>cá nhân<br><i>Name of<br/>organization/<br/>individual</i>                     | Mối quan hệ<br>liên quan với<br>công ty<br><i>Relationship<br/>with the<br/>company</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Số Giấy NSH, ngày cấp,<br>nơi cấp<br><i>NSH No., date of issue,<br/>place of issue</i>                                                               | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>                                                                                                                                              | Thời điểm<br>giao dịch<br>với công ty<br><i>Time of<br/>transaction<br/>with the<br/>company</i> | Số Nghị quyết/ Quyết<br>định của HĐQT/<br>HDQT... thông qua<br>(nếu có, nêu rõ ngày<br>ban hành)<br><i>Resolution No. or<br/>Decision No. approved<br/>by GSM/ BOD (if any,<br/>specifying date of<br/>issue)</i> | Nội dung, số<br>lượng, tổng giá<br>trị giao dịch<br><i>Content, quantity,<br/>total value of<br/>transaction</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Ghi chú<br><i>Note</i>                                                                                    |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                   | transactions re-<br>issuing credit limit                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                           |
| 4          | Công ty Cổ phần<br>Chứng khoán FPT/<br><i>FPT Securities Joint<br/>Stock Company</i>           | Người có liên<br>quan của cổ đông<br>lớn/ <i>The<br/>affiliated party of<br/>the major<br/>shareholder</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | - 0102324187<br>- 13/07/2007<br>- Sở Kế hoạch và đầu tư TP.<br>Hà Nội/ <i>Department of<br/>Planning and Investment of<br/>Hanoi City</i>            | Số 52 Đường Lạc Long<br>Quần, Phường Tây Hồ,<br>TP. Hà Nội/ <i>No. 52 Lac<br/>Long Quan Street, Tay<br/>Ho Ward, Hanoi City</i>                                                                         |                                                                                                  | 16/2025/NQ-<br>TPB.HDQT ngày/ <i>dated</i><br>16/04/2025                                                                                                                                                          | Cấp hạn mức tín<br>dụng/ <i>Credit limit<br/>granting</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                           |
| 5          | Công ty Cổ phần<br>Chứng khoán Tiên<br>Phong/ <i>Tien Phong<br/>Securities<br/>Corporation</i> | Người có liên<br>quan của thành<br>viên HĐQT tới<br>ngày 27/06/2025<br>và Người có liên<br>quan của thành<br>viên BDH tới<br>ngày 26/06/2025/<br><i>The affiliated<br/>party of the<br/>BOD's member<br/>till 27/06/2025<br/>and The affiliated<br/>party of the<br/>BOM's member<br/>till 26/06/2025</i><br>Tại ngày<br>31/12/2025, TPS<br>đã trở thành công<br>ty con của<br>TPBank/ <i>TPS<br/>became<br/>TPBank's<br/>subsidiary from<br/>31/12/2025</i> | - 0304814339<br>- 29/12/2006<br>- Sở Kế hoạch và đầu tư TP.<br>Hồ Chí Minh/ <i>Department of<br/>Planning and Investment of<br/>Ho Chi Minh City</i> | Tầng 7, Tòa nhà DOJ, số<br>81-83-85 Hàm Nghi,<br>Phường Sài Gòn, TP. Hồ<br>Chí Minh/ <i>7<sup>th</sup> Floor,<br/>DOJI Building, No. 81-<br/>83-85 Ham Nghi, Sai<br/>Gon Ward, Ho Chi Minh<br/>City</i> |                                                                                                  | 20/2025/NQ-<br>TPB.HDQT ngày/ <i>dated</i><br>25/04/2025                                                                                                                                                          | Gia hạn Hạn mức<br>tín dụng/ <i>Credit<br/>limit extension</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Số dư tại ngày<br>31/12/2025<br>(triệu VND)/<br><i>Balance as of<br/>31/12/2025<br/>(VND<br/>million)</i> |
|            |                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                   | - Tiền gửi không<br>kỳ hạn tại Ngân<br>hàng/ <i>Non-term<br/>deposits at the<br/>Bank: 1.698.011</i><br>- Các khoản lãi<br>Ngân hàng phải<br>trả/ <i>Interest<br/>receivable by<br/>the Bank: 65</i><br>- Thu nhập lãi cho<br>vay trước khi trở<br>thành công ty<br>con/ <i>Interest<br/>income from<br/>loans before<br/>becoming<br/>subsidiary:<br/>101.984</i><br>- Chi phí lãi tiền<br>gửi/ <i>Interest<br/>expense on<br/>deposits: 220</i> |                                                                                                           |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/<br>cá nhân<br><i>Name of<br/>organization/<br/>Individual</i>                                        | Mối quan hệ<br>liên quan với<br>công ty<br><i>Relationship<br/>with the<br/>company</i>          | Số Giấy NSH, ngày cấp,<br>nơi cấp<br><i>NSH No., date of issue,<br/>place of issue</i>                                                      | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>                                                                                                                                                                                                          | Thời điểm<br>giao dịch<br>với công ty<br><i>Time of<br/>transaction<br/>with the<br/>company</i> | Số Nghị quyết/ Quyết<br>định của HĐQT/<br>HDQT... thông qua<br>(nếu có, nêu rõ ngày<br>ban hành)<br><i>Resolution No. or<br/>Decision No. approved<br/>by GSM/ BOD (if any,<br/>specifying date of<br/>issue)</i> | Nội dung, số<br>lượng, tổng giá<br>trị giao dịch<br><i>Content, quantity,<br/>total value of<br/>transaction</i>                                            | Ghi chú<br><i>Note</i>                                                                          |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6          | Công ty Cổ phần<br>Quản lý quỹ Việt<br>Cát/ Vietnam<br>Fortune Fund<br>Management Joint<br>Stock Company          | Công ty con/<br><i>Subsidiary</i>                                                                | - 28/UBCK-GP<br>- 25/01/2008<br>- Ủy ban Chứng khoán Nhà<br>nước/ State Securities<br>Commission                                            | Tầng 11, Tòa nhà DOJ<br>Tower, số 5 Lê Duẩn,<br>phường Ba Đình, TP. Hà<br>Nội/ 11 <sup>th</sup> Floor, DOJ<br>Tower Building, No. 5 Le<br>Duan, Ba Dinh Ward,<br>Hanoi City                                                                                         |                                                                                                  | 24/2025/NQ-<br>TPB.HDQT ngày/ dated<br>06/06/2025                                                                                                                                                                 | Hợp đồng, giao<br>dịch với Công ty/<br><i>Contracts,<br/>transactions with<br/>the Company</i>                                                              |                                                                                                 |
|            |                                                                                                                   |                                                                                                  |                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                   | - Tiền gửi không<br>kỳ hạn tại Ngân<br>hàng/ Non-term<br>deposits at the<br>Bank: 3.953<br>- Chi phí lãi tiền<br>gửi/ Interest<br>expense on<br>deposits: 5 | Số dư tại ngày<br>31/12/2025<br>(triệu VND)/<br>Balance as of<br>31/12/2025<br>(VND<br>million) |
| 7          | Công ty TNHH<br>MTV Viễn thông<br>quốc tế FPT/ FPT<br>Telecom<br>International<br>Company Limited                 | Người có liên<br>quan của cổ đông<br>lớn/ The<br>affiliated party of<br>the major<br>shareholder | - 0305793402<br>- 22/05/2008<br>- Sở Kế hoạch và đầu tư TP.<br>Hồ Chí Minh/ Department of<br>Planning and Investment of<br>Ho Chi Minh City | Lô L.29B-31B-33B<br>đường Tân Thuận, Khu<br>chế xuất Tân Thuận,<br>Phường Tân Thuận<br>Đông, Quận 7, TP. Hồ<br>Chí Minh/ Lot L.29B-<br>31B-33B Tan Thuan<br>Street, Tan Thuan Export<br>Processing Zone, Tan<br>Thuan Dong Ward,<br>District 7, Ho Chi Minh<br>City |                                                                                                  | 29/2025/NQ-<br>TPB.HDQT ngày/ dated<br>26/06/2025                                                                                                                                                                 | Tái cấp và giữ<br>nguyên hạn mức<br>tín dụng/ Re-<br>issuance and<br>maintain credit<br>limit                                                               |                                                                                                 |
| 8          | Công ty Cổ phần<br>Phát triển Bất động<br>sản Dragon/ Dragon<br>Real Estate<br>Development Joint<br>Stock Company | Người có liên<br>quan của cổ đông<br>lớn/ The<br>affiliated party of<br>the major<br>shareholder | - 0202223016<br>- 25/11/2023<br>- Sở Kế hoạch và đầu tư TP.<br>Hải Phòng/ Department of<br>Planning and Investment of<br>Hai Phong City     | Thửa 3,4 Lô 3C Lê Hồng<br>Phong, phường Đồng<br>Khê, quận Ngô Quyền,<br>TP. Hải Phòng/ Plots 3<br>and 4, Lot 3C, Le Hong<br>Phong Street, Dong Khe<br>Ward, Ngo Quyen<br>District, Hai Phong City                                                                   |                                                                                                  | 32/2025/NQ-<br>TPB.HDQT ngày/ dated<br>14/07/2025                                                                                                                                                                 | Hợp đồng/giao<br>dịch điều chỉnh nội<br>dung khoản cấp tín<br>dụng/ Contract/<br>transaction<br>adjusting the<br>content of the<br>credit facility          |                                                                                                 |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/<br>cá nhân<br><i>Name of<br/>organization/<br/>individual</i>                   | Mối quan hệ<br>liên quan với<br>công ty<br><i>Relationship<br/>with the<br/>company</i>                    | Số Giấy NSH, ngày cấp,<br>nơi cấp<br><i>NSH No., date of issue,<br/>place of issue</i>                                                       | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>                                                                                                                          | Thời điểm<br>giao dịch<br>với công ty<br><i>Time of<br/>transaction<br/>with the<br/>company</i> | Số Nghị quyết/ Quyết<br>định của HĐQT/<br>HDQT... thông qua<br>(nếu có, nêu rõ ngày<br>ban hành)<br><i>Resolution No. or<br/>Decision No. approved<br/>by GSM/ BOD (if any,<br/>specifying date of<br/>issue)</i> | Nội dung, số<br>lượng, tổng giá<br>trị giao dịch<br><i>Content, quantity,<br/>total value of<br/>transaction</i>                                              | Ghi chú<br><i>Note</i> |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
|            |                                                                                              |                                                                                                            |                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                  | 58/2025/NQ-<br>TPB.HDQT ngày/ dated<br>28/11/2025                                                                                                                                                                 | Hợp đồng/giao<br>dịch Cấp tín dụng<br>trung hạn/ <i>The<br/>contract<br/>/transaction to<br/>grant medium-<br/>term credit</i>                                |                        |
| 9          | Công ty Cổ phần<br>Viễn thông FPT/<br><i>FPT Telecom Joint<br/>Stock Company</i>             | Người có liên<br>quan của cổ đông<br>lớn/ <i>The<br/>affiliated party of<br/>the major<br/>shareholder</i> | - 0101778163<br>- 28/07/2005<br>- Sở Kế hoạch và đầu tư TP.<br>Hà Nội/ <i>Department of<br/>Planning and Investment of<br/>Hanoi City</i>    | Tầng 9, tòa nhà FPT, số<br>10 Phạm Văn Bạch,<br>Phường Cầu Giấy, TP.<br>Hà Nội/ <i>9<sup>th</sup> Floor, FPT<br/>Tower, No. 10 Pham Van<br/>Bach, Cau Giay Ward,<br/>Hanoi City</i> |                                                                                                  | 33/2025/NQ-<br>TPB.HDQT ngày/ dated<br>17/07/2025                                                                                                                                                                 | Hợp đồng/giao<br>dịch điều chỉnh nội<br>dung khoản cấp tín<br>dụng/ <i>Contract/<br/>transaction<br/>adjusting the<br/>content of the<br/>credit facility</i> |                        |
| 10         | Công ty TNHH phần<br>mềm FPT/ <i>FPT<br/>Software Company<br/>Limited</i>                    | Người có liên<br>quan của cổ đông<br>lớn/ <i>The<br/>affiliated party of<br/>the major<br/>shareholder</i> | - 0101601092<br>- 23/12/2004<br>- Sở Kế hoạch và đầu tư TP.<br>Hà Nội/ <i>Department of<br/>Planning and Investment of<br/>Hanoi City</i>    | Tòa nhà FPT Cầu Giấy,<br>Phố Duy Tân, Phường<br>Cầu Giấy, TP. Hà Nội/<br><i>FPT Cau Giay Building,<br/>Duy Tan Street, Cau<br/>Giay Ward, Hanoi City</i>                            |                                                                                                  | 35/2025/NQ-<br>TPB.HDQT ngày/ dated<br>15/08/2025                                                                                                                                                                 | Tái cấp hạn mức<br>tín dụng/ <i>The re-<br/>issuance of credit<br/>limit</i>                                                                                  |                        |
| 11         | Công ty TNHH FPT<br>IS/ <i>FPT IS Company<br/>Limited</i>                                    | Người có liên<br>quan của cổ đông<br>lớn/ <i>The<br/>affiliated party of<br/>the major<br/>shareholder</i> | - 0104128565<br>- 13/08/2009<br>- Sở Kế hoạch và đầu tư TP.<br>Hà Nội/ <i>Department of<br/>Planning and Investment of<br/>Hanoi City</i>    | Số 10 Phạm Văn Bạch,<br>Phường Cầu Giấy, TP.<br>Hà Nội/ <i>No. 10 Pham<br/>Van Bach, Cau Giay<br/>Ward, Hanoi City</i>                                                              |                                                                                                  | 39/2025/NQ-<br>TPB.HDQT ngày/ dated<br>03/09/2025                                                                                                                                                                 | Tái cấp Hạn mức<br>tín dụng/ <i>The re-<br/>issuance of credit<br/>limit</i>                                                                                  |                        |
| 12         | Công ty Cổ phần Đô<br>thị FPT Đà Nẵng/<br><i>FPT City Danang<br/>Joint Stock<br/>Company</i> | Người có liên<br>quan của thành<br>viên HĐQT/ <i>The<br/>affiliated party of<br/>the BOD's<br/>member</i>  | - 0401328052<br>- 15/01/2010<br>- Sở Kế hoạch và đầu tư TP.<br>Đà Nẵng/ <i>Department of<br/>Planning and Investment of<br/>Da Nang City</i> | Tòa nhà Clubhouse, Khu<br>Công nghệ Đà Nẵng,<br>Phường Ngũ Hành Sơn,<br>TP. Đà Nẵng/ <i>Clubhouse<br/>Building, Da Nang<br/>Technology Park, Ngu</i>                                |                                                                                                  | 57/2025/NQ-<br>TPB.HDQT ngày/ dated<br>25/11/2025                                                                                                                                                                 | Hợp đồng/giao<br>dịch cấp mới Hạn<br>mức tín dụng/ <i>The<br/>contract/<br/>transaction to<br/>grant Credit Limit</i>                                         |                        |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/<br>cá nhân<br>Name of<br>organization/<br>individual                          | Mối quan hệ<br>liên quan với<br>công ty<br>Relationship<br>with the<br>company                   | Số Giấy NSH, ngày cấp,<br>nơi cấp<br>NSH No., date of issue,<br>place of issue                                                              | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br>Address                                                                             | Thời điểm<br>giao dịch<br>với công ty<br>Time of<br>transaction<br>with the<br>company | Số Nghị quyết/ Quyết<br>định của ĐHĐCĐ/<br>HDQT... thông qua<br>(nếu có, nêu rõ ngày<br>ban hành)<br>Resolution No. or<br>Decision No. approved<br>by GSM/ BOD (if any,<br>specifying date of<br>issue)              | Nội dung, số<br>lượng, tổng giá<br>trị giao dịch<br>Content, quantity,<br>total value of<br>transaction                                                                                                                                                                                                                               | Ghi chú<br>Note |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|            |                                                                                            |                                                                                                  |                                                                                                                                             | Hanh Son Ward, Da<br>Nang City                                                                                                  |                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                 |
| 13         | Công ty Cổ phần<br>Bán lẻ kỹ thuật số<br>FPT/ FPT Digital<br>Retail Joint Stock<br>Company | Người có liên<br>quan của cổ đông<br>lớn/ The<br>affiliated party of<br>the major<br>shareholder | - 0311609355<br>- 08/03/2012<br>- Sở Kế hoạch và đầu tư TP.<br>Hồ Chí Minh/ Department of<br>Planning and Investment of<br>Ho Chi Minh City | 261 – 263 Khánh Hội,<br>phường Vĩnh Hội, TP.<br>Hồ Chí Minh/ 261-263<br>Khanh Hoi Street, Vinh<br>Hoi Ward, Ho Chi Minh<br>City |                                                                                        | 61/2025/NQ-<br>TPB.HDQT ngày/ dated<br>18/12/2025                                                                                                                                                                    | Tái cấp giữ<br>nguyên hạn mức<br>tín dụng/ The<br>regranting credit<br>limit                                                                                                                                                                                                                                                          |                 |
| 14         | Khung giao dịch với<br>Người có liên quan/<br>Affiliated party<br>transaction<br>framework |                                                                                                  |                                                                                                                                             |                                                                                                                                 |                                                                                        | 25/2025/NQ-<br>TPB.HDQT ngày/ dated<br>17/06/2025<br>60/2025/NQ-<br>TPB.HDQT ngày/ dated<br>16/12/2025<br><br>31/2025/NQ-<br>TPB.HDQT ngày/ dated<br>01/07/2025<br>53/2025/NQ-<br>TPB.HDQT ngày/ dated<br>13/11/2025 | Hợp đồng, giao<br>dịch nghiệp vụ phi<br>tín dụng thuộc<br>thẩm quyền của<br>HDQT/ Non-<br>credit contracts<br>and transactions<br>under authority of<br>the BOD<br>Hợp đồng, giao<br>dịch nghiệp vụ cấp<br>tín dụng thuộc<br>thẩm quyền của<br>HDQT/ Endorse<br>credit contracts<br>and transactions<br>under authority of<br>the BOD |                 |

Phụ lục IV - Giao dịch giữa TPBank với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (TGD) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (TGD) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)

Giao dịch giữa TPBank với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (TGD) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (TGD) điều hành

*Appendix IV - Transactions between TPBank and the company that its members of the BOD, members of the BOS, the CEO have been founding members or members of BOD, or CEOs in three (03) latest years  
(calculated at the time of reporting)*

*Transactions between TPBank and the company that its affiliated persons with members of the BOD, members of the BOS, the CEO and other managers as a member of the BOD, the CEO*

| STT<br>No. | Tên công ty thực<br>hiện giao dịch<br><i>Name of the<br/>company<br/>conducting the<br/>transaction</i>                                                                  | Tên thành viên<br>HĐQT, thành<br>viên BKS, TGD<br>của Ngân hàng<br><i>Name of the<br/>member of the<br/>BOD, member of<br/>the Supervisory<br/>Board, CEO of<br/>the Bank</i> | Chức vụ tại<br>công ty thực<br>hiện giao dịch<br><i>Position at the<br/>company<br/>conducting the<br/>transaction</i> | Chức vụ tại<br>Ngân hàng<br><i>Position at the<br/>Bank</i> | Loại giao dịch<br><i>Type of transaction</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Số dư tại ngày 31/12/2025<br>(Triệu VND)<br><i>Balance as of 31/12/2025<br/>(VND million)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Công ty Cổ phần Tập<br>đoàn Vàng bạc Đá<br>quý DOJ (cổ đông<br>lớn của TPBank)/<br>DOJI Gold and<br>Gems Group Joint<br>Stock Company<br>(TPBank's major<br>shareholder) | Ông/ Mr. Đỗ<br>Minh Phú                                                                                                                                                       | Chủ tịch Hội<br>đồng sáng lập/<br>Chairman of the<br>Board of<br>Founders                                              | Chủ tịch HĐQT/<br>Chairman of the<br>BOD                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng/ Non-term deposits at the Bank</li> <li>- Dư nợ vay tại Ngân hàng/ Outstanding loans at the Bank</li> <li>- Trả trước tiền thuê nhà/ Prepaid rent</li> <li>- Các khoản lãi Ngân hàng phải thu/ Interest receivable by the Bank</li> <li>- Các khoản lãi Ngân hàng phải trả/ Interest payable by the Bank</li> <li>- Thu nhập lãi cho vay/ Interest income from loans</li> <li>- Chi phí lãi tiền gửi/ Interest expense on deposits</li> <li>- Chi phí thuê nhà/ Rental expense</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng/ Non-term deposits at the Bank: 19.720</li> <li>- Dư nợ vay tại Ngân hàng/ Outstanding loans at the Bank: 352.613</li> <li>- Trả trước tiền thuê nhà/ Prepaid rent: 751.671</li> <li>- Các khoản lãi Ngân hàng phải thu/ Interest receivable by the Bank: 377</li> <li>- Các khoản lãi Ngân hàng phải trả/ Interest payable by the Bank: 2</li> <li>- Thu nhập lãi cho vay/ Interest income from loans: 36.287</li> <li>- Chi phí lãi tiền gửi/ Interest expense on deposits: 53</li> <li>- Chi phí thuê nhà/ Rental expense: 33.924</li> </ul> |

| STT<br>No. | Tên công ty thực<br>hiện giao dịch<br><i>Name of the<br/>company<br/>conducting the<br/>transaction</i>                                                                                                                                                                               | Tên thành viên<br>HDQT, thành<br>viên BKS, TGD<br>của Ngân hàng<br><i>Name of the<br/>member of the<br/>BOD, member of<br/>the Supervisory<br/>Board, CEO of<br/>the Bank</i> | Chức vụ tại<br>công ty thực<br>hiện giao dịch<br><i>Position at the<br/>company<br/>conducting the<br/>transaction</i> | Chức vụ tại<br>Ngân hàng<br><i>Position at the<br/>Bank</i>   | Loại giao dịch<br><i>Type of transaction</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Số dư tại ngày 31/12/2025<br>(Triệu VND)<br><i>Balance as of 31/12/2025<br/>(VND million)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2          | Công ty Cổ phần<br>FPT (cổ đông lớn<br>của TPBank/ <i>FPT<br/>Corporation<br/>(TPBank's major<br/>shareholder)</i>                                                                                                                                                                    | Ông/ Mr. Lê<br>Quang Tiến                                                                                                                                                     | Thành viên sáng<br>lập/ <i>Founding<br/>member</i>                                                                     | Phó Chủ tịch<br>HDQT/ <i>Vice<br/>Chairman of the<br/>BOD</i> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng/ <i>Non-term deposits at the Bank</i></li> <li>- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng/ <i>Term deposits at the Bank</i></li> <li>- Đặt cọc tiền thuê nhà/ <i>Deposit for rental</i></li> <li>- Các khoản lãi Ngân hàng phải trả/ <i>Interest payable by the Bank</i></li> <li>- Chi phí lãi tiền gửi/ <i>Interest expense on deposits</i></li> <li>- Chi phí thuê nhà/ <i>Rent costs</i></li> </ul>                                                                                                                                                                                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng/ <i>Non-term deposits at the Bank: 393.928</i></li> <li>- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng/ <i>Term deposits at the Bank: 3.894.000</i></li> <li>- Đặt cọc tiền thuê nhà/ <i>Deposit for rental: 136</i></li> <li>- Các khoản lãi Ngân hàng phải trả/ <i>Interest payable by the Bank: 18.819</i></li> <li>- Chi phí lãi tiền gửi/ <i>Interest expense on deposits: 91.285</i></li> <li>- Chi phí thuê nhà/ <i>Rent costs: 2.484</i></li> </ul>                                                                                                                                                                                                                       |
| 3          | Các doanh nghiệp có<br>chung thành viên<br>quản lý chủ chốt với<br>Ngân hàng và các<br>bên liên quan khác<br>theo quy định của<br>pháp luật/ <i>Enterprises with the<br/>same managing<br/>member close with<br/>the Bank and other<br/>relevant parties as<br/>prescribed by law</i> |                                                                                                                                                                               |                                                                                                                        |                                                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng/ <i>Non-term deposits at the Bank</i></li> <li>- Tiền gửi có kỳ hạn và đầu tư giấy tờ có giá tại Ngân hàng/ <i>Term deposits and valuable paper investments at the Bank</i></li> <li>- Dư nợ vay và trả trước tại Ngân hàng/ <i>Outstanding loans and prepayments at the Bank</i></li> <li>- Các khoản lãi Ngân hàng phải thu/ <i>Interest receivable by the Bank</i></li> <li>- Các khoản lãi Ngân hàng phải trả/ <i>Interest payable by the Bank</i></li> <li>- Thu nhập lãi cho vay/ <i>Interest income from loans</i></li> <li>- Chi phí lãi tiền gửi/ <i>Interest expense on deposits</i></li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng/ <i>Non-term deposits at the Bank: 64.767</i></li> <li>- Tiền gửi có kỳ hạn và đầu tư giấy tờ có giá tại Ngân hàng/ <i>Term deposits and valuable paper investments at the Bank: 5.712.138</i></li> <li>- Dư nợ vay và trả trước tại Ngân hàng/ <i>Outstanding loans and prepayments at the Bank: 2.016.581</i></li> <li>- Các khoản lãi Ngân hàng phải thu/ <i>Interest receivable by the Bank: 893</i></li> <li>- Các khoản lãi Ngân hàng phải trả/ <i>Interest payable by the Bank: 64.239</i></li> <li>- Thu nhập lãi cho vay/ <i>Interest income from loans: 52.397</i></li> <li>- Chi phí lãi tiền gửi/ <i>Interest expense on deposits: 222.380</i></li> </ul> |

**Phụ lục V - Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**  
**Appendix V - The list of internal persons and their affiliated parties**

| Sr<br>No. | MA<br>CK<br>Stock<br>code | Họ và tên<br>Full<br>name | Tài<br>khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ tại<br>công ty<br>Position at the<br>company (if<br>any)                                                    | Mối quan<br>hệ đối với<br>người nội<br>bộ<br>Relationship<br>with<br>company/<br>internal<br>persons | Loại hình<br>Giấy NSH<br>(CCCD, Hộ<br>chiếu, Giấy<br>ĐKKD)<br>Type of<br>NSH No.<br>(ID card/<br>Passport/<br>Business<br>registration<br>certificate) | Số<br>Giấy<br>NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date<br>of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of issue | Địa chỉ trụ sở<br>chính/ Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu<br>cuối kỳ<br>Number of<br>shares owned<br>at the<br>end of the<br>period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>Percentage<br>of share<br>ownership<br>at the end<br>of the<br>period | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>starting to<br>be affiliated<br>party/<br>internal<br>person of<br>the<br>company | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>ending to be<br>affiliated<br>party/<br>internal<br>persons of<br>the<br>company | Lý do<br>(khi<br>phát<br>sinh<br>thay<br>đổi liên<br>quan<br>đến<br>mục 14<br>và 15)<br>Reason<br>(related<br>to items<br>14 and<br>15) | Ghi chú (về<br>việc không<br>có sổ Giấy<br>NSH và các<br>ghi chú<br>khác)<br>Notes<br>(regarding<br>the absence<br>of NSH No.<br>and other<br>notes) |
|-----------|---------------------------|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1         | TPB                       | Đỗ Minh<br>Phú            |                                                                                                         | Chủ tịch<br>HĐQT kiêm<br>Người đại diện<br>theo pháp luật/<br>Chairman of<br>the BOD cum<br>Legal<br>Representative |                                                                                                      |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           | 26/04/2023                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 1.01      |                           | Nguyễn<br>Kim<br>Phương   |                                                                                                         |                                                                                                                     | Mẹ kế<br>Stepmother                                                                                  |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 1.02      |                           | Vũ Anh<br>Thư             |                                                                                                         |                                                                                                                     | Vợ<br>Wife                                                                                           |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 1.03      |                           | Đỗ Minh<br>Đức            |                                                                                                         |                                                                                                                     | Con trai<br>Son                                                                                      |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 30.852.942                                                                                      | 1,11%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 1.04      |                           | Ngô Đặng<br>Trà My        |                                                                                                         |                                                                                                                     | Con dâu<br>Daughter in<br>law                                                                        |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 1.05      |                           | Đỗ Vũ<br>Phương<br>Anh    |                                                                                                         |                                                                                                                     | Con gái<br>Daughter                                                                                  |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 30.852.942                                                                                      | 1,11%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 1.06      |                           | Bùi Quang<br>Tuyền        |                                                                                                         |                                                                                                                     | Con rể<br>Son in law                                                                                 |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 50.859                                                                                          | 0,002%                                                                                                          |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 1.07      |                           | Đỗ Minh<br>Thượn          |                                                                                                         |                                                                                                                     | Chị gái<br>Older sister                                                                              |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 1.08      |                           | Đỗ Thái<br>Tùng           |                                                                                                         |                                                                                                                     | Anh trai<br>Older brother                                                                            |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 1.09      |                           | Đỗ Thị<br>Kim Diệp        |                                                                                                         |                                                                                                                     | Chị dâu<br>Sister in law                                                                             |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 1.10      |                           | Đỗ Tất<br>Cường           |                                                                                                         |                                                                                                                     | Anh trai<br>Older brother                                                                            |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |

| Stt<br>No. | Mã<br>CK<br>Stock<br>code | Họ và tên<br>Full<br>name                                                                                              | Tài<br>khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ tại<br>công ty<br>Position at the<br>company (if<br>any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>người nội<br>bộ<br>Relationship<br>with<br>company/<br>internal<br>persons | Loại hình<br>Giấy NSH<br>(CCCD, Hộ<br>chiếu, Giấy<br>ĐKKD)<br>Type of<br>NSH No.<br>(ID card/<br>Passport/<br>Business<br>registration<br>certificate) | Số<br>Giấy<br>NSH<br>NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date<br>of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of issue                                                                       | Địa chỉ trụ sở<br>chính/ Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address                                                                                                  | Số cổ phiếu<br>sở hữu<br>cuối kỳ<br>Number of<br>shares owned<br>at the<br>end of the<br>period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>Percentage<br>of share<br>ownership<br>at the end<br>of the<br>period | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>starting to<br>be affiliated<br>party/<br>internal<br>person of<br>the<br>company | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>ending to be<br>affiliated<br>party/<br>internal<br>persons of<br>the<br>company | Lý do<br>(khi<br>phát<br>sinh<br>thay<br>đổi liên<br>quan<br>theo<br>mục 14<br>và 15)<br>Reason<br>(related<br>to items<br>14 and<br>15) | Ghi chú (về<br>việc không<br>có sổ Giấy<br>NSH và các<br>ghi chú<br>khác)<br>Notes<br>(regarding<br>the absence<br>of NSH No.<br>and other<br>notes) |
|------------|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.11       |                           | Nguyễn<br>Thị Thu<br>Hương                                                                                             |                                                                                                         |                                                                  | Chị dâu<br>Sister in law                                                                             |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                                 |                                                                                                                                                         | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                          |                                                                                                                                                      |
| 1.12       |                           | Đỗ Quốc<br>Bình                                                                                                        |                                                                                                         |                                                                  | Em trai<br>Younger<br>brother                                                                        |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                                 |                                                                                                                                                         | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                          |                                                                                                                                                      |
| 1.13       |                           | Nguyễn<br>Thị Nguyệt<br>Nga                                                                                            |                                                                                                         |                                                                  | Em dâu<br>Sister in law                                                                              |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                                 |                                                                                                                                                         | 81                                                                                              | 0,000%                                                                                                          |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                          |                                                                                                                                                      |
| 1.14       |                           | Đỗ Anh<br>Tuân                                                                                                         |                                                                                                         |                                                                  | Em trai<br>Younger<br>brother                                                                        |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                                 |                                                                                                                                                         | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                          |                                                                                                                                                      |
| 1.15       |                           | Đào Thị<br>Bích Hạnh                                                                                                   |                                                                                                         |                                                                  | Em dâu<br>Sister in law                                                                              |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                                 |                                                                                                                                                         | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                          |                                                                                                                                                      |
| 1.16       |                           | Đỗ Kim<br>Dung                                                                                                         |                                                                                                         |                                                                  | Em gái<br>Younger sister                                                                             |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                                 |                                                                                                                                                         | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                          |                                                                                                                                                      |
| 1.17       |                           | Đỗ Thị<br>Xuân Mai                                                                                                     |                                                                                                         |                                                                  | Em gái<br>Younger sister                                                                             |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                                 |                                                                                                                                                         | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                          |                                                                                                                                                      |
| 1.18       |                           | Hoàng<br>Anh Tuấn                                                                                                      |                                                                                                         |                                                                  | Em rể<br>Brother in<br>law                                                                           |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                                 |                                                                                                                                                         | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                          |                                                                                                                                                      |
| 1.19       |                           | Đỗ Anh Tú                                                                                                              |                                                                                                         |                                                                  | Em trai<br>Younger<br>brother                                                                        |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                                 |                                                                                                                                                         | 102.843.160                                                                                     | 3,71%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                          |                                                                                                                                                      |
| 1.20       |                           | Trưng Thị<br>Lâm Ngọc                                                                                                  |                                                                                                         |                                                                  | Em dâu<br>Sister in law                                                                              |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                                 |                                                                                                                                                         | 2.476.521                                                                                       | 0,09%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                          |                                                                                                                                                      |
| 1.21       |                           | Đỗ Khôi<br>Nguyễn                                                                                                      |                                                                                                         |                                                                  | Em trai<br>Younger<br>brother                                                                        |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                                 |                                                                                                                                                         | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                          |                                                                                                                                                      |
| 1.22       |                           | Tian Xiao                                                                                                              |                                                                                                         |                                                                  | Em dâu<br>Sister in law                                                                              |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                                 |                                                                                                                                                         | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                          |                                                                                                                                                      |
| 1.23       |                           | Công ty Cổ<br>phần Tập<br>đoàn Vàng<br>bạc Đà quý<br>DOJI/<br>DOJI Gold<br>and Gems<br>Group<br>Joint Stock<br>Company |                                                                                                         |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Giấy ĐKKD/<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                  | 010036<br>5621                  | 11/04<br>/2007                     | Sở KHĐT TP.<br>Hà Nội/<br>Department<br>of<br>Planning<br>and<br>Investment<br>of<br>Hanoi City | Tòa nhà DOJI<br>Tower, số 5 Lê<br>Duẩn, Phường Ba<br>Đình, Thành phố<br>Hà Nội/ DOJI<br>Tower Building<br>No. 5 Le Duun, Ba<br>Dinh Ward, Hanoi<br>City | 164.549.061                                                                                     | 5,93%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                          | Ông Đỗ<br>Mạnh Phú sở<br>hữu trên<br>10% vốn<br>góp/ Mr. Do<br>Mạnh Phú<br>owns over<br>10% of<br>contributed<br>capital                             |

| Số<br>No. | Mã<br>CK<br>Stock<br>code | Họ và tên<br>Full<br>name                                                                                 | Tài<br>khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ tại<br>công ty<br>Position at the<br>company (if<br>any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>người nội<br>bộ<br>Relationship<br>with<br>company/<br>internal<br>persons | Loại hình<br>Giấy NSH<br>(CCCD, Hộ<br>chiếu, Giấy<br>ĐKKD)<br>Type of<br>NSH No.<br>(ID card/<br>Passport/<br>Business<br>registration<br>certificate) | Số<br>Giấy<br>NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date<br>of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of issue                                                                         | Địa chỉ trụ sở<br>chính/ Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address                                                                                                                | Số cổ phiếu<br>sở hữu<br>cuối kỳ<br>Number of<br>shares owned<br>at the<br>end of the<br>period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>Percentage<br>of share<br>ownership<br>at the end<br>of the<br>period | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>starting to<br>be affiliated<br>party/<br>internal<br>person of<br>the<br>company | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>ending to be<br>affiliated<br>party/<br>internal<br>persons of<br>the<br>company | Lý do<br>(khi<br>phát<br>sinh<br>thay<br>đổi liên<br>quan<br>đến<br>mục 14<br>và 15)<br>Reason<br>(related<br>to items<br>14 and<br>15) | Ghi chú (về<br>việc không<br>có số Giấy<br>NSH và các<br>ghi chú<br>khác)<br>Notes<br>(regarding<br>the absence<br>of NSH No.<br>and other<br>notes)               |
|-----------|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.24      |                           | Công ty cổ<br>phần Vàng<br>bạc đá quý<br>SJC Hà<br>Nội/ SAC<br>Hanoi<br>Jewelry<br>Joint Stock<br>Company |                                                                                                         |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Giấy ĐKKD/<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                  | 010199<br>7084           | 30/05<br>/2006                     | Sở KHĐT TP.<br>Hà Nội/<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of<br>Hanoi City            | 25A Phan Đình<br>Phung, phường<br>Quản Thánh, quận<br>Ba Đình, thành<br>phố Hà Nội/ 25A<br>Phan Đình Phung,<br>Quận Thanh<br>ward, Ba Đình<br>district, Hanoi<br>city | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | Ông Đỗ<br>Minh Phú sở<br>hữu trên<br>10% vốn<br>góp/ Mr. Do<br>Minh Phu<br>owns over<br>10% of<br>contributed<br>capital                                           |
| 1.25      |                           | Công ty<br>TNHH Thế<br>giới Kim<br>Cương/<br>Diamond<br>World<br>Company<br>Limited                       |                                                                                                         |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Giấy ĐKKD/<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                  | 031044<br>1251           | 09/11<br>/2010                     | Sở KHĐT TP.<br>Hồ Chí Minh/<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of Ho<br>Chi Minh City | Số 61 Đường 27,<br>Phường 6, Quận<br>Gò Vấp, TP Hồ<br>Chí Minh/ No. 61,<br>Street 27, Ward 6,<br>Go Vap District,<br>Ho Chi Minh City                                 | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | Con trai ông<br>Đỗ Minh<br>Phú: Ông Đỗ<br>Minh Đức là<br>Người quản<br>lý công ty/<br>Mr. Do<br>Minh Phu's<br>son: Mr. Do<br>Minh Duc is<br>the company<br>manager |
| 1.26      |                           | Công ty cổ<br>phần<br>TGKC/<br>TGKC<br>Joint Stock<br>Company                                             |                                                                                                         |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Giấy ĐKKD/<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                  | 031558<br>5063           | 25/03<br>/2019                     | Sở KHĐT TP.<br>Hồ Chí Minh/<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of Ho<br>Chi Minh City | 59 Đường số 27,<br>Phường 6, Quận<br>Gò Vấp, TP Hồ<br>Chí Minh/ 59<br>Street No. 27,<br>Ward 6, Go Vap<br>District, Ho Chi<br>Minh City                               | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | Con trai ông<br>Đỗ Minh<br>Phú: Ông Đỗ<br>Minh Đức là<br>Người quản<br>lý công ty/<br>Mr. Do<br>Minh Phu's<br>son: Mr. Do<br>Minh Duc is<br>the company<br>manager |
| 1.27      |                           | Công ty cổ<br>phần Đầu<br>tư dịch vụ<br>Red River/<br>Red River<br>Service<br>Investment                  |                                                                                                         |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Giấy ĐKKD/<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                  | 010957<br>2069           | 29/03<br>/2021                     | Sở KHĐT TP.<br>Hà Nội/<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of<br>Hanoi City            | Tầng 15 Tòa nhà<br>DOJI Tower, số 5<br>Lê Duẩn, phường<br>Điện Biên, quận<br>Ba Đình, TP. Hà<br>Nội/ 15 <sup>th</sup> Floor,<br>DOJI Tower                            | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     | 17/12/2025                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                         | Công ty đã<br>giải thể/ The<br>company<br>has been<br>dissolved                                                                                                    |

| Số<br>No. | Mã<br>CK<br>Stock<br>code | Họ và tên<br>Full<br>name                                                | Tài<br>khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ tại<br>công ty<br>Position at the<br>company (if<br>any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>người nội<br>bộ<br>Relationship<br>with<br>company/<br>internal<br>persons | Loại hình<br>Giấy NSH<br>(CCCD, Hộ<br>chiếu, Giấy<br>ĐKKD)<br>Type of<br>NSH No.<br>(ID card/<br>Passport/<br>Business<br>registration<br>certificate) | Số<br>Giấy<br>NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date<br>of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of issue                                                                 | Địa chỉ trụ sở<br>chính/ Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address                                                                                                                                                              | Số cổ phiếu<br>sở hữu<br>cuối kỳ<br>Number of<br>shares owned<br>at the<br>end of the<br>period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>Percentage<br>of share<br>ownership<br>at the end<br>of the<br>period | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>starting to<br>be affiliated<br>party/<br>internal<br>person of<br>the<br>company | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>ending to be<br>affiliated<br>party/<br>internal<br>persons of<br>the<br>company | Lý do<br>(khi<br>phát<br>sinh<br>thay<br>đổi liên<br>quan<br>đến<br>mục 14<br>và 15)<br>Reason<br>(related<br>to items<br>14 and<br>15) | Ghi chú (về<br>việc không<br>có sổ Giấy<br>NSH và các<br>ghi chú<br>khác)<br>Notes<br>(regarding<br>the absence<br>of NSH No.<br>and other<br>notes)               |
|-----------|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                           | Joint Stock<br>Company                                                   |                                                                                                         |                                                                  |                                                                                                      |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                           | Building, No. 5 Le<br>Duan, Dien Bien<br>Ward, Ba Dinh<br>District, Hanoi<br>City                                                                                                                                   |                                                                                                 |                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                    |
| 1.28      |                           | Công ty<br>TNHH<br>Dragon<br>Bay/<br>Dragon<br>Bay<br>Company<br>Limited |                                                                                                         |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Giấy ĐKKD/<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                  | 010777<br>7769           | 27/03<br>/2017                     | Sở KHĐT TP.<br>Hà Nội/<br>Department<br>of<br>Planning and<br>Investment of<br>Hanoi City | Tòa nhà Ruby<br>Plaza, số 44 Lê<br>Ngọc Hân,<br>Phường Phạm<br>Dinh Hồ, Quận<br>Hai Bà Trưng, Hà<br>Nội/ Ruby Plaza<br>Building, No. 44<br>Le Ngoc Han,<br>Pham Dinh Ho<br>Ward, Hai Ba<br>Trung District,<br>Hanoi | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | Con trai ông<br>Đỗ Minh<br>Phúc Ông Đỗ<br>Minh Đức là<br>Người quản<br>lý công ty/<br>Mr. Do<br>Minh Phu's<br>son: Mr. Do<br>Minh Duc is<br>the company<br>manager |
| 1.29      |                           | Công ty<br>TNHH<br>Royal Bay/<br>Royal Bay<br>Company<br>Limited         |                                                                                                         |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Giấy ĐKKD/<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                  | 010777<br>7663           | 27/03<br>/2017                     | Sở KHĐT TP.<br>Hà Nội/<br>Department<br>of<br>Planning and<br>Investment of<br>Hanoi City | Tòa nhà Ruby<br>Plaza, số 44 Lê<br>Ngọc Hân,<br>Phường Phạm<br>Dinh Hồ, Quận<br>Hai Bà Trưng, Hà<br>Nội/ Ruby Plaza<br>Building, No. 44<br>Le Ngoc Han,<br>Pham Dinh Ho<br>Ward, Hai Ba<br>Trung District,<br>Hanoi | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | Con trai ông<br>Đỗ Minh<br>Phúc Ông Đỗ<br>Minh Đức là<br>Người quản<br>lý công ty/<br>Mr. Do<br>Minh Phu's<br>son: Mr. Do<br>Minh Duc is<br>the company<br>manager |
| 1.30      |                           | Công ty<br>TNHH<br>Golden<br>Bay/<br>Golden<br>Bay<br>Company<br>Limited |                                                                                                         |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Giấy ĐKKD/<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                  | 010777<br>9879           | 28/03<br>/2017                     | Sở KHĐT TP.<br>Hà Nội/<br>Department<br>of<br>Planning and<br>Investment of<br>Hanoi City | Tòa nhà Ruby<br>Plaza, số 44 Lê<br>Ngọc Hân,<br>Phường Phạm<br>Dinh Hồ, Quận<br>Hai Bà Trưng, Hà<br>Nội/ Ruby Plaza<br>Building, No. 44<br>Le Ngoc Han,<br>Pham Dinh Ho<br>Ward, Hai Ba                             | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | Con trai ông<br>Đỗ Minh<br>Phúc Ông Đỗ<br>Minh Đức là<br>Người quản<br>lý công ty/<br>Mr. Do<br>Minh Phu's<br>son: Mr. Do<br>Minh Duc is                           |

| Sit No. | MA CK Stock code | Họ và tên Full name                                                                 | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty Position at the company (if any) | Mối quan hệ đối với người nội bộ Relationship with company/ internal persons | L loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, Giấy ĐKKD) Type of NSH No. (ID card/ Passport/ Business registration certificate) | Số Giấy NSH NSH No. | Ngày cấp Date of issue | Nơi cấp Place of issue                                                    | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address                                                                                                                                                | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of starting to be affiliated party/ internal person of the company | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of ending to be affiliated party/ internal persons of the company | Lý do (khí phát sinh thay đổi liên quan đến mục 14 và 15) Reason (related to items 14 and 15) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (regarding the absence of NSH No. and other notes)                            |
|---------|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.31    |                  | Công ty TNHH Blue Star Việt Nam/ Blue Star Vietnam Company Limited                  |                                                                              |                                                      | Tổ chức có liên quan Affiliated organization                                 | Giấy ĐKKD/ Business Registration Certificate                                                                            | 010799 6538         | 18/09 /2017            | Sở KHĐT TP. Hà Nội/ Department of Planning and Investment of Hanoi City   | Trung District, Hanoi                                                                                                                                                                        | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               | the company manager                                                                                                                            |
| 1.32    |                  | Công ty cổ phần Vàng bạc đá quý SJC Đà Nẵng/ SJC Danang Jewelry Joint Stock Company |                                                                              |                                                      | Tổ chức có liên quan Affiliated organization                                 | Giấy ĐKKD/ Business Registration Certificate                                                                            | 040055 7980         | 20/06 /2006            | Sở KHĐT TP. Đà Nẵng/ Department of Planning and Investment of Danang City | 172 Hùng Vương, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng/ 172 Hung Vuong, Hai Chau 1 ward, Hai Chau district, Da Nang city                                                        | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               | Con gái ông Đỗ Minh Phú: Bà Đỗ Vũ Phương Anh là Người quản lý công ty/ Mr. Do Minh Phu's daughter: Ms. Do Vu Phuong Anh is the company manager |
| 1.33    |                  | Công ty TNHH Đầu tư thương mại DOJ/ DOJ Investment and Trading Company Limited      |                                                                              |                                                      | Tổ chức có liên quan Affiliated organization                                 | Giấy ĐKKD/ Business Registration Certificate                                                                            | 010378 1940         | 29/04 /2009            | Sở KHĐT TP. Hà Nội/ Department of Planning and Investment of Hanoi City   | Tầng 9, Tòa nhà Ruby Plaza, số 44 phố Lê Ngọc Hân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội/ 9 <sup>th</sup> Floor, Ruby Plaza Building, 44 Le Ngoc Han Street, Hai Ba Trung District, Hanoi City | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               | Con gái ông Đỗ Minh Phú: Bà Đỗ Vũ Phương Anh là Người quản lý công ty/ Mr. Do Minh Phu's daughter: Ms. Do Vu Phuong Anh is the                 |

| SST No. | MA CK Stock code | Họ và tên Full name                                                                                  | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any). | Chức vụ tại công ty Position at the company (if any) | Mối quan hệ đối với người nội bộ Relationship with company/ internal persons | Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, Giấy ĐKKD) Type of NSH No. (ID card/ Passport/ Business registration certificate) | Số Giấy NSH No. | Ngày cấp Date of issue | Nơi cấp Place of issue                                                  | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address                                                                                                                                                              | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of starting to be affiliated party/ internal person of the company | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of ending to be affiliated party/ internal persons of the company | Lý do (khí phát sinh thay đổi liên quan đến mục 14 và 15) Reason (related to items 14 and 15) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (regarding the absence of NSH No. and other notes)                             |
|---------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|         |                  |                                                                                                      |                                                                               |                                                      |                                                                              |                                                                                                                       |                 |                        |                                                                         |                                                                                                                                                                                                            |                                                                            |                                                                                      |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               | company manager                                                                                                                                 |
| 1.34    |                  | Công ty cổ phần Kinh doanh khách sạn Diamond Crown/ Diamond Crown Hotel Business Joint Stock Company |                                                                               |                                                      | Tổ chức có liên quan Affiliated organization                                 | Giấy ĐKKD/ Business Registration Certificate                                                                          | 011059 3948     | 01/08 /2024            | Sở KHĐT TP. Hà Nội/ Department of Planning and Investment of Hanoi City | Tầng 9, Tòa nhà DOJTOWER, số 5 Lê Duẩn, phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội/ 9 <sup>th</sup> Floor, DOJTOWER Building, No. 5 Le Duang, Dien Bien Ward, Ba Dinh District, Hanoi City           | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               | Con gái ông Đỗ Minh Phúc: Bà Đỗ Vũ Phương Anh là Người quản lý công ty/ Mr. Do Minh Phu's daughter: Ms. Do Vu Phuong Anh is the company manager |
| 1.35    |                  | Công ty TNHH Blue Hope/ Blue Hope Company Limited                                                    |                                                                               |                                                      | Tổ chức có liên quan Affiliated organization                                 | Giấy ĐKKD/ Business Registration Certificate                                                                          | 010781 9507     | 25/04 /2017            | Sở KHĐT TP. Hà Nội/ Department of Planning and Investment of Hanoi City | Tầng 9, Tòa nhà Ruby Plaza 44 Lê Ngọc Hân, phường Phạm Đình Hổ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội/ 9 <sup>th</sup> Floor, Ruby Plaza Building 44 Le Ngoc Han, Pham Dinh Ho Ward, Ba Dinh District, Hanoi City | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               | Con gái ông Đỗ Minh Phúc: Bà Đỗ Vũ Phương Anh là Người quản lý công ty/ Mr. Do Minh Phu's daughter: Ms. Do Vu Phuong Anh is the company manager |
| 1.36    |                  | Công ty TNHH Xây lắp và kỹ thuật Phúc Thịnh/ Phúc Thịnh Construction and Engineering                 |                                                                               |                                                      | Tổ chức có liên quan Affiliated organization                                 | Giấy ĐKKD/ Business Registration Certificate                                                                          | 010750 3912     | 13/07 /2016            | Sở KHĐT TP. Hà Nội/ Department of Planning and Investment of Hanoi City | Số 5 phố Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội/ No. 5 Nguyen Phuc Lai Street, O Cho Dua Ward, Dong Da District, Hanoi City                                                     | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               | Con gái ông Đỗ Minh Phúc: Bà Đỗ Vũ Phương Anh là Người quản lý công ty/ Mr. Do Minh Phu's daughter:                                             |

| Stt<br>No. | Mã<br>CK<br>Stock<br>code | Họ và tên<br>Full<br>name                                                                     | Tài<br>khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ tại<br>công ty<br>Position at the<br>company (if<br>any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>người nội<br>bộ<br>Relationship<br>with<br>company/<br>internal<br>persons | Loại hình<br>Giấy NSH<br>(CCCD, Hộ<br>chiếu, Giấy<br>ĐKKD)<br>Type of<br>NSH No.<br>(ID card/<br>Passport/<br>Business<br>registration<br>certificate) | Số<br>Giấy<br>NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date<br>of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of issue                                                                 | Địa chỉ trụ sở<br>chính/ Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address                                                                                                                                                                                                         | Số cổ phiếu<br>sở hữu<br>cuối kỳ<br>Number of<br>shares owned<br>at the<br>end of the<br>period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>Percentage<br>of share<br>ownership<br>at the end<br>of the<br>period | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>starting to<br>be affiliated<br>party/<br>internal<br>person of<br>the<br>company | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>ending to be<br>affiliated<br>party/<br>internal<br>persons of<br>the<br>company | Lý do<br>(nếu<br>phát<br>sinh<br>thay<br>đổi liên<br>quan<br>đến<br>mục 14<br>và 15)<br>Reason<br>(related<br>to items<br>14 and<br>15) | Ghi chú (về<br>việc không<br>có sổ Giấy<br>NSH và các<br>ghi chú<br>khác)<br>Notes<br>(regarding<br>the absence<br>of NSH No.<br>and other<br>notes)                                     |
|------------|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                           | Company<br>Limited                                                                            |                                                                                                         |                                                                  |                                                                                                      |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                 |                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | Ms. Do Vu<br>Phuong Anh<br>is the<br>company<br>manager                                                                                                                                  |
| 137        |                           | Công ty Cổ<br>phần DOJI<br>Land Ha<br>Long/<br>DOJI Land<br>Ha Long<br>Joint Stock<br>Company |                                                                                                         |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Giấy ĐKKD/<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                  | 010758<br>5947           | 10/03<br>/2016                     | Sở KHĐT TP.<br>Hà Nội/<br>Department<br>of<br>Planning and<br>Investment of<br>Hanoi City | Tòa nhà Ruby<br>Plaza, số 44 Lê<br>Ngọc Hân,<br>Phường Phạm<br>Đình Hồ, Quận<br>Hai Bà Trưng,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam/<br>Ruby Plaza<br>Building, No. 44<br>Le Ngoc Han,<br>Pham Dinh Ho<br>Ward, Hai Ba<br>Trung District,<br>Hanoi City,<br>Vietnam | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | Con gái ông<br>Đỗ Minh<br>Phúc Bà Đỗ<br>Vũ Phương<br>Anh là<br>Người quản<br>lý công ty/<br>Mr. Do<br>Minh Phu's<br>daughter;<br>Ms. Do Vu<br>Phuong Anh<br>is the<br>company<br>manager |
| 138        |                           | Công ty<br>TNIHH<br>Glory Red<br>Star/ Glory<br>Red Star<br>Company<br>Limited                |                                                                                                         |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Giấy ĐKKD/<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                  | 010789<br>1969           | 20/06<br>/2017                     | Sở KHĐT TP.<br>Hà Nội/<br>Department<br>of<br>Planning and<br>Investment of<br>Hanoi City | Số 9 Dã Tượng,<br>Phường Trần<br>Hung Đạo, Quận<br>Hoàn Kiếm, Hà<br>Nội/ No. 9 Da<br>Tuong, Tran Hung<br>Dao Ward, Hoan<br>Kiem District,<br>Hanoi                                                                                                             | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | Con gái ông<br>Đỗ Minh<br>Phúc Bà Đỗ<br>Vũ Phương<br>Anh là<br>Người quản<br>lý công ty/<br>Mr. Do<br>Minh Phu's<br>daughter;<br>Ms. Do Vu<br>Phuong Anh<br>is the<br>company<br>manager |
| 139        |                           | CTCP Dầu tư<br>Phát triển<br>Thương mại<br>Tân Mỹ/ Tan                                        |                                                                                                         |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Giấy ĐKKD/<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                  | 010050<br>9295           | 06/03<br>/1995                     | Sở KHĐT TP.<br>Hà Nội/<br>Department<br>of<br>Planning and                                | Số 1 khu công<br>nghiệp Vĩnh Tuy,<br>Phường Vĩnh<br>Hung, Quận                                                                                                                                                                                                 | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | Em trai ông<br>Đỗ Minh<br>Phúc Ông Đỗ<br>Anh Tú là                                                                                                                                       |

| Số<br>No. | Mã<br>CK<br>Stock<br>code | Họ và tên<br>Full<br>name                                                                             | Tài khoản<br>giao dịch chứng<br>khoán (nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ tại<br>công ty<br>Position at the<br>company (if<br>any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>người nội<br>bộ<br>Relationship<br>with<br>company/<br>internal<br>persons | Loại hình<br>Giấy NSH<br>(CCCD, Hộ<br>chiếu, Giấy<br>ĐKKD)<br>Type of<br>NSH No.<br>(ID card/<br>Passport/<br>Business<br>registration<br>certificate) | Số<br>Giấy<br>NSH<br>NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date<br>of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of issue                                                              | Địa chỉ trụ sở<br>chính/ Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address                                                                                                                                                                       | Số cổ phiếu<br>sở hữu<br>cuối kỳ<br>Number of<br>shares owned<br>at the<br>end of the<br>period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>Percentage<br>of share<br>ownership<br>at the end<br>of the<br>period | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>starting to<br>be affiliated<br>party/<br>internal<br>person of<br>the<br>company | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>ending to be<br>affiliated<br>party/<br>internal<br>persons of<br>the<br>company | Lý do<br>(khi phát<br>sinh thay<br>đổi liên<br>quan<br>đến<br>mục 14<br>và 15)<br>Reason<br>(related<br>to items<br>14 and<br>15) | Ghi chú (về<br>việc không<br>có số Giấy<br>NSH và các<br>ghi chú<br>khác)<br>Notes<br>(regarding<br>the absence<br>of NSH No.<br>and other<br>notes)                         |
|-----------|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                           | My<br>Investment<br>and Trade<br>Development<br>Joint Stock<br>Company                                |                                                                                                |                                                                  |                                                                                                      |                                                                                                                                                        |                                 |                                    | Investment of<br>Hanoi City                                                            | Hoàng Mai, Hà<br>Nội/ No. 1 Vinh<br>Tuy Industrial<br>Park, Vinh Hung<br>Ward, Hoang Mai<br>District, Hanoi                                                                                                                  |                                                                                                 |                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                   | Người quản<br>lý công ty/<br>Mr. Do<br>Minh Phu's<br>younger<br>brother; Mr.<br>Do Anh Tu is<br>the company<br>manager                                                       |
| 1.40      |                           | Công ty<br>TNHH Địa<br>Cầu Xanh/<br>Green<br>Globe<br>Company<br>Limited                              |                                                                                                |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Giấy ĐKKD/<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                  | 010142<br>7158                  | 28/11<br>/2003                     | Sở KHĐT TP.<br>Hà Nội/<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of<br>Hanoi City | số 49 Hàng Chuối,<br>Phường Phạm<br>Dinh Hồ, Quận<br>Hai Bà Trưng, Hà<br>Nội/ No. 49 Hang<br>Chuoi, Pham<br>Dinh Ho Ward,<br>Hai Ba Trung<br>District, Hanoi                                                                 | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                   | Em trai ông<br>Đỗ Minh<br>Phúc Ông Đỗ<br>Anh Tú là<br>Người quản<br>lý công ty/<br>Mr. Do<br>Minh Phu's<br>younger<br>brother; Mr.<br>Do Anh Tu is<br>the company<br>manager |
| 1.41      |                           | CTCP Dầu<br>tư Sao<br>Thủy Việt<br>Nam/<br>Vietnam<br>Mercury<br>Investment<br>Joint Stock<br>Company |                                                                                                |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Giấy ĐKKD/<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                  | 010855<br>3867                  | 19/12<br>/2018                     | Sở KHĐT TP.<br>Hà Nội/<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of<br>Hanoi City | Tầng 8, Toà nhà<br>14 Láng Hạ,<br>Phường Thành<br>Công, Quận Ba<br>Đình, Thành phố<br>Hà Nội, Việt<br>Nam/ 8 <sup>th</sup> Floor,<br>Building 14 Lang<br>Ha, Thanh Cong<br>Ward, Ba Dinh<br>District, Hanoi<br>City, Vietnam | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                   | Em trai ông<br>Đỗ Minh<br>Phúc Ông Đỗ<br>Anh Tú là<br>Người quản<br>lý công ty/<br>Mr. Do<br>Minh Phu's<br>younger<br>brother; Mr.<br>Do Anh Tu is<br>the company<br>manager |
| 1.42      |                           | Công ty<br>TNHH Dầu<br>tư TP Việt<br>Nam/ TP<br>Vietnam<br>Investment                                 |                                                                                                |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Giấy ĐKKD/<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                  | 010669<br>4703                  | 19/11<br>/2014                     | Sở KHĐT TP.<br>Hà Nội/<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of<br>Hanoi City | Số 1, khu công<br>nghiệp Vinh Tuy,<br>đường Lĩnh Nam,<br>Phường Vinh<br>Hung, Quận<br>Hoàng Mai, Hà<br>Nội/ No. 1, Vinh                                                                                                      | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                   | Em trai ông<br>Đỗ Minh<br>Phúc Ông Đỗ<br>Anh Tú là<br>Người quản<br>lý công ty/<br>Mr. Do                                                                                    |

| Sr No. | MA CK Stock code | Họ và tên Full name                                                        | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty Position at the company (if any) | Mối quan hệ đối với người nội bộ Relationship with company/ internal persons | Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, Giấy ĐKKD) Type of NSH No. (ID card/ Passport/ Business registration certificate) | Số Giấy NSH NSH No. | Ngày cấp Date of issue | Nơi cấp Place of issue                                                                | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address                                                                                                                | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of starting to be affiliated party/ internal person of the company | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of ending to be affiliated party/ internal persons of the company | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 14 và 15) Reason (related to items 14 and 15) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (regarding the absence of NSH No. and other notes)                       |
|--------|------------------|----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|        |                  | Company Limited                                                            |                                                                              |                                                      |                                                                              |                                                                                                                       |                     |                        |                                                                                       | Tuy Industrial Park, Linh Nam Street, Vinh Hung Ward, Hoang Mai District, Hanoi                                                                              |                                                                            |                                                                                      |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               | Mình Phu's younger brother: Mr. Do Anh Tu is the company manager                                                                          |
| 1.43   |                  | Công ty TNHH Thương Mại Tân Kim Nhut/ Tan Kim Nhut Trading Company Limited |                                                                              |                                                      | Tổ chức có liên quan Affiliated organization                                 | Giấy ĐKKD/ Business Registration Certificate                                                                          | 010820 6729         | 29/03 /2018            | Sở KHĐT TP. Hà Nội/ Department of Planning and Investment of Hanoi City               | Số 1A phố Hai Bà Trưng, Phường Tráng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội/ No. 1A Hai Ba Trưng Street, Trang Tien Ward, Hoan Kiem District, Hanoi                    | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               | Em trai ông Đỗ Minh Phú: Ông Đỗ Anh Tú là Người quản lý/ tổng ty/ Mr. Do Minh Phu's younger brother: Mr. Do Anh Tu is the company manager |
| 1.44   |                  | CTCP Diana Unicharm/ Diana Unicharm Joint Stock Company                    |                                                                              |                                                      | Tổ chức có liên quan Affiliated organization                                 | Giấy ĐKKD/ Business Registration Certificate                                                                          | 010050 7058         | 11/04 /2007            | Sở KHĐT TP. Hà Nội/ Department of Planning and Investment of Hanoi City               | KCN Vinh Tuy, đường Linh Nam, Phường Vinh Hưng, Quận Hoàng Mai, Hà Nội/ Vinh Tuy Industrial Park, Linh Nam Street, Vinh Hung Ward, Hoang Mai District, Hanoi | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           | 20/03/2025                                                                                                                                 |                                                                                               | Em trai ông Đỗ Minh Phú không còn là Người quản lý công ty/ Mr. Do Minh Phu's younger brother is no longer the company manager            |
| 1.45   |                  | Công ty Cổ phần Nga Tân An/ Nga Tan An Joint Stock Company                 |                                                                              |                                                      | Tổ chức có liên quan Affiliated organization                                 | Giấy ĐKKD/ Business Registration Certificate                                                                          | 370288 9642         | 03/07 /2020            | Sở KHĐT tỉnh Bình Dương/ Department of Planning and Investment of Binh Duong province | Thửa đất 204, tờ bản đồ số 16, ấp Tiên Phong, Xã Long Hoà, Huyện Dầu Tiếng, Bình Dương/ Land plot 204, map sheet number 16, Tien Phong hamlet, Long Hoa      | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               | Em gái ông Đỗ Minh Phú: Bà Đỗ Thị Xuân Mai là Người đại diện theo pháp luật của công ty/ Mr. Do Minh Phu's sister:                        |

| Sr No. | MA CK Stock code | Họ và tên Full name                                                                       | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty Position at the company (if any) | Mối quan hệ đối với người nội bộ Relationship with company/ internal persons | Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, Giấy ĐKKD) Type of NSH No. (ID card/ Passport/ Business registration certificate) | Số Giấy NSH NSH No. | Ngày cấp Date of issue | Nơi cấp Place of issue                                                                | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address                                                                                                                                                   | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of starting to be affiliated party/ internal person of the company | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of ending to be affiliated party/ internal persons of the company | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 14 và 15) Reason (related to items 14 and 15) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (regarding the absence of NSH No. and other notes)                                                 |
|--------|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|        |                  |                                                                                           |                                                                              |                                                      |                                                                              |                                                                                                                       |                     |                        |                                                                                       | commune, Dau Tieng district, Binh Duong                                                                                                                                                         |                                                                            |                                                                                      |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               | Mrs. Do Thi Xuan Mai is the legal representative                                                                                                                    |
| 1.46   |                  | CTCP Năng lượng Mặt trời Hữu Nam/ Hieu Nam Solar Energy Joint Stock Company               |                                                                              |                                                      | Tổ chức có liên quan Affiliated organization                                 | Giấy ĐKKD/ Business Registration Certificate                                                                          | 370288/9635         | 03/07/2020             | Sở KHĐT tỉnh Bình Dương/ Department of Planning and Investment of Binh Duong province | Thửa đất 252, tờ bản đồ số 19, ấp Đồng Bà Ba, Xã Long Hoà, Huyện Dầu Tiếng, Bình Dương/ Land plot 252, map sheet number 19, Dong Ba Ba hamlet, Long Hoa commune, Dau Tieng district, Binh Duong | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               | Em gái ông Đỗ Minh Phú: Bà Đỗ Thị Xuân Mai là Người đại diện theo pháp luật của công ty/ Mr. Do Minh Phu's sister; Mrs. Do Thi Xuan Mai is the legal representative |
| 1.47   |                  | Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Tùng Lâm/ Tung Lam Electrical Equipment Joint Stock Company |                                                                              |                                                      | Tổ chức có liên quan Affiliated organization                                 | Giấy ĐKKD/ Business Registration Certificate                                                                          | 370289/2846         | 14/07/2020             | Sở KHĐT tỉnh Bình Dương/ Department of Planning and Investment of Binh Duong province | Thửa đất 648, tờ bản đồ số 16, ấp Tiên Phong, Xã Long Hoà, Huyện Dầu Tiếng, Bình Dương/ Land plot 648, map sheet number 16, Tien Phong hamlet, Long Hoa commune, Dau Tieng district, Binh Duong | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               | Em gái ông Đỗ Minh Phú: Bà Đỗ Thị Xuân Mai là Người đại diện theo pháp luật của công ty/ Mr. Do Minh Phu's sister; Mrs. Do Thi Xuan Mai is the legal representative |
| 1.48   |                  | CTCP Tập Đoàn Đầu tư và Xây lắp HD/ HD Investment and Construction Group Corporation      |                                                                              |                                                      | Tổ chức có liên quan Affiliated organization                                 | Giấy ĐKKD/ Business Registration Certificate                                                                          | 600174/4316         | 23/08/2022             | Sở KHĐT tỉnh Đắk Lắk/ Department of Planning and Investment of Dak Lak province       | Số 93A đường Y Moan, Phường Tân Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk/ No. 93A Y Moan Street, Tan Loi Ward, Buon Ma Thuot City, Dak Lak                                                               | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               | Em gái ông Đỗ Minh Phú: Bà Đỗ Thị Xuân Mai là Người đại diện theo pháp luật của công ty/ Mr. Do Minh Phu's sister                                                   |

| Số<br>No. | Mã<br>CK<br>Stock<br>code | Họ và tên<br>Full<br>name                                                                                                                                                    | Tài<br>khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ tại<br>công ty<br>Position at the<br>company (if<br>any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>người nội<br>bộ<br>Relationship<br>with<br>company/<br>internal<br>persons | Loại hình<br>Giấy NSH<br>(CCCD, Hộ<br>chiếu, Giấy<br>ĐKKD)<br>Type of<br>NSH No.<br>(ID card/<br>Passport/<br>Business<br>registration<br>certificate) | Số<br>Giấy<br>NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date<br>of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of issue                                                                               | Địa chỉ trụ sở<br>chính/ Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address                                                                                                                                       | Số cổ phiếu<br>sở hữu<br>cuối kỳ<br>Number of<br>shares owned<br>at the<br>end of the<br>period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>Percentage<br>of share<br>ownership<br>at the end<br>of the<br>period | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>starting to<br>be affiliated<br>party/<br>internal<br>person of<br>the<br>company | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>ending to be<br>affiliated<br>party/<br>internal<br>persons of<br>the<br>company | Lý do<br>(nếu<br>phát<br>sinh<br>thay<br>đổi liên<br>quan<br>đến<br>mục 14<br>và 15)<br>Reason<br>(related<br>to items<br>14 and<br>15) | Ghi chú (về<br>việc không<br>có số Giấy<br>NSH và các<br>ghi chú<br>khác)<br>Notes<br>(regarding<br>the absence<br>of NSH No.<br>and other<br>notes)                                          |
|-----------|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                           |                                                                                                                                                                              |                                                                                                         |                                                                  |                                                                                                      |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                                         |                                                                                                                                                                                              |                                                                                                 |                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | Mrs. Do Thị<br>Kuan Mai is<br>the legal<br>representative                                                                                                                                     |
| 1.49      |                           | Công ty cổ<br>phần<br>Thương<br>mại Tập<br>đoàn Tân<br>Hoàng<br>Kim/ Tan<br>Hoang Kim<br>Group<br>Trading<br>Joint Stock<br>Company                                          |                                                                                                         |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Giấy ĐKKD/<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                  | 230117<br>3419           | 15/04<br>/2021                     | Sở KHĐT tỉnh<br>Bắc Ninh/<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of<br>Bac Ninh<br>province     | Cụm công nghiệp<br>Tân Chi, Xã Tân<br>Chi, Huyện Tiên<br>Dũ, Bắc Ninh/<br>Tan Chi Industrial<br>Cluster, Tan Chi<br>Commune, Tien<br>Du District, Bac<br>Ninh                                | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | Em trai ông<br>Đỗ Minh<br>Phúc: Ông Đỗ<br>Anh Tú là cổ<br>đồng sở hữu<br>cổ phần chi<br>phối/ Mr. Do<br>Minh Phu's<br>younger<br>brother: Mr.<br>Do Anh Tu is<br>a controlling<br>shareholder |
| 1.50      |                           | Công ty<br>TNHH Phát<br>triển Công<br>nghệ Nhiệt<br>lạnh & Môi<br>trường FTD/<br>FTD<br>Refrigeration<br>&<br>Environment<br>Technology<br>Development<br>Company<br>Limited |                                                                                                         |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Giấy ĐKKD/<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                  | 010073<br>9203           | 14/04<br>/1998                     | Sở KHĐT TP.<br>Hà Nội/<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of<br>Hanoi City                  | Lô 7 - CN5, cụm<br>công nghiệp Ngọc<br>Hải, Xã Ngọc<br>Hải, Huyện Thanh<br>Trì, Hà Nội/ Lot 7<br>- CN5, Ngoc Hai<br>Industrial Park,<br>Ngoc Hai<br>Commune, Thanh<br>Tri District,<br>Hanoi | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | Em trai ông<br>Đỗ Minh<br>Phúc: Ông Đỗ<br>Anh Tuấn là<br>Người quản<br>lý công ty/<br>Mr. Do<br>Minh Phu's<br>younger<br>brother: Mr.<br>Do Anh<br>Tuam is the<br>company<br>manager          |
| 1.51      |                           | Công ty Cổ<br>phần Trang<br>thiết bị<br>Hưng<br>Thịnh/<br>Hung<br>Thinh<br>Equipment<br>Joint Stock<br>Company                                                               |                                                                                                         |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Giấy ĐKKD/<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                  | 370288<br>9667           | 28/11<br>/2023                     | Sở KHĐT tỉnh<br>Binh Duong/<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of<br>Binh Duong<br>province | Thửa đất 248, tờ<br>bản đồ số 19, ấp<br>Đồng Bà Ba, Xã<br>Long Hòa, TP. Hồ<br>Chí Minh/ Plot<br>248, map sheet 19,<br>Dong Ba Ba<br>Hamlet, Long Hoa<br>Commune, Ho Chi<br>Minh City         | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | Em gái ông<br>Đỗ Minh Phúc:<br>Bà Đỗ Thị<br>Xuân Mai là<br>Người đại<br>diện theo<br>pháp luật của<br>công ty/ Mr.<br>Do Minh<br>Phu's sister:<br>Mrs. Do Thị                                 |

| Stt No. | Mã CK Stock code | Họ và tên Full-name                                                                        | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty Position at the company (if any)                                                                                | Mối quan hệ đối với người nội bộ Relationship with company/ internal persons | Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, Giấy ĐKKD) Type of NSH No. (ID card/ Passport/ Business registration certificate) | Số Giấy NSH NSH No. | Ngày cấp Date of issue | Nơi cấp Place of issue                                                             | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address                                                                                                                          | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of starting to be affiliated party/ internal person of the company | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of ending to be affiliated party/ internal persons of the company | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 14 và 15) Reason (related to items 14 and 15) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (regarding the absence of NSH No. and other notes) |
|---------|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|         |                  |                                                                                            |                                                                              |                                                                                                                                     |                                                                              |                                                                                                                       |                     |                        |                                                                                    |                                                                                                                                                                        |                                                                            |                                                                                      |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               | Tram Mai is the legal representative                                                                                |
| 1.52    |                  | Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cường Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company |                                                                              |                                                                                                                                     | Tổ chức có liên quan Affiliated organization                                 | Giấy ĐKKD/ Business Registration Certificate                                                                          | 010263 6355         | 25/01 /2008            | Sở KHĐT TP. Hà Nội/ Department of Planning and Investment of Hanoi City            | Tầng 11, Tòa nhà DOJ Tower, số 05 Lê Duẩn, P. Ba Đình, Hà Nội/ 11 <sup>th</sup> Floor, DOJ Tower Building, No. 5 Le Duun, Dien Bien Ward, Ba Dinh District, Hanoi City | 0                                                                          | 0,00%                                                                                | 28/03/2024                                                                                                                                |                                                                                                                                            |                                                                                               | Công ty con của TPBank/ TPBank's Subsidiary                                                                         |
| 1.53    |                  | Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong/ Tiên Phong Securities Corporation                  |                                                                              |                                                                                                                                     | Tổ chức có liên quan Affiliated organization                                 | Giấy ĐKKD/ Business Registration Certificate                                                                          | 030481 4339         | 29/12 /2006            | Sở KHĐT TP. Hồ Chí Minh/ Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City | Tầng 7, Tòa nhà DOJ, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh/ 7 <sup>th</sup> Floor, DOJ Building, No. 81-83-85 Ham Nghi, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City | 0                                                                          | 0,00%                                                                                | 31/12/2025                                                                                                                                |                                                                                                                                            |                                                                                               | Công ty con của TPBank/ TPBank's Subsidiary                                                                         |
| 2       | TPB              | Lê Quang Tiến                                                                              |                                                                              | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Người được ủy quyền công bố thông tin/ Vice Chairman of the BOD cum Party authorized to disclose information |                                                                              |                                                                                                                       |                     |                        |                                                                                    |                                                                                                                                                                        | 100.063.616                                                                | 3,61%                                                                                | 26/04/2023                                                                                                                                |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 2.01    |                  | Nguyễn Thị An                                                                              |                                                                              |                                                                                                                                     | Mẹ đẻ Mother                                                                 |                                                                                                                       |                     |                        |                                                                                    |                                                                                                                                                                        | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 2.02    |                  | Đoàn Ngọc                                                                                  |                                                                              |                                                                                                                                     | Bố vợ Father in law                                                          |                                                                                                                       |                     |                        |                                                                                    |                                                                                                                                                                        | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 2.03    |                  | Vũ Ngọc Liên                                                                               |                                                                              |                                                                                                                                     | Mẹ vợ Mother in law                                                          |                                                                                                                       |                     |                        |                                                                                    |                                                                                                                                                                        | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |

| Stt No. | Mã CK Stock code | Họ và tên Full name                                                     | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty Position at the company (if any) | Mối quan hệ đối với người nội bộ Relationship with company/ internal persons | Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, Giấy ĐKKD) Type of NSH No. (ID card/ Passport/ Business registration certificate) | Số Giấy NSH NSH No. | Ngày cấp Date of issue | Nơi cấp Place of issue                                                     | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address                                                                                                                                  | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of starting to be affiliated party/ internal person of the company | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of ending to be affiliated party/ internal persons of the company | Lý do (Khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 14 và 15) Reason (related to items 14 and 15) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (regarding the absence of NSH No. and other notes) |
|---------|------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2.04    |                  | Đoàn Ngọc Thu                                                           |                                                                              |                                                      | Vợ Wife                                                                      |                                                                                                                       |                     |                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 2.05    |                  | Lê Nữ Cẩm Tú                                                            |                                                                              |                                                      | Con gái Daughter                                                             |                                                                                                                       |                     |                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 2.06    |                  | Hannes Kaltenbrunner                                                    |                                                                              |                                                      | Con rể Son in law                                                            |                                                                                                                       |                     |                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 2.07    |                  | Lê Đoàn An Khê                                                          |                                                                              |                                                      | Con gái Daughter                                                             |                                                                                                                       |                     |                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 2.08    |                  | Lê Quang Diệu                                                           |                                                                              |                                                      | Con trai Son                                                                 |                                                                                                                       |                     |                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 2.09    |                  | Nguyễn Văn Chiến                                                        |                                                                              |                                                      | Em rể Brother in law                                                         |                                                                                                                       |                     |                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 2.10    |                  | Lê Nữ Quỳnh Mai                                                         |                                                                              |                                                      | Em gái Younger sister                                                        |                                                                                                                       |                     |                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 2.11    |                  | Nguyễn Ngọc Hương                                                       |                                                                              |                                                      | Em rể Brother in law                                                         |                                                                                                                       |                     |                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                | 3.227                                                                      | 0,0001%                                                                              |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 2.12    |                  | Công ty TNHH Đầu tư FPT/ FPT Investment Company Limited                 |                                                                              |                                                      | Tổ chức có liên quan Affiliated organization                                 | Giấy ĐKKD/ Business Registration Certificate                                                                          | 0105173948          | 03/03/2011             | Sở KHĐT TP. Hà Nội/ Department of Planning and Investment of Hanoi City    | 10 Phạm Văn Bạch, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội/ 10 Phạm Văn Bạch, Dịch Vọng Ward, Cầu Giấy District, Hanoi City                                           | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               | Ông Lê Quang Tiến là Chủ tịch kiêm TGD/ Mr. Le Quang Tien is Chairman and CEO                                       |
| 2.13    |                  | Công ty Cổ Phần Đô thị FPT Đà Nẵng/ FPT City Danang Joint Stock Company |                                                                              |                                                      | Tổ chức có liên quan Affiliated organization                                 | Giấy ĐKKD/ Business Registration Certificate                                                                          | 0401328052          | 15/01/2010             | Sở KHĐT TP. Đà Nẵng/ Department of Planning and Investment of Da Nang City | Tòa nhà Clubhouse, Khu K5-5, Khu đô thị Công nghệ FPT, Phường Hoà Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng/ Clubhouse Building, Area K5-5, FPT Technology Urban Area, Hoa Hai Ward, Ngu | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               | Ông Lê Quang Tiến là Chủ tịch HĐQT/ Mr. Le Quang Tien is Chairman of the BOD                                        |

| Số<br>No. | Mã<br>CK<br>Stock<br>code | Họ và tên<br>Full<br>name                                                                                           | Tài<br>khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ tại<br>công ty<br>Position at the<br>company (if<br>any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>người nội<br>bộ<br>Relationship<br>with<br>company/<br>internal<br>persons | Loại hình<br>Giấy NSH<br>(CCCD, Hộ<br>chiếu, Giấy<br>ĐKKD)<br>Type of<br>NSH No.<br>(ID card/<br>Passport/<br>Business<br>registration<br>certificate) | Số<br>Giấy<br>NSH<br>NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date<br>of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of issue                                                                             | Địa chỉ trụ sở<br>chính/ Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address                                                                                                                                                                                                                 | Số cổ phiếu<br>sở hữu<br>cuối kỳ<br>Number of<br>shares owned<br>at the<br>end of the<br>period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>Percentage<br>of share<br>ownership<br>at the end<br>of the<br>period | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>starting to<br>be affiliated<br>party/<br>internal<br>person of<br>the<br>company | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>ending to be<br>affiliated<br>party/<br>internal<br>persons of<br>the<br>company | Lý do<br>(khi<br>phát<br>sinh<br>thay<br>đổi liên<br>quan<br>đến<br>mục 14<br>và 15)<br>Reason<br>(related<br>to items<br>14 and<br>15) | Ghi chú (về<br>việc không<br>có số Giấy<br>NSH và các<br>ghi chú<br>khác)<br>Notes<br>(regarding<br>the absence<br>of NSH No.<br>and other<br>notes)                                                        |
|-----------|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2.14      |                           | Công ty cổ<br>phần Anh<br>Khê/ Anh<br>Khe Joint<br>Stock<br>Company                                                 |                                                                                                         |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Giấy ĐKKD/<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                  | 040215<br>5123                  | 28/06<br>/2022                     | Sở KHĐT TP.<br>Đà Nẵng/<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of Da<br>Nang City             | Hành Sơn<br>District, Da Nang<br>Lô 4 Khu B3-94,<br>Khu Đô Thị Công<br>Nghệ FPT Đà<br>Nẵng, Phường<br>Hoà Hải, Quận<br>Ngũ Hành Sơn,<br>Đà Nẵng/ Lot 4,<br>Area B3-94, FPT<br>Technology<br>Urban Area<br>Danang, Hoa Hai<br>Ward, Ngu Hanh<br>Son District,<br>Danang | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | Vợ ông Lê<br>Quang Tiến.<br>Bà Đoàn<br>Ngọc Thu là<br>cổ đông sở<br>hữu phần<br>vốn góp/Mr.<br>Le Quang<br>Tien's wife:<br>Ms. Doan<br>Ngoc Thu is<br>a<br>shareholder<br>owning<br>capital<br>contribution |
| 2.15      |                           | Công ty<br>TNHH Trí<br>tuệ nhân<br>tạo Quy<br>Nhơn/<br>Artificial<br>Intelligence<br>Quy Nhon<br>Company<br>Limited |                                                                                                         |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Giấy ĐKKD/<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                  | 410154<br>5871                  | 05/07<br>/2019                     | Sở KHĐT tỉnh<br>Bình Định/<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of<br>Binh Dinh<br>province | số 278, đường<br>Nguyễn Thị Định<br>(PHU TÀI<br>BUILDING),<br>Phường Nguyễn<br>Văn Cừ, Quy<br>Nhơn, Bình Định/<br>No. 278, Nguyen<br>Thi Dinh Street<br>(Phu Tai<br>Building), Nguyen<br>Van Cu Ward,<br>Quy Nhon, Binh<br>Dinh                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | Ông Lê<br>Quang Tiến<br>là Chủ tịch/<br>Mr. Le<br>Quang Tien<br>is Chairman                                                                                                                                 |
| 2.16      |                           | Công ty Cổ<br>phần Quản lý<br>Quỹ Việt Cát/<br>Vietnam<br>Fortune Fund<br>Management<br>Joint Stock<br>Company      |                                                                                                         |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Giấy ĐKKD/<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                  | 010263<br>6355                  | 25/01<br>/2008                     | Sở KHĐT TP.<br>Hà Nội/<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of<br>Hanoi City                | Tầng 11, Tòa nhà<br>DOJI TOWER, số<br>05 Lê Duẩn, P.<br>Ba Đình, Hà Nội/<br>11 <sup>th</sup> Floor, DOJI<br>Tower Building,<br>No. 5 Le Duun,<br>Dien Bien Ward,<br>Ba Dinh District,<br>Hanoi City                                                                    | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           | 28/03/2024                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | Công ty con<br>của TPBank/<br>TPBank's<br>Subsidiary                                                                                                                                                        |

| Số<br>No. | Mã<br>CK<br>Stock<br>code | Họ và tên<br>Full<br>name                                                                   | Tài<br>khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ tại<br>công ty<br>Position at the<br>company (if<br>any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>người nội<br>bộ<br>Relationship<br>with<br>company/<br>internal<br>persons | Loại hình<br>Giấy NSH<br>(CCCD, Hộ<br>chiếu, Giấy<br>ĐKKD)<br>Type of<br>NSH No.<br>(ID card/<br>Passport/<br>Business<br>registration<br>certificate) | Số<br>Giấy<br>NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date<br>of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of issue                                                                         | Địa chỉ trụ sở<br>chính/ Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address                                                                                                                                               | Số cổ phiếu<br>sở hữu<br>cuối kỳ<br>Number of<br>shares owned<br>at the<br>end of the<br>period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>Percentage<br>of share<br>ownership<br>at the end<br>of the<br>period | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>starting to<br>be affiliated<br>party/<br>internal<br>person of<br>the<br>company | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>ending to be<br>affiliated<br>party/<br>internal<br>persons of<br>the<br>company | Lý do<br>(khả<br>phát<br>sinh<br>thay<br>đổi liên<br>quan<br>đến<br>mục 14<br>và 15)<br>Reason<br>(related<br>to items<br>14 and<br>15) | Ghi chú (về<br>việc không<br>có số Giấy<br>NSH và các<br>ghi chú<br>khác)<br>Notes<br>(regarding<br>the absence<br>of NSH No.<br>and other<br>notes) |
|-----------|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2.17      |                           | Công ty Cổ<br>phần Chứng<br>khoán Tiên<br>Phong/ Tiên<br>Phong<br>Securities<br>Corporation |                                                                                                         |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Giấy ĐKKD/<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                  | 030481<br>4339           | 29/12<br>/2006                     | Sở KHĐT TP.<br>Hồ Chí Minh/<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of Ho<br>Chi Minh City | Tầng 7, Tòa nhà<br>DOJI, số 81-83-85<br>Hàm Nghi,<br>Phường Sài Gòn,<br>TP. Hồ Chí Minh/<br>7 <sup>th</sup> Floor, DOJI<br>Building, No. 81-<br>83-85 Ham Nghi,<br>Sai Gon Ward, Ho<br>Chi Minh City | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           | 31/12/2025                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | Công ty con<br>của TPBank/<br>TPBank's<br>Subsidiary                                                                                                 |
| 3         | TPB                       | Shuzo<br>Shikata                                                                            |                                                                                                         | Phó Chủ tịch<br>HĐQT/<br>Vice<br>Chairman of<br>the BOD          |                                                                                                      |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                      | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           | 26/04/2023                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 3.01      |                           | Shogo<br>Shikata                                                                            |                                                                                                         |                                                                  | Cha đẻ<br>Father                                                                                     |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                      | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 3.02      |                           | Kyoko<br>Shikata                                                                            |                                                                                                         |                                                                  | Mẹ đẻ<br>Mother                                                                                      |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                      | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 3.03      |                           | Norikazu<br>Karutani                                                                        |                                                                                                         |                                                                  | Bố vợ<br>Father in law                                                                               |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                      | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 3.04      |                           | Tokiko<br>Karutani                                                                          |                                                                                                         |                                                                  | Mẹ vợ<br>Mother in law                                                                               |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                      | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 3.05      |                           | Erika<br>Shikata                                                                            |                                                                                                         |                                                                  | Vợ<br>Wife                                                                                           |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                      | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 3.06      |                           | Riku<br>Shikata                                                                             |                                                                                                         |                                                                  | Con trai<br>Son                                                                                      |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                      | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 3.07      |                           | Kai Shikata                                                                                 |                                                                                                         |                                                                  | Con trai<br>Son                                                                                      |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                      | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 3.08      |                           | Manakazu<br>Shikata                                                                         |                                                                                                         |                                                                  | Anh trai<br>Older brother                                                                            |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                      | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 3.09      |                           | Akiko<br>Shikata                                                                            |                                                                                                         |                                                                  | Chị dâu<br>Sister in law                                                                             |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                      | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 3.10      |                           | Keiji<br>Shikata                                                                            |                                                                                                         |                                                                  | Anh trai<br>Older brother                                                                            |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                      | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 3.11      |                           | Shino<br>Shikata                                                                            |                                                                                                         |                                                                  | Chị dâu<br>Sister in law                                                                             |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                      | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 3.12      |                           | SBI Ven<br>Holdings<br>Pte. Ltd                                                             |                                                                                                         |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Khác/ Other                                                                                                                                            | CC7092                   | 17/02<br>/2021                     | VSDC                                                                                              | 9 Straits View<br>#06-07, Marina<br>One West Tower,<br>Singapore 018937                                                                                                                              | 125.150.227                                                                                     | 4,51%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | Ông Shuzo<br>Shikata là đại<br>diện phần vốn<br>góp/ Mr.<br>Shuzo Shikata                                                                            |

| Số<br>No. | MA<br>CK<br>Stock<br>code | Họ và tên<br>Full<br>name                                                                                      | Tài<br>khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ tại<br>công ty<br>Position at the<br>company (if<br>any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>người nội<br>bộ<br>Relationship<br>with<br>company/<br>internal<br>persons | Loại hình<br>Giấy NSH<br>(CCCD, Hộ<br>chiếu, Giấy<br>ĐKKD)<br>Type of<br>NSH No.<br>(ID card/<br>Passport/<br>Business<br>registration<br>certificate) | Số<br>Giấy<br>NSH<br>NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date<br>of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of issue                                                                    | Địa chỉ trụ sở<br>chính/ Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address                                                                                                                                                                                                  | Số cổ phiếu<br>sở hữu<br>cuối kỳ<br>Number of<br>shares owned<br>at the<br>end of the<br>period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>Percentage<br>of share<br>ownership<br>at the end<br>of the<br>period | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>starting to<br>be affiliated<br>party/<br>internal<br>person of<br>the<br>company | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>ending to be<br>affiliated<br>party/<br>internal<br>persons of<br>the<br>company | Lý do<br>(khi<br>phát<br>sinh<br>thay<br>đổi liên<br>quan<br>đến<br>mục 14<br>và 15)<br>Reason<br>(related<br>to items<br>14 and<br>15) | Ghi chú (về<br>việc không<br>có số Giấy<br>NSH và các<br>ghi chú<br>khác)<br>Notes<br>(regarding<br>the absence<br>of NSH No.<br>and other<br>notes) |
|-----------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                           |                                                                                                                |                                                                                                         |                                                                  |                                                                                                      |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                 |                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | is the<br>representative<br>of the capital<br>contribution                                                                                           |
| 3.13      |                           | Công ty Cổ<br>phần Công<br>nghệ UTOP/<br>UTOP<br>Technology<br>Joint Stock<br>Company                          |                                                                                                         |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Giấy ĐKKD/<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                  | 031566<br>9605                  | 10/05<br>/2019                     | Sở KHĐT TP.<br>Hà Nội/<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of Ho<br>Chi Minh City | Tầng 8, Tòa nhà<br>Pearl Plaza, 561A<br>Điện Biên Phủ,<br>Phường 25, Quận<br>Binh Thạnh,<br>Thành phố Hồ Chí<br>Minh/ 8 <sup>th</sup> Floor,<br>Pearl Plaza<br>Building, 561A<br>Dien Bien Phu,<br>Ward 25, Binh<br>Thanh District,<br>Ho Chi Minh City | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | Ông Shuzo<br>Shikata là<br>Thành viên<br>HĐQT/ Mr.<br>Shuzo<br>Shikata is a<br>member of<br>the BOD                                                  |
| 3.14      |                           | SBI LY<br>HOUR<br>Bank PLC.                                                                                    |                                                                                                         |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Giấy ĐKKD/<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                  | 000013<br>13                    | 06/08<br>/2012                     | Cambodia                                                                                     | Building 219, St<br>128 & 169,<br>Sakgkat<br>Mittagheap, Khan<br>Prampir Makara,<br>Phnom Penh,<br>Cambodia                                                                                                                                             | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | Ông Shuzo<br>Shikata là<br>Chủ tịch<br>HĐQT/ Mr.<br>Shuzo<br>Shikata is<br>Chairman of<br>the BOD                                                    |
| 3.15      |                           | Công ty Cổ<br>phần Quản lý<br>Quỹ Việt Cát/<br>Vietnam<br>Fortune Fund<br>Management<br>Joint Stock<br>Company |                                                                                                         |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Giấy ĐKKD/<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                  | 010263<br>6355                  | 25/01<br>/2008                     | Sở KHĐT TP.<br>Hà Nội/<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of<br>Hanoi City       | Tầng 11, Tòa nhà<br>DOJI TOWER, số<br>05 Lê Duẩn, P.<br>Ba Đình, Hà Nội/<br>11 <sup>th</sup> Floor, DOJI<br>Tower Building,<br>No. 5 Le Duun,<br>Dien Bien Ward,<br>Ba Dinh District,<br>Hanoi City                                                     | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           | 28/03/2024                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | Công ty con<br>của TPBank/<br>TPBank's<br>Subsidiary                                                                                                 |
| 3.16      |                           | Công ty Cổ<br>phần Chứng<br>khoán Tiên<br>Phong/ Tiên<br>Phong                                                 |                                                                                                         |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Giấy ĐKKD/<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                  | 030481<br>4339                  | 29/12<br>/2006                     | Sở KHĐT TP.<br>Hà Nội/<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of Ho<br>Chi Minh City | Tầng 7, Tòa nhà<br>DOJI, số 81-83-85<br>Hàm Nghi,<br>Phường Sài Gòn,<br>TP. Hồ Chí Minh/<br>7 <sup>th</sup> Floor, DOJI                                                                                                                                 | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           | 31/12/2025                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | Công ty con<br>của TPBank/<br>TPBank's<br>Subsidiary                                                                                                 |

| Sit No. | Mã CK Stock code | Họ và tên Full name                                                                      | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty Position at the company (if any) | Mối quan hệ đối với người nội bộ Relationship with company/ internal persons | Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, Giấy ĐKKD) Type of NSH No. (ID card/ Passport/ Business registration certificate) | Số Giấy NSH NSH No. | Ngày cấp Date of issue | Nơi cấp Place of issue                                                  | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address                                                                                                                          | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of starting to be affiliated party/ internal person of the company | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of ending to be affiliated party/ internal persons of the company | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 14 và 15) Reason (related to items 14 and 15) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (regarding the absence of NSH No. and other notes) |
|---------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|         |                  | Securities Corporation                                                                   |                                                                              |                                                      |                                                                              |                                                                                                                       |                     |                        |                                                                         | Building, No. 81-83-85 Ham Nghi, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City                                                                                                        |                                                                            |                                                                                      |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 4       | TPB              | Nguyễn Thị Mai Sương                                                                     |                                                                              | Thành viên HĐQT/ the BOD's member                    |                                                                              |                                                                                                                       |                     |                        |                                                                         |                                                                                                                                                                        | 0                                                                          | 0,00%                                                                                | 26/04/2023                                                                                                                                |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 4.01    |                  | Nguyễn Thị Bạch Tuyết                                                                    |                                                                              |                                                      | Mẹ đẻ Mother                                                                 |                                                                                                                       |                     |                        |                                                                         |                                                                                                                                                                        | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 4.02    |                  | Phạm Thị Huệ                                                                             |                                                                              |                                                      | Mẹ chồng Mother in law                                                       |                                                                                                                       |                     |                        |                                                                         |                                                                                                                                                                        | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 4.03    |                  | Trần Hồng Quang                                                                          |                                                                              |                                                      | Chồng Husband                                                                |                                                                                                                       |                     |                        |                                                                         |                                                                                                                                                                        | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 4.04    |                  | Trần Ngọc Linh                                                                           |                                                                              |                                                      | Con trai Son                                                                 |                                                                                                                       |                     |                        |                                                                         |                                                                                                                                                                        | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 4.05    |                  | Lê Thị Hà Phương                                                                         |                                                                              |                                                      | Con dâu Daughter in law                                                      |                                                                                                                       |                     |                        |                                                                         |                                                                                                                                                                        | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 4.06    |                  | Trần Hà Yến                                                                              |                                                                              |                                                      | Con gái Daughter                                                             |                                                                                                                       |                     |                        |                                                                         |                                                                                                                                                                        | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 4.07    |                  | Nguyễn Thị Tuyết Lan                                                                     |                                                                              |                                                      | Em gái Younger sister                                                        |                                                                                                                       |                     |                        |                                                                         |                                                                                                                                                                        | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 4.08    |                  | Nguyễn Công Danh                                                                         |                                                                              |                                                      | Em rể Brother in law                                                         |                                                                                                                       |                     |                        |                                                                         |                                                                                                                                                                        | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 4.09    |                  | Nguyễn Toàn Thắng                                                                        |                                                                              |                                                      | Em trai Younger brother                                                      |                                                                                                                       |                     |                        |                                                                         |                                                                                                                                                                        | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 4.10    |                  | Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cầu Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company |                                                                              |                                                      | Tổ chức có liên quan Affiliated organization                                 | Giấy ĐKKD/ Business Registration Certificate                                                                          | 010263 6355         | 25/01 /2008            | Sở KHĐT TP. Hà Nội/ Department of Planning and Investment of Hanoi City | Tầng 11, Tòa nhà DOJ TOWER, số 05 Lê Duẩn, P. Ba Đình, Hà Nội/ 11 <sup>th</sup> Floor, DOJ Tower Building, No. 5 Le Duau, Dien Bien Ward, Ba Dinh District, Hanoi City | 0                                                                          | 0,00%                                                                                | 28/03/2024                                                                                                                                |                                                                                                                                            |                                                                                               | Công ty con của TPBank/ TPBank's Subsidiary                                                                         |

| Sr<br>No. | Mã<br>CK<br>Stock<br>code | Họ và tên<br>Full<br>name                                                                                      | Tài<br>khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ tại<br>công ty/<br>Position at the<br>company (if<br>any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>người nội<br>bộ<br>Relationship<br>with<br>company/<br>internal<br>persons | Loại hình<br>Giấy NSH<br>(CCCD, Hộ<br>chiếu, Giấy<br>ĐKKD)<br>Type of<br>NSH No.<br>(ID card/<br>Passport/<br>Business<br>registration<br>certificate) | Số<br>Giấy<br>NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date<br>of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of issue                                                                         | Địa chỉ trụ sở<br>chính/ Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address                                                                                                                                               | Số cổ phiếu<br>sở hữu<br>cuối kỳ<br>Number of<br>shares owned<br>at the<br>end of the<br>period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>Percentage<br>of share<br>ownership<br>at the end<br>of the<br>period | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>starting to<br>be affiliated<br>party/<br>internal<br>person of<br>the<br>company | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>ending to be<br>affiliated<br>party/<br>internal<br>persons of<br>the<br>company | Lý do<br>(khi<br>phát<br>sinh<br>thay<br>đổi liên<br>quan<br>đến<br>mục 14<br>và 15)<br>Reason<br>(related<br>to items<br>14 and<br>15) | Ghi chú (về<br>việc không<br>có số Giấy<br>NSH và các<br>ghi chú<br>khác)<br>Notes<br>(regarding<br>the absence<br>of NSH No.<br>and other<br>notes) |
|-----------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4.11      |                           | Công ty Cổ<br>phần Chứng<br>khoán Tiên<br>Phong/ Tien<br>Phong<br>Securities<br>Corporation                    |                                                                                                         |                                                                   | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Giấy ĐKKD/<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                  | 030481<br>4339           | 29/12<br>/2006                     | Sở KHĐT TP.<br>Hồ Chí Minh/<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of Ho<br>Chi Minh City | Tầng 7, Tòa nhà<br>DOJI, số 81-83-85<br>Hàm Nghi,<br>Phường Sài Gòn,<br>TP. Hồ Chí Minh/<br>7 <sup>th</sup> Floor, DOJI<br>Building, No. 81-<br>83-85 Ham Nghi,<br>Sai Gon Ward, Ho<br>Chi Minh City | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           | 31/12/2025                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | Công ty con<br>của TPBank/<br>TPBank's<br>Subsidiary                                                                                                 |
| 5         | TPB                       | Vũ Bích<br>Hà                                                                                                  |                                                                                                         | Thành viên<br>HĐQT độc lập/<br>Independent<br>BOD's member        |                                                                                                      |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                      | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           | 26/04/2023                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 5.01      |                           | Nguyễn<br>Thị Kim<br>Nhưng                                                                                     |                                                                                                         |                                                                   | Mẹ chồng<br>Mother in law                                                                            |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                      | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 5.02      |                           | Nguyễn<br>Xuân Hòa                                                                                             |                                                                                                         |                                                                   | Chồng<br>Husband                                                                                     |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                      | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 5.03      |                           | Nguyễn<br>Xuân Hưng                                                                                            |                                                                                                         |                                                                   | Con trai<br>Son                                                                                      |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                      | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 5.04      |                           | Nguyễn<br>Xuân Hiếu                                                                                            |                                                                                                         |                                                                   | Con trai<br>Son                                                                                      |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                      | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 5.05      |                           | Vũ Văn<br>Quảng                                                                                                |                                                                                                         |                                                                   | Anh trai<br>Older brother                                                                            |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                      | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 5.06      |                           | Nguyễn<br>Thị Bích<br>Hồng                                                                                     |                                                                                                         |                                                                   | Chị dâu<br>Sister in law                                                                             |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                      | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 5.07      |                           | Vũ Thị<br>Phượng                                                                                               |                                                                                                         |                                                                   | Em gái<br>Younger sister                                                                             |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                      | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 5.08      |                           | Dương Hồng<br>Kiến                                                                                             |                                                                                                         |                                                                   | Em rể<br>Brother in<br>law                                                                           |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                      | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 5.09      |                           | Công ty Cổ<br>phần Quản lý<br>Quỹ Việt Cát/<br>Vietnam<br>Fortune Fund<br>Management<br>Joint Stock<br>Company |                                                                                                         |                                                                   | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Giấy ĐKKD/<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                  | 010263<br>6355           | 25/01<br>/2008                     | Sở KHĐT TP.<br>Hà Nội/<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of<br>Hanoi City            | Tầng 11, Tòa nhà<br>DOJI TOWER, số<br>05 Lê Duẩn, P.<br>Ba Đình, Hà Nội/<br>11 <sup>th</sup> Floor, DOJI<br>Tower Building,<br>No. 5 Le Duun,<br>Dien Bien Ward,                                     | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           | 28/03/2024                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | Công ty con<br>của TPBank/<br>TPBank's<br>Subsidiary                                                                                                 |

| Số<br>No. | MA<br>CK<br>Stock<br>code | Họ và tên<br>Full<br>name                                                                   | Tài<br>khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ tại<br>công ty<br>Position at the<br>company (if<br>any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>người nội<br>bộ<br>Relationship<br>with<br>company/<br>internal<br>persons | Loại hình<br>Giấy NSH<br>(CCCD, Hộ<br>chiếu, Giấy<br>ĐKKD)<br>Type of<br>NSH No.<br>(ID card/<br>Passport/<br>Business<br>registration<br>certificate) | Số<br>Giấy<br>NSH<br>NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date<br>of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of issue                                                                         | Địa chỉ trụ sở<br>chính/ Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address                                                                                                                                                                                  | Số cổ phiếu<br>sở hữu<br>cuối kỳ<br>Number of<br>shares owned<br>at the<br>end of the<br>period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>Percentage<br>of share<br>ownership<br>at the end<br>of the<br>period | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>starting to<br>be affiliated<br>party/<br>internal<br>person of<br>the<br>company | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>ending to be<br>affiliated<br>party/<br>internal<br>persons of<br>the<br>company | Lý do<br>(khi<br>phát<br>sinh<br>thay<br>đổi liên<br>quan<br>đến<br>mục 14<br>và 15)<br>Reason<br>(related<br>to items<br>14 and<br>15) | Ghi chú (về<br>việc không<br>có sổ Giấy<br>NSH và các<br>ghi chú<br>khác)<br>Notes<br>(regarding<br>the absence<br>of NSH No.<br>and other<br>notes) |
|-----------|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5.10      |                           | Công ty Cổ<br>phần Chứng<br>khoán Tiên<br>Phong/ Tien<br>Phong<br>Securities<br>Corporation |                                                                                                         |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Giấy ĐKKD/<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                  | 030481<br>4339                  | 29/12<br>/2006                     | Sở KHĐT TP.<br>Hồ Chí Minh/<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of Ho<br>Chi Minh City | Ba Đình District,<br>Hanoi City<br>Tầng 7, Tòa nhà<br>ĐOJI, số 81-83-85<br>Hàm Nghi,<br>Phường Sài Gòn,<br>TP. Hồ Chí Minh/<br>7 <sup>th</sup> Floor, DOJI<br>Building, No. 81-<br>83-85 Ham Nghi,<br>Sai Gon Ward, Ho<br>Chi Minh City | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           | 31/12/2025                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | Công ty con<br>của TPBank/<br>TPBank's<br>Subsidiary                                                                                                 |
| 6         | TPB                       | Nguyễn<br>Thị Thu<br>Hương                                                                  |                                                                                                         | Trưởng BKS/<br>Head of the<br>BOS                                |                                                                                                      |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                         | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           | 26/04/2023                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 6.01      |                           | Nguyễn<br>Minh Sơn                                                                          |                                                                                                         |                                                                  | Cha đẻ<br>Father                                                                                     |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                         | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 6.02      |                           | Nguyễn<br>Thị Thi                                                                           |                                                                                                         |                                                                  | Mẹ đẻ<br>Mother                                                                                      |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                         | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 6.03      |                           | Lê Anh<br>Tùng                                                                              |                                                                                                         |                                                                  | Con trai<br>Son                                                                                      |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                         | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 6.04      |                           | Vũ Anh<br>Nguyệt                                                                            |                                                                                                         |                                                                  | Con dâu<br>Daughter in<br>law                                                                        |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                         | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 6.05      |                           | Nguyễn<br>Thị Huyền                                                                         |                                                                                                         |                                                                  | Em gái<br>Younger sister                                                                             |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                         | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 6.06      |                           | Nguyễn<br>Thị Mỹ<br>Hạnh                                                                    |                                                                                                         |                                                                  | Em gái<br>Younger sister                                                                             |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                         | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 6.07      |                           | Nguyễn<br>Tiến Huy                                                                          |                                                                                                         |                                                                  | Em trai<br>Younger<br>brother                                                                        |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                         | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 6.08      |                           | Nguyễn<br>Việt Hưng                                                                         |                                                                                                         |                                                                  | Em trai<br>Younger<br>brother                                                                        |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                         | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 6.09      |                           | Nguyễn<br>Văn Thủy                                                                          |                                                                                                         |                                                                  | Em rể<br>Brother in<br>law                                                                           |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                         | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 6.10      |                           | Đàm Hữu<br>Tuấn                                                                             |                                                                                                         |                                                                  | Em rể<br>Brother in<br>law                                                                           |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                         | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |

| Số<br>No. | Mã<br>CK<br>Stock<br>code | Họ và tên<br>Full<br>name   | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ tại<br>công ty<br>Position at the<br>company (if<br>any)     | Mối quan<br>hệ đối với<br>người nội<br>bộ<br>Relationship<br>with<br>company/<br>internal<br>persons | Loại hình<br>Giấy NSH<br>(CCCD, Hộ<br>chiếu, Giấy<br>ĐKKD)<br>Type of<br>NSH No.<br>(ID card/<br>Passport/<br>Business<br>registration<br>certificate) | Số<br>Giấy<br>NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date<br>of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of issue | Địa chỉ trụ sở<br>chính/ Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu<br>cuối kỳ<br>Number of<br>shares owned<br>at the<br>end of the<br>period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>Percentage<br>of share<br>ownership<br>at the end<br>of the<br>period | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>starting to<br>be affiliated<br>party/<br>internal<br>person of<br>the<br>company | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>ending to be<br>affiliated<br>party/<br>internal<br>persons of<br>the<br>company | Lý do<br>(nếu<br>phát<br>sinh<br>thay<br>đổi liên<br>quan<br>đến<br>mục 14<br>và 15)<br>Reason<br>(related<br>to items<br>14 and<br>15) | Ghi chú (về<br>việc không<br>có số Giấy<br>NSH và các<br>ghi chú<br>khác)<br>Notes<br>(regarding<br>the absence<br>of NSH No.<br>and other<br>notes) |
|-----------|---------------------------|-----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6.11      |                           | Phạm Thị<br>Kim<br>Nhưng    |                                                                                                      |                                                                      | Em dâu<br>Sister in law                                                                              |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 6.12      |                           | Nguyễn<br>Thị Hạnh          |                                                                                                      |                                                                      | Em dâu<br>Sister in law                                                                              |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 7         | TPB                       | Thái Duy<br>Nghĩa           |                                                                                                      | Thành viên BKS<br>chuyên trách/<br>Dedicated<br>member of the<br>BOS |                                                                                                      |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 42.349                                                                                          | 0,002%                                                                                                          | 26/04/2023                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 7.01      |                           | Thái Thị<br>Nguyệt          |                                                                                                      |                                                                      | Mẹ đẻ<br>Mother                                                                                      |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 7.02      |                           | Võ Phẩm                     |                                                                                                      |                                                                      | Bố vợ<br>Father in law                                                                               |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 7.03      |                           | Phan Thị<br>Cúc             |                                                                                                      |                                                                      | Mẹ vợ<br>Mother in law                                                                               |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 7.04      |                           | Vũ Thị<br>Hương Trà         |                                                                                                      |                                                                      | Vợ<br>Wife                                                                                           |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 7.05      |                           | Thái Thanh<br>Tùng          |                                                                                                      |                                                                      | Con trai<br>Son                                                                                      |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 7.06      |                           | Thái Văn<br>Anh             |                                                                                                      |                                                                      | Con gái<br>Daughter                                                                                  |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 7.07      |                           | Thái Thanh<br>Hồng          |                                                                                                      |                                                                      | Con gái<br>Daughter                                                                                  |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 7.08      |                           | Thái Duy<br>Quang           |                                                                                                      |                                                                      | Con trai<br>Son                                                                                      |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 7.09      |                           | Thái Duy<br>Dũng            |                                                                                                      |                                                                      | Anh trai<br>Older brother                                                                            |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 7.10      |                           | Thái Thị<br>Kim Dung        |                                                                                                      |                                                                      | Em gái<br>Younger sister                                                                             |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 7.11      |                           | Lương Văn<br>Nghĩa          |                                                                                                      |                                                                      | Em rể<br>Brother in<br>law                                                                           |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 7.12      |                           | Thái Thị<br>Quỳnh Hoa       |                                                                                                      |                                                                      | Em gái<br>Younger sister                                                                             |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 8         | TPB                       | Nguyễn<br>Thị Thu<br>Nguyễn |                                                                                                      | Thành viên<br>BKS không<br>chuyên trách/<br>Non-dedicated            |                                                                                                      |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           | 26/04/2023                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |

| Sr No. | Mã CK Stock code | Họ và tên Full name                 | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty Position at the company (if any) | Mối quan hệ đối với người nội bộ Relationship with company/ internal persons | Lưu hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, Giấy ĐKKD) Type of NSH No. (ID card/ Passport/ Business registration certificate) | Số Giấy NSH NSH No. | Ngày cấp Date of issue | Nơi cấp Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address                                                                                                                                                                                                         | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of starting to be affiliated party/ internal person of the company | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of ending to be affiliated party/ internal persons of the company | Lý do (nếu phát sinh thay đổi liên quan đến mục 14 và 15) Reason (related to items 14 and 15) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (regarding the absence of NSH No. and other notes) |
|--------|------------------|-------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|        |                  |                                     |                                                                              | member of the BOS                                    |                                                                              |                                                                                                                      |                     |                        |                        |                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                            |                                                                                      |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 8.01   |                  | Lê Thị Minh Khánh                   |                                                                              |                                                      | Mẹ đẻ Mother                                                                 |                                                                                                                      |                     |                        |                        |                                                                                                                                                                                                                                                       | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 8.02   |                  | Nguyễn Xuân Nam                     |                                                                              |                                                      | Bố chồng Father in law                                                       |                                                                                                                      |                     |                        |                        |                                                                                                                                                                                                                                                       | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 8.03   |                  | Nguyễn Thị Lý                       |                                                                              |                                                      | Mẹ chồng Mother in law                                                       |                                                                                                                      |                     |                        |                        |                                                                                                                                                                                                                                                       | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 8.04   |                  | Nguyễn Quang Bắc                    |                                                                              |                                                      | Chồng Husband                                                                |                                                                                                                      |                     |                        |                        |                                                                                                                                                                                                                                                       | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 8.05   |                  | Nguyễn Hà Anh                       |                                                                              |                                                      | Con gái Daughter                                                             |                                                                                                                      |                     |                        |                        |                                                                                                                                                                                                                                                       | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 8.06   |                  | Nguyễn Đức Anh                      |                                                                              |                                                      | Con trai Son                                                                 |                                                                                                                      |                     |                        |                        |                                                                                                                                                                                                                                                       | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 8.07   |                  | Nguyễn Thị Thu Nga                  |                                                                              |                                                      | Chị gái Older sister                                                         |                                                                                                                      |                     |                        |                        |                                                                                                                                                                                                                                                       | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 8.08   |                  | Nguyễn Đức Minh                     |                                                                              |                                                      | Anh rể Brother in law                                                        |                                                                                                                      |                     |                        |                        |                                                                                                                                                                                                                                                       | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 8.09   |                  | Công ty TNHH VG/ JG Company Limited |                                                                              |                                                      | Tổ chức có liên quan Affiliated organization                                 | Khác/ Other                                                                                                          | CB0253              | 01/12/2016             | VSDC                   | Tầng 9 tòa nhà TTC, lô B1A cụm TTCN và CNN, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội/ 9 <sup>th</sup> Floor, TTC building, lot B1A, TTCN and CNN cluster, Duy Tan street, Dich Vong Hau ward, Cau Giay district, Hanoi city | 106.442.665                                                                | 3,84%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               | Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt là Chủ tịch/ Ms. Nguyen Thi Thu Nguyệt is Chairwoman                                       |

| Sr<br>No. | MA<br>CK<br>Stock<br>code | Họ và tên<br>Full<br>name                       | Tài<br>khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ tại<br>công ty<br>Position at the<br>company (if<br>any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>người nội<br>bộ<br>Relationship<br>with<br>company/<br>internal<br>persons | Loại hình<br>Giấy NSH<br>(CCCD, Hộ<br>chiếu, Giấy<br>ĐKKD)<br>Type of<br>NSH No.<br>(ID card/<br>Passport/<br>Business<br>registration<br>certificate) | Số<br>Giấy<br>NSH<br>NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date<br>of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of issue | Địa chỉ trụ sở<br>chính/ Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address                                                                                                                                                                                                                                             | Số cổ phiếu<br>sở hữu<br>cuối kỳ<br>Number of<br>shares owned<br>at the<br>end of the<br>period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>Percentage<br>of share<br>ownership<br>at the end<br>of the<br>period | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>starting to<br>be affiliated<br>party/<br>internal<br>person of<br>the<br>company | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>ending to be<br>affiliated<br>party/<br>internal<br>persons of<br>the<br>company | Lý do<br>(khi<br>phát<br>sinh<br>thay<br>đổi liên<br>quan<br>đến<br>mục 14<br>và 15)<br>Reason<br>(related<br>to items<br>14 and<br>15) | Ghi chú (về<br>việc không<br>có số Giấy<br>NSH và các<br>ghi chú<br>khác)<br>Notes<br>(regarding<br>the absence<br>of NSH No.<br>and other<br>notes) |
|-----------|---------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8.10      |                           | Công ty<br>TNHH FD/<br>FD<br>Company<br>Limited |                                                                                                         |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Khác/ Other                                                                                                                                            | CB0247                          | 30/11<br>/2016                     | VSDC                      | Tầng 9 tòa nhà<br>TTC, lô B1A cụm<br>TTCN và CNN,<br>phố Dục Tân,<br>Phường Dịch<br>Vọng Hậu, Quận<br>Cầu Giấy, Thành<br>phố Hà Nội/ 9 <sup>th</sup><br>Floor, TTC<br>building, lot B1A,<br>TTCN and CNN<br>cluster, Dục Tan<br>street, Dich Vong<br>Hau ward, Cau<br>Giay district,<br>Hanoi city | 96.765.354                                                                                      | 3,49%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | Bà Nguyễn<br>Thị Thu<br>Nguyệt là Chủ<br>tịch/ Ms.<br>Nguyen Thi<br>Thu Nguyet is<br>Chairwoman                                                      |
| 8.11      |                           | Công ty<br>TNHH JB/<br>JB<br>Company<br>Limited |                                                                                                         |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Khác/ Other                                                                                                                                            | CB0254                          | 01/12<br>/2016                     | VSDC                      | Tầng 9 tòa nhà<br>TTC, lô B1A cụm<br>TTCN và CNN,<br>phố Dục Tân,<br>Phường Dịch<br>Vọng Hậu, Quận<br>Cầu Giấy, Thành<br>phố Hà Nội/ 9 <sup>th</sup><br>Floor, TTC<br>building, lot B1A,<br>TTCN and CNN<br>cluster, Dục Tan<br>street, Dich Vong<br>Hau ward, Cau<br>Giay district,<br>Hanoi city | 113.198.905                                                                                     | 4,08%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | Bà Nguyễn<br>Thị Thu<br>Nguyệt là Chủ<br>tịch/ Ms.<br>Nguyen Thi<br>Thu Nguyet is<br>Chairwoman                                                      |
| 8.12      |                           | Công ty<br>TNHH SP/<br>SP<br>Company<br>Limited |                                                                                                         |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Khác/ Other                                                                                                                                            | CB0258                          | 01/12<br>/2016                     | VSDC                      | Tầng 9 tòa nhà<br>TTC, lô B1A cụm<br>TTCN và CNN,<br>phố Dục Tân,<br>Phường Dịch<br>Vọng Hậu, Quận<br>Cầu Giấy, Thành<br>phố Hà Nội/ 9 <sup>th</sup><br>Floor, TTC<br>building, lot B1A,                                                                                                           | 113.252.223                                                                                     | 4,08%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | Bà Nguyễn<br>Thị Thu<br>Nguyệt là Chủ<br>tịch/ Ms.<br>Nguyen Thi<br>Thu Nguyet is<br>Chairwoman                                                      |

| Sit No. | Mã CK Stock code | Họ và tên Full name                                                                        | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty Position at the company (if any) | Mối quan hệ đối với người nội bộ Relationship with company/ internal persons | Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, Giấy ĐKKD) Type of NSH No. (ID card/ Passport/ Business registration certificate) | Số Giấy NSH NSH No. | Ngày cấp Date of issue | Nơi cấp Place of issue                                   | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address                                        | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of starting to be affiliated party/ internal person of the company | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of ending to be affiliated party/ internal persons of the company | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 14 và 15) Reason (related to items 14 and 15) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (regarding the absence of NSH No. and other notes) |
|---------|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------|----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8.13    |                  | Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT/ FPT Investment Fund Management Joint Stock Company |                                                                              |                                                      | Tổ chức có liên quan Affiliated organization                                 | Giấy phép thành lập và hoạt động/ License of establishment and operation                                              | 18/UB CK-GP         | 25/07 /2007            | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ State Securities Commission | TTC và CNN charter, Duy Tân street, Dịch Vọng Hạ ward, Cầu Giấy district, Hanoi city | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               | Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt là TGD/ Ms. Nguyen Thi Thu Nguyen is CEO                                                   |
| 9       | TPB              | Nguyễn Hưng                                                                                |                                                                              | TGD/ CEO                                             |                                                                              |                                                                                                                       |                     |                        |                                                          |                                                                                      | 1.420.572                                                                  | 0,05%                                                                                | 02/12/2022                                                                                                                                |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 9.01    |                  | Phạm Thị Cúc                                                                               |                                                                              |                                                      | Mẹ đẻ Mother                                                                 |                                                                                                                       |                     |                        |                                                          |                                                                                      | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 9.02    |                  | Nguyễn Thị Lý                                                                              |                                                                              |                                                      | Mẹ vợ Mother in law                                                          |                                                                                                                       |                     |                        |                                                          |                                                                                      | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 9.03    |                  | Bùi Kim Tâm                                                                                |                                                                              |                                                      | Vợ Wife                                                                      |                                                                                                                       |                     |                        |                                                          |                                                                                      | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 9.04    |                  | Nguyễn Quỳnh Anh                                                                           |                                                                              |                                                      | Con gái Daughter                                                             |                                                                                                                       |                     |                        |                                                          |                                                                                      | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 9.05    |                  | Bùi Minh Hoàng                                                                             |                                                                              |                                                      | Con rể Son in law                                                            |                                                                                                                       |                     |                        |                                                          |                                                                                      | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 9.06    |                  | Nguyễn Trí Dũng                                                                            |                                                                              |                                                      | Con trai Son                                                                 |                                                                                                                       |                     |                        |                                                          |                                                                                      | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 9.07    |                  | Nguyễn Minh                                                                                |                                                                              |                                                      | Con trai Son                                                                 |                                                                                                                       |                     |                        |                                                          |                                                                                      | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 9.08    |                  | Nguyễn Thành Huân                                                                          |                                                                              |                                                      | Anh trai Older brother                                                       |                                                                                                                       |                     |                        |                                                          |                                                                                      | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 9.09    |                  | Trịnh Thị Vân Anh                                                                          |                                                                              |                                                      | Chị dâu Sister in law                                                        |                                                                                                                       |                     |                        |                                                          |                                                                                      | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 9.10    |                  | Nguyễn Hải                                                                                 |                                                                              |                                                      | Em trai Younger brother                                                      |                                                                                                                       |                     |                        |                                                          |                                                                                      | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |

| S/N<br>No. | Mã<br>CK<br>Stock<br>code | Họ và tên<br>Full<br>name                                       | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ tại<br>công ty<br>Position at the<br>company (if<br>any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>người nội<br>bộ<br>Relationship<br>with<br>company/<br>internal<br>persons | Loại hình<br>Giấy NSH<br>(CCCD, Hộ<br>chiếu, Giấy<br>ĐKKD)<br>Type of<br>NSH No.<br>(ID card/<br>Passport/<br>Business<br>registration<br>certificate) | Số<br>Giấy<br>NSH<br>NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date<br>of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of issue                                                                         | Địa chỉ trụ sở<br>chính/ Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address                                                                                                                                                                                                                                                     | Số cổ phiếu<br>sở hữu<br>cuối kỳ<br>Number of<br>shares owned<br>at the<br>end of the<br>period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>Percentage<br>of share<br>ownership<br>at the end<br>of the<br>period | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>starting to<br>be affiliated<br>party/<br>internal<br>person of<br>the<br>company | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>ending to be<br>affiliated<br>party/<br>internal<br>persons of<br>the<br>company | Lý do<br>(khi<br>phát<br>sinh<br>thay<br>đổi liên<br>quan<br>đến<br>mục 14<br>và 15)<br>Reason<br>(related<br>to items<br>14 and<br>15) | Ghi chú (về<br>việc không<br>có sổ Giấy<br>NSH và các<br>ghi chú<br>khác)<br>Notes<br>(regarding<br>the absence<br>of NSH No.<br>and other<br>notes)                                            |
|------------|---------------------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 9.11       |                           | Nguyễn<br>Quỳnh<br>Lam                                          |                                                                                                      |                                                                  | Em dâu<br>Sister in law                                                                              |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                 |
| 9.12       |                           | Nguyễn<br>Thị<br>Phương                                         |                                                                                                      |                                                                  | Em gái<br>Younger sister                                                                             |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                 |
| 9.13       |                           | Công ty cổ<br>phần<br>THOẠI/<br>THOẠI<br>Joint Stock<br>Company |                                                                                                      |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Giấy ĐKKD/<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                  | 031821<br>5166                  | 14/12<br>/2023                     | Sở KHĐT TP.<br>Hồ Chí Minh/<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of Ho<br>Chi Minh City | Phòng 1505, Tầng<br>15 Tòa nhà<br>Vincom Center,<br>Số 72 Lê Thành<br>Tôn, Phường Bến<br>Nghé, Quận 1,<br>Thành phố Hồ Chí<br>Minh, Việt Nam/<br>Room 1505, 15 <sup>th</sup><br>Floor, Vincom<br>Center Building,<br>No. 72 Le Thanh<br>Ton, Ben Nghe<br>Ward, District 1,<br>Ho Chi Minh City,<br>Vietnam | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | Em gái ông<br>Nguyễn<br>Hưng. Bà<br>Nguyễn Thị<br>Phương là<br>Người quản<br>lý công ty/<br>Mr. Nguyen<br>Hung's<br>younger<br>sister. Ms.<br>Nguyen Thi<br>Phuong is<br>the company<br>manager |
| 9.14       |                           | Công ty<br>TNHH<br>SHIZI/<br>SHIZI<br>Company<br>Limited        |                                                                                                      |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Giấy ĐKKD/<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                  | 011019<br>6073                  | 30/11<br>/2022                     | Sở KHĐT TP.<br>Hà Nội/<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of<br>Hanoi City            | Tầng 09 Tòa nhà<br>Minor Office, số<br>67A Phố Trương<br>Dinh, Phường<br>Trương Dinh,<br>Quận Hai Bà<br>Trung, Thành phố<br>Hà Nội, Việt<br>Nam/ Floor 09<br>Minor Office<br>Building, No. 67A<br>Truong Dinh<br>Street, Truong<br>Dinh Ward, Hai<br>Ba Trung District,<br>Hanoi City,<br>Vietnam          | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | Em gái ông<br>Nguyễn<br>Hưng. Bà<br>Nguyễn Thị<br>Phương là<br>Người quản<br>lý công ty/<br>Mr. Nguyen<br>Hung's<br>younger<br>sister. Ms.<br>Nguyen Thi<br>Phuong is<br>the company<br>manager |
| 9.15       |                           | Công ty Cổ<br>phần Quân lý                                      |                                                                                                      |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan                                                                              | Giấy ĐKKD/<br>Business                                                                                                                                 | 010263<br>6355                  | 25/01<br>/2008                     | Sở KHĐT TP.<br>Hà Nội/<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of<br>Hanoi City            | Tầng 11, Tòa nhà<br>DOJI TOWER, số                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           | 28/03/2024                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | Công ty con<br>của TPBank/                                                                                                                                                                      |

| Sr No. | MI CK Stock code | Họ và tên Full name                                                       | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty Position at the company (if any)                      | Mối quan hệ với người nội bộ Relationship with company/ internal persons | Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, Giấy ĐKKD) Type of NSH No. (ID card/ Passport/ Business registration certificate) | Số Giấy NSH NSH No. | Ngày cấp Date of issue | Nơi cấp Place of issue                                                              | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address                                                                                                                          | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of starting to be affiliated party/ internal person of the company | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of ending to be affiliated party/ internal persons of the company | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 14 và 15) Reason (related to items 14 and 15) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (regarding the absence of NSH No. and other notes) |
|--------|------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|        |                  | Quý Việt Cao Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company          |                                                                              |                                                                           | Affiliated organization                                                  | Registration Certificate                                                                                              |                     |                        | Department of Planning and Investment of Hanoi City                                 | 05 Lê Duẩn, P. Ba Đình, Hà Nội/ 11 <sup>th</sup> Floor, DOJ Tower Building, No. 5 Le Duang, Dien Bien Ward, Ba Dinh District, Hanoi City                               |                                                                            |                                                                                      |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               | TPBank's Subsidiary                                                                                                 |
| 9.16   |                  | Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong/ Tien Phong Securities Corporation |                                                                              |                                                                           | Tổ chức có liên quan Affiliated organization                             | Giấy ĐKKD/ Business Registration Certificate                                                                          | 0304814339          | 29/12/2006             | Sở KIIDT TP. Hồ Chí Minh/ Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City | Tầng 7, Tòa nhà DOJ, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh/ 7 <sup>th</sup> Floor, DOJ Building, No. 81-83-85 Ham Nghi, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City | 0                                                                          | 0,00%                                                                                | 31/12/2025                                                                                                                                |                                                                                                                                            |                                                                                               | Công ty con của TPBank/ TPBank's Subsidiary                                                                         |
| 10     | TPB              | Phạm Đông Anh                                                             |                                                                              | Phó TGĐ/ Deputy CEO                                                       |                                                                          |                                                                                                                       |                     |                        |                                                                                     |                                                                                                                                                                        | 429.240                                                                    | 0,02%                                                                                | 01/07/2021                                                                                                                                |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 10.01  |                  | Phạm Văn Doan                                                             |                                                                              |                                                                           | Cha đẻ Father                                                            |                                                                                                                       |                     |                        |                                                                                     |                                                                                                                                                                        | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 10.02  |                  | Nguyễn Thị Thảo                                                           |                                                                              |                                                                           | Mẹ đẻ Mother                                                             |                                                                                                                       |                     |                        |                                                                                     |                                                                                                                                                                        | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 10.03  |                  | Nguyễn Thị Nga                                                            |                                                                              |                                                                           | Mẹ vợ Mother in law                                                      |                                                                                                                       |                     |                        |                                                                                     |                                                                                                                                                                        | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 10.04  |                  | Nguyễn Thị Thanh Thủy                                                     |                                                                              |                                                                           | Vợ Wife                                                                  |                                                                                                                       |                     |                        |                                                                                     |                                                                                                                                                                        | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 10.05  |                  | Phạm Anh Đức                                                              |                                                                              |                                                                           | Con trai Son                                                             |                                                                                                                       |                     |                        |                                                                                     |                                                                                                                                                                        | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 10.06  |                  | Phạm Đức Trung                                                            |                                                                              |                                                                           | Con trai Son                                                             |                                                                                                                       |                     |                        |                                                                                     |                                                                                                                                                                        | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 10.07  |                  | Phạm Thị Hồng Đào                                                         |                                                                              |                                                                           | Chị gái Older sister                                                     |                                                                                                                       |                     |                        |                                                                                     |                                                                                                                                                                        | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 11     | TPB              | Nguyễn Việt Anh                                                           |                                                                              | Phó TGĐ kiêm Người phụ trách quản trị Ngân hàng/ Deputy CEO cum Corporate |                                                                          |                                                                                                                       |                     |                        |                                                                                     |                                                                                                                                                                        | 591.904                                                                    | 0,02%                                                                                | 01/07/2021                                                                                                                                |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |

| STT<br>No. | Mã<br>CK<br>Stock<br>code | Họ và tên<br>Full<br>name                                                                                      | Tài<br>khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ tại<br>công ty<br>Position at the<br>company (if<br>any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>người nội<br>bộ<br>Relationship<br>with<br>company/<br>internal<br>persons | Loại hình<br>Giấy NSH<br>(CCCD, Hộ<br>chiếu, Giấy<br>ĐKKD)<br>Type of<br>NSH No.<br>(ID card/<br>Passport/<br>Business<br>registration<br>certificate) | Số<br>Giấy<br>NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date<br>of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of issue                                                              | Địa chỉ trụ sở<br>chính/ Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address                                                                                                                   | Số cổ phiếu<br>sở hữu<br>cuối kỳ<br>Number of<br>shares owned<br>at the<br>end of the<br>period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>Percentage<br>of share<br>ownership<br>at the end<br>of the<br>period | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>starting to<br>be affiliated<br>party/<br>internal<br>person of<br>the<br>company | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>ending to be<br>affiliated<br>party/<br>internal<br>persons of<br>the<br>company | Lý do<br>(khi<br>phát<br>sinh<br>thay<br>đổi liên<br>quan<br>đến<br>mục 14<br>và 15)<br>Reason<br>(related<br>to items<br>14 and<br>15) | Ghi chú (về<br>việc không<br>có sổ Giấy<br>NSH và các<br>ghi chú<br>khác)<br>Notes<br>(regarding<br>the absence<br>of NSH No.<br>and other<br>notes) |
|------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                           |                                                                                                                |                                                                                                         | <i>governance<br/>officer</i>                                    |                                                                                                      |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                        |                                                                                                                                                                          |                                                                                                 |                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 11.01      |                           | Nguyễn<br>Văn Duyệt                                                                                            |                                                                                                         |                                                                  | Cha đẻ<br>Father                                                                                     |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                        |                                                                                                                                                                          | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 11.02      |                           | Trần Thị<br>Tâm                                                                                                |                                                                                                         |                                                                  | Mẹ đẻ<br>Mother                                                                                      |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                        |                                                                                                                                                                          | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 11.03      |                           | Đỗ Thị<br>Minh                                                                                                 |                                                                                                         |                                                                  | Mẹ vợ<br>Mother in law                                                                               |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                        |                                                                                                                                                                          | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 11.04      |                           | Nguyễn<br>Thị Hào                                                                                              |                                                                                                         |                                                                  | Vợ<br>Wife                                                                                           |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                        |                                                                                                                                                                          | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 11.05      |                           | Nguyễn<br>Ngọc Minh<br>Anh                                                                                     |                                                                                                         |                                                                  | Con gái<br>Daughter                                                                                  |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                        |                                                                                                                                                                          | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 11.06      |                           | Nguyễn<br>Việt Đức<br>Trí                                                                                      |                                                                                                         |                                                                  | Con trai<br>Son                                                                                      |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                        |                                                                                                                                                                          | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 11.07      |                           | Nguyễn<br>Ngọc Bảo<br>Châu                                                                                     |                                                                                                         |                                                                  | Con gái<br>Daughter                                                                                  |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                        |                                                                                                                                                                          | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | Còn nhỏ<br>Young                                                                                                                                     |
| 11.08      |                           | Nguyễn<br>Túấn Anh                                                                                             |                                                                                                         |                                                                  | Anh trai<br>Older brother                                                                            |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                        |                                                                                                                                                                          | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 11.09      |                           | Nguyễn<br>Thị Bích<br>Thủy                                                                                     |                                                                                                         |                                                                  | Chị dâu<br>Sister in law                                                                             |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                        |                                                                                                                                                                          | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 11.10      |                           | Công ty Cổ<br>phần Quản lý<br>Quỹ Việt Cát/<br>Vietnam<br>Fortune Fund<br>Management<br>Joint Stock<br>Company |                                                                                                         |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Giấy ĐKKD/<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                  | 010263<br>6355           | 25/01<br>/2008                     | Sở KHĐT TP.<br>Hà Nội/<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of<br>Hanoi City | Tầng 11, Tòa nhà<br>DOJI TOWER, số<br>05 Lê Duẩn, P.<br>Ba Đình, Hà Nội/<br>11 <sup>th</sup> Floor, DOJI<br>TOWER Building,<br>No. 05 Le Duun,<br>Ba Dinh Ward,<br>Hanoi | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           | 28/03/2024                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | Ông Nguyễn<br>Việt Anh là<br>Chủ tịch<br>HĐQT/ Mr.<br>Nguyen Viet<br>Anh is<br>Chairman of<br>the BOD                                                |
| 11.11      |                           | Công ty cổ<br>phần Chè<br>Long Phú/<br>Long Phu<br>Tea Joint<br>Stock<br>Company                               |                                                                                                         |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Giấy ĐKKD/<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                  | 050025<br>5655           | 26/01<br>/2022                     | Sở KHĐT TP.<br>Hà Nội/<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of<br>Hanoi City | Thôn Long Phú,<br>Xã Hòa Thạch,<br>Huyện Quốc Oai,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam/<br>Long Phu Village,<br>Hoa Thạch<br>Commune, Quoc                                  | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | Cha đẻ ông<br>Nguyễn Việt<br>Anh: Ông<br>Nguyễn Văn<br>Duyệt là<br>Người quản<br>lý công ty/<br>Mr. Nguyen                                           |

| Stt<br>No. | MA<br>CK<br>Stock<br>code | Họ và tên<br>Full<br>name                                               | Tài<br>khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ tại<br>công ty<br>Position at the<br>company (if<br>any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>người nội<br>bộ<br>Relationship<br>with<br>company/<br>internal<br>persons | Loại hình<br>Giấy NSH<br>(CCCD, Hộ<br>chiếu, Giấy<br>ĐKKD)<br>Type of<br>NSH No.<br>(ID card/<br>Passport/<br>Business<br>registration<br>certificate) | Số<br>Giấy<br>NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date<br>of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of issue                                                                 | Địa chỉ trụ sở<br>chính/ Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address                                                                                                                       | Số cổ phiếu<br>sở hữu<br>cuối kỳ<br>Number of<br>shares owned<br>at the<br>end of the<br>period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>Percentage<br>of share<br>ownership<br>at the end<br>of the<br>period | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>starting to<br>be affiliated<br>party/<br>internal<br>person of<br>the<br>company | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>ending to be<br>affiliated<br>party/<br>internal<br>persons of<br>the<br>company | Lý do<br>(khí<br>phát<br>sinh<br>thay<br>đổi liên<br>quan<br>đến<br>mục 14<br>và 15)<br>Reason<br>(related<br>to item<br>14 and<br>15) | Ghi chú (về<br>việc không<br>có sổ Giấy<br>NSH và các<br>ghi chú<br>khác)<br>Notes<br>(regarding<br>the absence<br>of NSH No.<br>and other<br>notes)                                                                       |
|------------|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                           |                                                                         |                                                                                                         |                                                                  |                                                                                                      |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                           | Oai District,<br>Hanoi City,<br>Vietnam                                                                                                                                      |                                                                                                 |                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                        | Viet Anh's<br>father: Mr.<br>Nguyen Van<br>Duyet is the<br>company<br>manager                                                                                                                                              |
| 11.12      |                           | Công ty<br>TNHH Kỹ<br>thuật Provie<br>Provie<br>Engineering<br>Co., Ltd |                                                                                                         |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Giấy ĐKKD/<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                  | 010823<br>3698           | 13/04<br>/2018                     | Sở KHĐT TP.<br>Hà Nội/<br>Department<br>of<br>Planning and<br>Investment of<br>Hanoi City | Số 18 ngõ 538<br>Đường Làng,<br>phường Làng Hạ,<br>quận Đống Đa,<br>Thành phố Hà<br>Nội/ No. 18, Lane<br>538, Lang Road,<br>Lang Ha Ward,<br>Dong Da District,<br>Hanoi City | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                        | Anh trai ông<br>Nguyễn Việt<br>Anh: Ông<br>Nguyễn<br>Tuấn Anh là<br>cổ đông sở<br>hữu phần<br>vốn góp/ Mr.<br>Nguyen Viet<br>Anh's older<br>brother: Mr.<br>Nguyen<br>Tuan Anh is<br>a<br>shareholder<br>owning<br>capital |
| 12         | TPB                       | Đinh Văn<br>Chiến                                                       |                                                                                                         | Phó TGD/<br>Deputy CEO                                           |                                                                                                      |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                           |                                                                                                                                                                              | 473.523                                                                                         | 0,02%                                                                                                           | 15/04/2024                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                            |
| 12.01      |                           | Đinh Văn<br>Dương                                                       |                                                                                                         |                                                                  | Cha đẻ<br>Father                                                                                     |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                           |                                                                                                                                                                              | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                            |
| 12.02      |                           | Lê Thị<br>Đàm                                                           |                                                                                                         |                                                                  | Mẹ đẻ<br>Mother                                                                                      |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                           |                                                                                                                                                                              | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                            |
| 12.03      |                           | Nguyễn<br>Văn Toàn                                                      |                                                                                                         |                                                                  | Bố vợ<br>Father in law                                                                               |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                           |                                                                                                                                                                              | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                            |
| 12.04      |                           | Lê Thị Tươi                                                             |                                                                                                         |                                                                  | Mẹ vợ<br>Mother in law                                                                               |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                           |                                                                                                                                                                              | 18.480                                                                                          | 0,001%                                                                                                          |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                            |
| 12.05      |                           | Nguyễn<br>Thị Mai<br>Anh                                                |                                                                                                         |                                                                  | Vợ<br>Wife                                                                                           |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                           |                                                                                                                                                                              | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                            |
| 12.06      |                           | Đinh Nhật<br>Minh                                                       |                                                                                                         |                                                                  | Con trai<br>Son                                                                                      |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                           |                                                                                                                                                                              | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                            |
| 12.07      |                           | Đinh Nhật<br>Nam                                                        |                                                                                                         |                                                                  | Con trai<br>Son                                                                                      |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                                                                                           |                                                                                                                                                                              | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                        | Còn nhỏ<br>Young                                                                                                                                                                                                           |

| Số<br>No. | Mã<br>CK<br>Stock<br>code | Họ và tên<br>Full<br>name                                                                         | Tài<br>khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ tại<br>công ty<br>Position at the<br>company (if<br>any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>người nội<br>bộ<br>Relationship<br>with<br>company/<br>internal<br>persons | Loại hình<br>Giấy NSH<br>(CCCD, Hộ<br>chiếu, Giấy<br>ĐKKD)<br>Type of<br>NSH No.<br>(ID card/<br>Passport/<br>Business<br>registration<br>certificate) | Số<br>Giấy<br>NSH<br>NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date<br>of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of issue                                                                    | Địa chỉ trụ sở<br>chính/ Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address                                                                                                                                                 | Số cổ phiếu<br>sở hữu<br>cuối kỳ<br>Number of<br>shares owned<br>at the<br>end of the<br>period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>Percentage<br>of share<br>ownership<br>at the end<br>of the<br>period | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>starting to<br>be affiliated<br>party/<br>internal<br>person of<br>the<br>company | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>ending to be<br>affiliated<br>party/<br>internal<br>persons of<br>the<br>company | Lý do<br>(khí<br>phát<br>sinh<br>thay<br>đổi liên<br>quan<br>đến<br>mục 14<br>và 15)<br>Reason<br>(related<br>to items<br>14 and<br>15) | Ghi chú (về<br>việc không<br>có số Giấy<br>NSH và các<br>ghi chú<br>khác)<br>Notes<br>(regarding<br>the absence<br>of NSH No.<br>and other<br>notes) |
|-----------|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 12.08     |                           | Đinh Văn<br>Hạnh                                                                                  |                                                                                                         |                                                                  | Em trai<br>Younger<br>brother                                                                        |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                              |                                                                                                                                                                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 12.09     |                           | Vũ Thị Thu<br>Hà                                                                                  |                                                                                                         |                                                                  | Em dâu<br>Sister in law                                                                              |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                              |                                                                                                                                                                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 12.10     |                           | Đinh Văn<br>Phúc                                                                                  |                                                                                                         |                                                                  | Em trai<br>Younger<br>brother                                                                        |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                              |                                                                                                                                                                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 12.11     |                           | Nguyễn<br>Thị Đào                                                                                 |                                                                                                         |                                                                  | Em dâu<br>Sister in law                                                                              |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                              |                                                                                                                                                                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 12.12     |                           | Đinh Văn<br>Thiện                                                                                 |                                                                                                         |                                                                  | Em trai<br>Younger<br>brother                                                                        |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                              |                                                                                                                                                                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 12.13     |                           | Lê Thị<br>Hiền                                                                                    |                                                                                                         |                                                                  | Em dâu<br>Sister in law                                                                              |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                              |                                                                                                                                                                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 12.14     |                           | Công ty<br>TNHH Đào<br>tạo Phương<br>Pháp Mới/<br>New<br>Method<br>Training<br>Company<br>Limited |                                                                                                         |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Giấy ĐKKD/<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                  | 010590<br>5768                  | 31/05<br>/2012                     | Sở KHĐT TP.<br>Hà Nội/<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of<br>Hanoi City       | Số 11/126 Hoàng<br>Văn Thái, Phường<br>Khuong Mai,<br>Quận Thanh<br>Xuân, Thành phố<br>Hà Nội, Việt<br>Nam/ No. 11/126<br>Hoang Van Thai,<br>Khuong Mai<br>Ward, Thanh<br>Xuan District,<br>Hanoi City | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | Ông Đinh<br>Văn Chiến là<br>Người quản<br>lý công ty/<br>Mr. Dinh<br>Van Chien is<br>the company<br>manager                                          |
| 12.15     |                           | Công ty<br>TNHH<br>UNIMATE<br>UNIMATE<br>LLC                                                      |                                                                                                         |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Giấy ĐKKD/<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                  | 031864<br>0717                  | 26/08<br>/2024                     | Sở KHĐT TP.<br>Hà Nội/<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of Ho<br>Chi Minh City | 123 Đường 39,<br>Khu phố 3,<br>Phường Tân Quý,<br>Quận 7, Thành<br>phố Hồ Chí Minh/<br>123 Street 39,<br>Ward 3, Tan Quy<br>Ward, District 7,<br>Ho Chi Minh City                                      | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | Con ông<br>Đinh Văn<br>Chiến là<br>Người quản<br>lý công ty/<br>Mr. Dinh<br>Van Chien's<br>son is the<br>company<br>manager                          |
| 13        | TPB                       | Khúc Văn<br>Hợp                                                                                   |                                                                                                         | Phó TGD/<br>Deputy CEO                                           |                                                                                                      |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                              |                                                                                                                                                                                                        | 493.631                                                                                         | 0,02%                                                                                                           | 26/06/2025                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 13.01     |                           | Vũ Thị Bé                                                                                         |                                                                                                         |                                                                  | Mẹ đẻ<br>Mother                                                                                      |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                              |                                                                                                                                                                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |

| Stt No. | MA CK Stock code | Họ và tên Full name  | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty Position at the company (if any) | Mối quan hệ đối với người nội bộ Relationship with company/ internal persons | Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, Giấy ĐKKD) Type of NSH No. (ID card/ Passport/ Business registration certificate) | Số Giấy NSH NSH No. | Ngày cấp Date of issue | Nơi cấp Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of starting to be affiliated party/ internal person of the company | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time of ending to be affiliated party/ internal persons of the company | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 14 và 15) Reason (related to items 14 and 15) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (regarding the absence of NSH No. and other notes) |
|---------|------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------|------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 13.02   |                  | Bùi Thu Liễu         |                                                                              |                                                      | Mẹ vợ Mother in law                                                          |                                                                                                                       |                     |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 13.03   |                  | Phạm Thu Huyền       |                                                                              |                                                      | Vợ Wife                                                                      |                                                                                                                       |                     |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 13.04   |                  | Khúc Thu Huyền Mai   |                                                                              |                                                      | Con gái Daughter                                                             |                                                                                                                       |                     |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 13.05   |                  | Khúc Thị Huyền Trang |                                                                              |                                                      | Con gái Daughter                                                             |                                                                                                                       |                     |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 13.06   |                  | Khúc Sơn Hải         |                                                                              |                                                      | Con trai Son                                                                 |                                                                                                                       |                     |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 13.07   |                  | Lê Thị Phương        |                                                                              |                                                      | Chị dâu Sister in law                                                        |                                                                                                                       |                     |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 13.08   |                  | Khúc Thị Hoàng       |                                                                              |                                                      | Chị gái Older sister                                                         |                                                                                                                       |                     |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 13.09   |                  | Lê Văn Đôn           |                                                                              |                                                      | Anh rể Brother in law                                                        |                                                                                                                       |                     |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 13.10   |                  | Khúc Thị Thu Hạ      |                                                                              |                                                      | Chị gái Older sister                                                         |                                                                                                                       |                     |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 13.11   |                  | Vũ Văn Chấp          |                                                                              |                                                      | Anh rể Brother in law                                                        |                                                                                                                       |                     |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 13.12   |                  | Khúc Thu Hoàn        |                                                                              |                                                      | Chị gái Older sister                                                         |                                                                                                                       |                     |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 14      | TPB              | Bùi Quang Cường      |                                                                              | Phó TGD/ Deputy CEO                                  |                                                                              |                                                                                                                       |                     |                        |                        |                                               | 236.761                                                                    | 0,01%                                                                                | 16/11/2021                                                                                                                                |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 14.01   |                  | Bùi Quang Hòe        |                                                                              |                                                      | Cha đẻ Father                                                                |                                                                                                                       |                     |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 14.02   |                  | Doãn Thị Hòa         |                                                                              |                                                      | Mẹ đẻ Mother                                                                 |                                                                                                                       |                     |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 14.03   |                  | Long Văn Minh        |                                                                              |                                                      | Bố vợ Father in law                                                          |                                                                                                                       |                     |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 14.04   |                  | Hoàng Thị Sơn        |                                                                              |                                                      | Mẹ vợ Mother in law                                                          |                                                                                                                       |                     |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 14.05   |                  | Long Thị Kim Oanh    |                                                                              |                                                      | Vợ Wife                                                                      |                                                                                                                       |                     |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 14.06   |                  | Bùi Quang Lâm        |                                                                              |                                                      | Con trai Son                                                                 |                                                                                                                       |                     |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |
| 14.07   |                  | Bùi Quang Kiên       |                                                                              |                                                      | Con trai Son                                                                 |                                                                                                                       |                     |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0,00%                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                                               |                                                                                                                     |

| SĐT<br>No. | Mã<br>CK<br>Stock<br>code | Họ và tên<br>Full<br>name                                           | Tài<br>khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ tại<br>công ty<br>Position at the<br>company (if<br>any) | Mối quan<br>hệ đối với<br>người nội<br>bộ<br>Relationship<br>with<br>company/<br>internal<br>persons | Loại hình<br>Giấy NSH<br>(CCCD, Hộ<br>chiếu, Giấy<br>ĐKKD)<br>Type of<br>NSH No.<br>(ID card/<br>Passport/<br>Business<br>registration<br>certificate) | Số<br>Giấy<br>NSH<br>NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date<br>of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of issue                                                              | Địa chỉ trụ sở<br>chính/ Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address                                                                                                                                                                                                         | Số cổ phiếu<br>sở hữu<br>cuối kỳ<br>Number of<br>shares owned<br>at the<br>end of the<br>period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>Percentage<br>of share<br>ownership<br>at the end<br>of the<br>period | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>starting to<br>be affiliated<br>party/<br>internal<br>person of<br>the<br>company | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>ending to be<br>affiliated<br>party/<br>internal<br>persons of<br>the<br>company | Lý do<br>(khi<br>phát<br>sinh<br>thay<br>đổi liên<br>quan<br>đến<br>mục 14<br>và 15)<br>Reason<br>(related<br>to items<br>14 and<br>15) | Ghi chú (về<br>việc không<br>có sổ Giấy<br>NSH và các<br>ghi chú<br>khác)<br>Notes<br>(regarding<br>the absence<br>of NSH No.<br>and other<br>notes)                       |
|------------|---------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 14.08      |                           | Bà Thị<br>Mến                                                       |                                                                                                         |                                                                  | Chị gái<br>Older sister                                                                              |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                            |
| 14.09      |                           | Bà Quang<br>Thuận                                                   |                                                                                                         |                                                                  | Anh trai<br>Older brother                                                                            |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                            |
| 14.10      |                           | Đỗ Thị<br>Tâm                                                       |                                                                                                         |                                                                  | Chị dâu<br>Sister in law                                                                             |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                            |
| 14.11      |                           | Bà Quang<br>Thịnh                                                   |                                                                                                         |                                                                  | Anh trai<br>Older brother                                                                            |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                            |
| 14.12      |                           | Bà Thị<br>Miên                                                      |                                                                                                         |                                                                  | Chị dâu<br>Sister in law                                                                             |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                            |
| 14.13      |                           | Bà Quang<br>Ký                                                      |                                                                                                         |                                                                  | Em trai<br>Younger<br>brother                                                                        |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                            |
| 14.14      |                           | Đào Thị<br>Nhưng                                                    |                                                                                                         |                                                                  | Em dâu<br>Sister in law                                                                              |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                            |
| 14.15      |                           | Công ty cổ<br>phần<br>Medirad/<br>Medirad<br>Joint Stock<br>Company |                                                                                                         |                                                                  | Tổ chức có<br>liên quan<br>Affiliated<br>organization                                                | Giấy ĐKKD/<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                  | 011024<br>6158                  | 09/02<br>/2023                     | Sở KHĐT TP.<br>Hà Nội/<br>Department of<br>Planning and<br>Investment of<br>Hanoi City | Tầng 11, tòa nhà<br>văn phòng Mipeco<br>số 229 Tây Sơn,<br>Phường Ngã Tư<br>Sò, Quận Đống<br>Đa, Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam/<br>11th Floor, Mipeco<br>Office Building<br>No. 229 Tay Son,<br>Ngã Tư Sò Ward,<br>Dong Da District,<br>Hanoi City,<br>Vietnam | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         | Vợ ông Bùi<br>Quang<br>Cương: Bà<br>Long Thị<br>Kim Oanh là<br>cổ đông góp<br>vốn/ Mr. Bui<br>Quang<br>Cuong's<br>wife: Ms.<br>Long Thi<br>Kim Oanh is<br>a<br>shareholder |
| 15         | TPB                       | Lê Cẩm<br>Tú                                                        |                                                                                                         | Kế toán<br>trưởng/<br>Chief<br>Accountant                        |                                                                                                      |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                | 414.333                                                                                         | 0,01%                                                                                                           | 27/04/2013                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                            |
| 15.01      |                           | Lê Sỹ Hồi                                                           |                                                                                                         |                                                                  | Cha đẻ<br>Father                                                                                     |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                            |
| 15.02      |                           | Nguyễn<br>Thị Kim<br>Dung                                           |                                                                                                         |                                                                  | Mẹ chồng<br>Mother in law                                                                            |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                            |
| 15.03      |                           | Phạm Nam<br>Anh                                                     |                                                                                                         |                                                                  | Chồng<br>Husband                                                                                     |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                            |
| 15.04      |                           | Phạm Nam<br>Khánh                                                   |                                                                                                         |                                                                  | Con trai<br>Son                                                                                      |                                                                                                                                                        |                                 |                                    |                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                            |

| Sr<br>No. | MA<br>CK<br>Stock<br>code | Họ và tên<br>Full<br>name   | Tài<br>khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if any) | Chức vụ tại<br>công ty<br>Position at the<br>company (if<br>any)                | Mối quan<br>hệ đối với<br>người nội<br>bộ<br>Relationship<br>with<br>company/<br>internal<br>persons | Loại hình<br>Giấy NSH<br>(CCCD, Hộ<br>chiếu, Giấy<br>ĐKKD)<br>Type of<br>NSH No.<br>(ID card/<br>Passport/<br>Business<br>registration<br>certificate) | Số<br>Giấy<br>NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date<br>of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of issue | Địa chỉ trụ sở<br>chính/ Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu<br>cuối kỳ<br>Number of<br>shares owned<br>at the<br>end of the<br>period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>Percentage<br>of share<br>ownership<br>at the end<br>of the<br>period | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>starting to<br>be affiliated<br>party/<br>internal<br>person of<br>the<br>company | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br>của công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Time of<br>ending to be<br>affiliated<br>party/<br>internal<br>persons of<br>the<br>company | Lý do<br>(khí<br>phát<br>sinh<br>thay<br>đổi liên<br>quan<br>đến<br>mục 14<br>và 15)<br>Reason<br>(related<br>to items<br>14 and<br>15) | Ghi chú (về<br>việc không<br>có số Giấy<br>NSH và các<br>ghi chú<br>khác)<br>Notes<br>(regarding<br>the absence<br>of NSH No.<br>and other<br>notes) |
|-----------|---------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 15.05     |                           | Phạm Lê<br>Minh<br>Khánh    |                                                                                                         |                                                                                 | Con gái<br>Daughter                                                                                  |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 15.06     |                           | Lê Thủy<br>Vinh             |                                                                                                         |                                                                                 | Em gái<br>Younger sister                                                                             |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 15.07     |                           | Nguyễn<br>Hải Thăng         |                                                                                                         |                                                                                 | Em rể<br>Brother in<br>law                                                                           |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 16        | TPB                       | Nguyễn<br>Thị Thanh<br>Tâm  |                                                                                                         | Người phụ<br>trách quản trị<br>Ngân hàng/<br>Corporate<br>governance<br>officer |                                                                                                      |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           | 26/10/2019                                                                                                                                                                          | 08/12/2025                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                         | Miễn<br>nhiệm/<br>Dismissal                                                                                                                          |
| 16.01     |                           | Nguyễn<br>Thị Thanh<br>Diệp |                                                                                                         |                                                                                 | Mẹ đẻ<br>Mother                                                                                      |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     | 08/12/2025                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 16.02     |                           | Trần Quốc<br>Sở             |                                                                                                         |                                                                                 | Bố chồng<br>Father in law                                                                            |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     | 08/12/2025                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 16.03     |                           | Trần Thị<br>Huệ             |                                                                                                         |                                                                                 | Mẹ chồng<br>Mother in law                                                                            |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     | 08/12/2025                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 16.04     |                           | Trần Ngọc<br>Tú             |                                                                                                         |                                                                                 | Chồng<br>Husband                                                                                     |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     | 08/12/2025                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 16.05     |                           | Trần<br>Nguyễn<br>Khôi      |                                                                                                         |                                                                                 | Con trai<br>Son                                                                                      |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     | 08/12/2025                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 16.06     |                           | Trần Mai<br>Khôi            |                                                                                                         |                                                                                 | Con gái<br>Daughter                                                                                  |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     | 08/12/2025                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                         | Còn nhỏ<br>Young                                                                                                                                     |
| 16.07     |                           | Nguyễn<br>Trung Kiên        |                                                                                                         |                                                                                 | Anh trai<br>Older brother                                                                            |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 23                                                                                              | 0,000%                                                                                                          |                                                                                                                                                                                     | 08/12/2025                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |
| 16.08     |                           | Nguyễn<br>Minh Ngọc         |                                                                                                         |                                                                                 | Chị dâu<br>Sister in law                                                                             |                                                                                                                                                        |                          |                                    |                           |                                                        | 0                                                                                               | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                                     | 08/12/2025                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                      |